

**CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KINH TẾ TRUNG QUỐC (VCES)  
VIỆN NGHIÊN CỨU KINH TẾ VÀ CHÍNH SÁCH  
&  
VIỆN KINH TẾ VÀ CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI (IWEP)  
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM**



**Tài liệu Hội thảo Công bố báo cáo**

**“KINH TẾ TRUNG QUỐC  
6 THÁNG CUỐI NĂM 2014  
VÀ TRIỂN VỌNG 2015”**

**Hà Nội, 04/2015**



## CHƯƠNG TRÌNH

Hội thảo Công bố báo cáo

### “KINH TẾ TRUNG QUỐC 6 THÁNG CUỐI NĂM 2014 VÀ TRIỂN VỌNG 2015”

Ngày 02/04/2015

Hội trường tầng 4, Số 176 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội

13:30 – 14:00	<b>Đăng ký đại biểu</b>
14:00 – 14:05	Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu
14:05 – 14:15	Phát biểu khai mạc: <ul style="list-style-type: none"><li>- PGS.TS. Chu Đức Dũng – Viện trưởng Viện Kinh tế và Chính trị thế giới (IWEP), Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.</li><li>- TS. Nguyễn Đức Thành – Viện trưởng Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR), Trường ĐHKT – ĐHQGHN.</li></ul>
14:15 – 15:00	Báo cáo “Kinh tế Trung Quốc 6 tháng cuối năm 2014 và triển vọng 2015” – TS. Phạm Sỹ Thành – Giám đốc Chương trình Nghiên cứu Kinh tế Trung Quốc thuộc VEPR (VCES).
15:00 – 15:45	Hỏi – đáp và thảo luận
15:45 – 16:00	<b>Kết luận và bế mạc</b>

**BAN TỔ CHỨC**

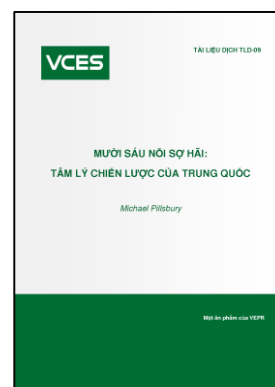
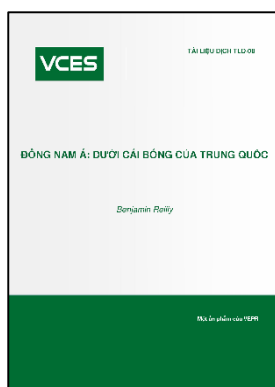
## CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KINH TẾ TRUNG QUỐC THUỘC VEPR (VCES)

Chương trình Nghiên cứu Kinh tế Trung Quốc (VCES) là chương trình nghiên cứu chuyên sâu về các vấn đề liên quan tới kinh tế Trung Quốc, trực thuộc Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR), Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

### Chương trình dự tính cho ra các sản phẩm bao gồm:

- (1) Báo cáo định kỳ về tình hình kinh tế vĩ mô của Trung Quốc;
- (2) Báo cáo thường niên về Kinh tế Trung Quốc;
- (3) Các dự án, chương trình nghiên cứu liên quan tới kinh tế Trung Quốc trong mối tương quan với khu vực và tác động tới Việt Nam như Dự án Biên dịch tài liệu về Kinh tế và Chính sách Trung Quốc;
- (4) Các báo cáo chuyên đề về những vấn đề nổi bật về tình hình kinh tế - chính trị - xã hội của Trung Quốc và hàm ý chính sách cho Việt Nam;
- (5) Các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế nhằm tạo ra một diễn đàn để các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách cùng trao đổi, thảo luận nhằm đưa ra những gợi mở, khuyến nghị đối với Việt Nam trong quan hệ kinh tế - chính trị với Trung Quốc;
- (6) Các khóa học, các chương trình đào tạo và báo cáo tư vấn có liên quan tới kinh tế Trung Quốc.

### Xuất bản phẩm:



Thông tin về Chương trình và danh mục các sản phẩm đã xuất bản của VCES:

<http://vepr.org.vn/533/news/339189/ct-nghien-cuu-kinh-te-trung-quoc.html>

# **KINH TẾ TRUNG QUỐC 2014:**

## **HƯỚNG RA BÊN NGOÀI ĐỂ HỖ TRỢ BÊN TRONG**

Trình bày: **TS. Phạm Sỹ Thành**

Giám đốc Chương trình Nghiên cứu Kinh tế Trung Quốc thuộc VEPR (VCES)

Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

**Hà Nội, 2/4/2015**

# Nội dung báo cáo

1. Kinh tế Trung Quốc năm 2014: Lựa chọn giữa tăng trưởng và cải cách
2. Các hoạt động ngoại giao kinh tế: Lấy kinh tế đối ngoại hỗ trợ kinh tế trong nước
3. Triển vọng kinh tế Trung Quốc 2015

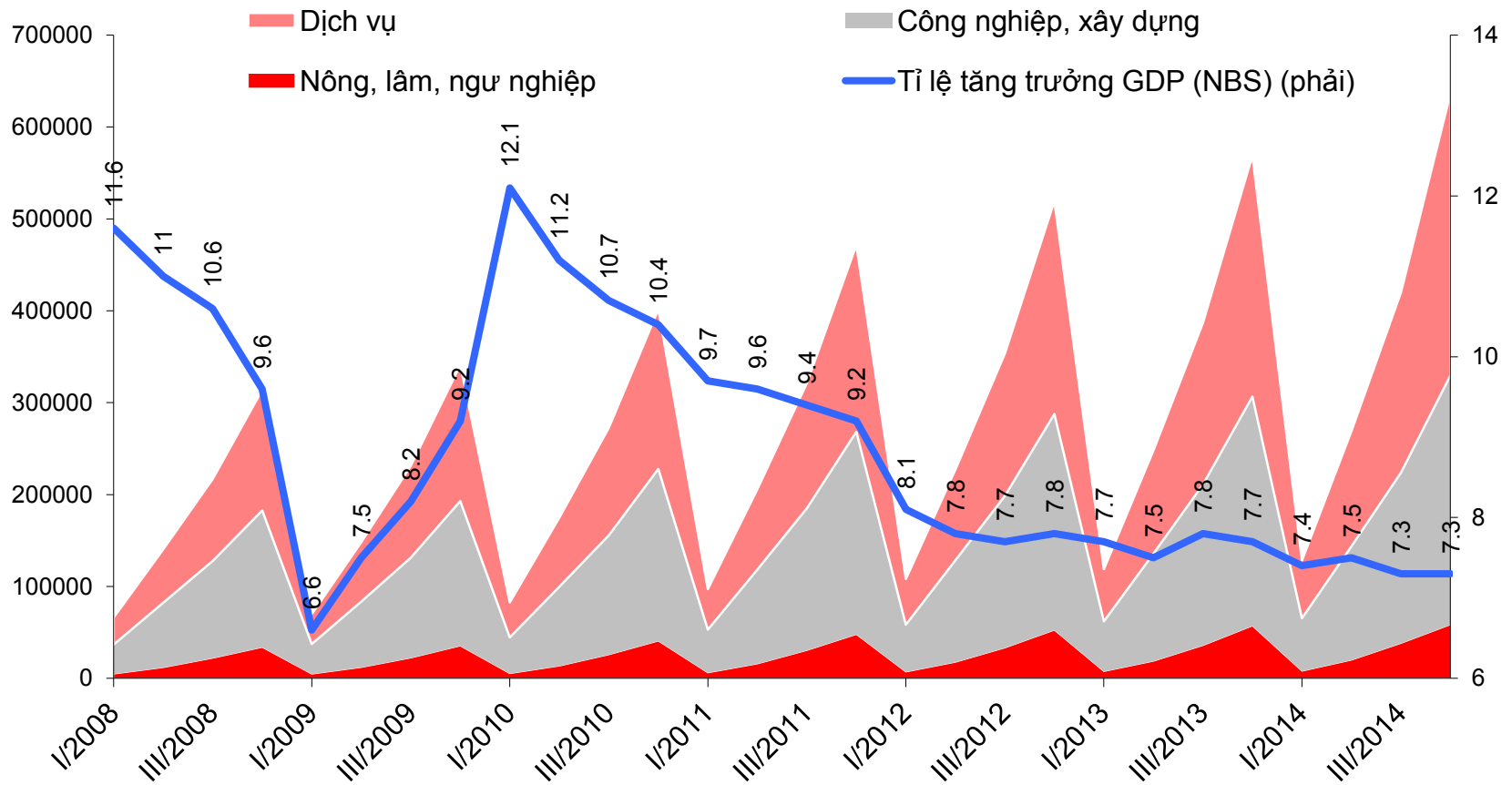
# **KINH TẾ TRUNG QUỐC 2014**

**CHỌN LỰA GIỮA TĂNG TRƯỞNG VÀ CẢI CÁCH**

# **KINH TẾ TRUNG QUỐC 2014**

## **KHÁI QUÁT**

## Tăng trưởng tiếp tục xu hướng từ quý III/2013: Dịch vụ tăng trưởng nhanh hơn công nghiệp & xây dựng



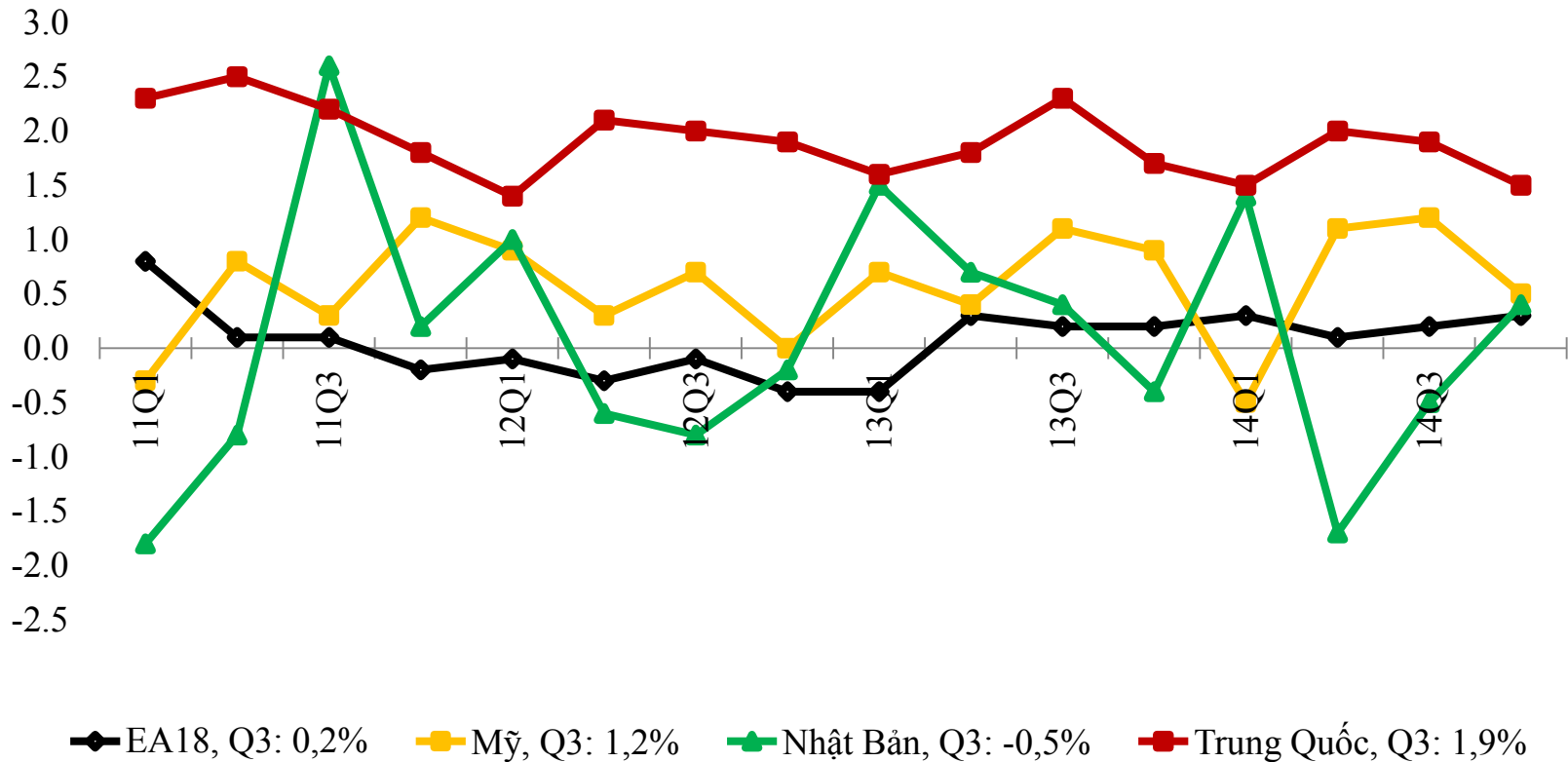


## Ba lập luận cơ bản về suy giảm tăng trưởng kinh tế Trung Quốc

- Mô hình hướng ra xuất khẩu khiến tăng trưởng kinh tế Trung Quốc phụ thuộc lớn vào các nền kinh tế chủ chốt
- Chính phủ Trung Quốc chủ động giảm tăng trưởng để hỗ trợ cải cách
- Suy giảm do các vấn đề của mô hình tăng trưởng Trung Quốc

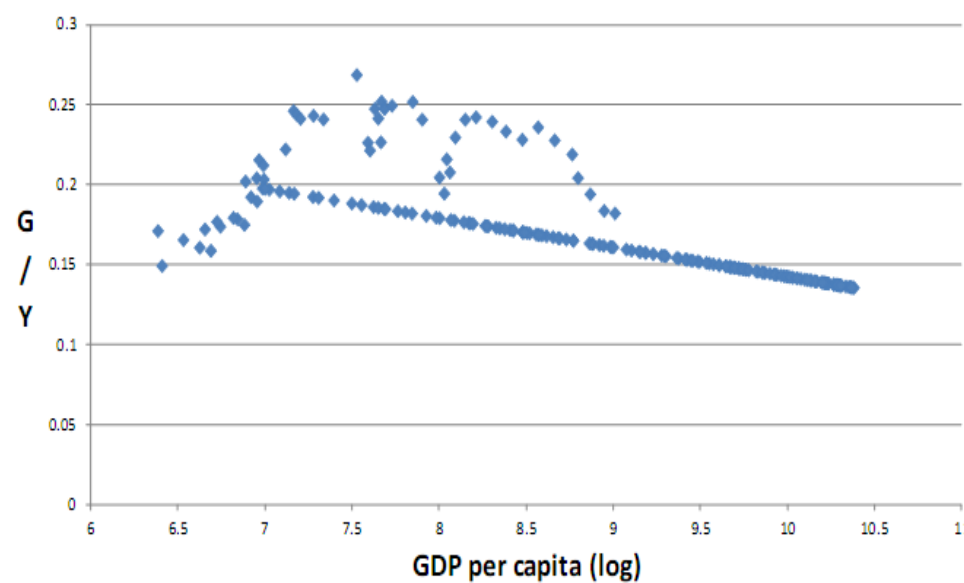
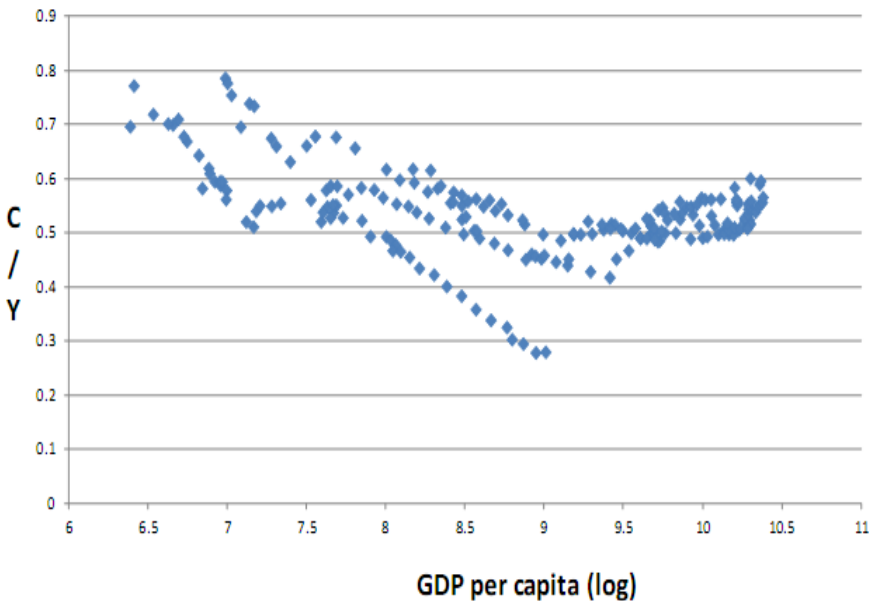
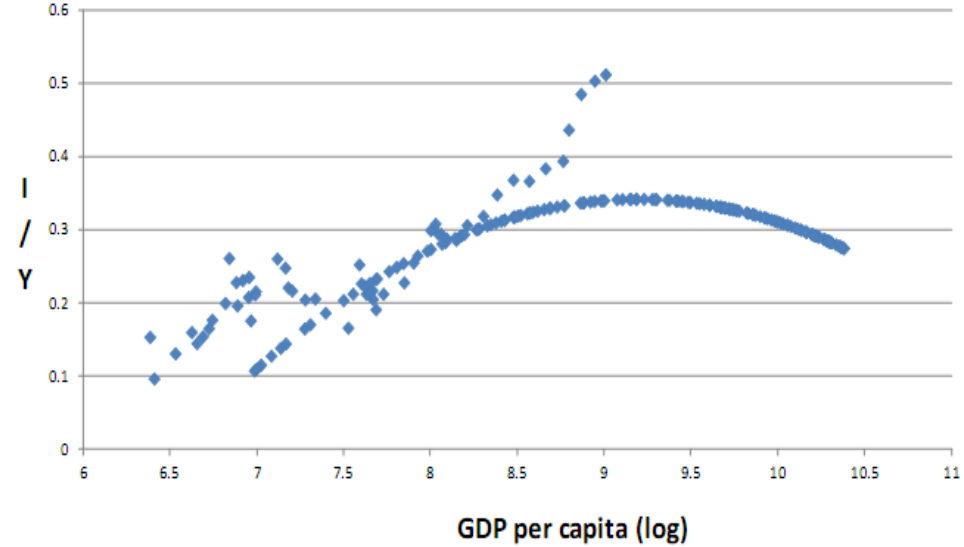
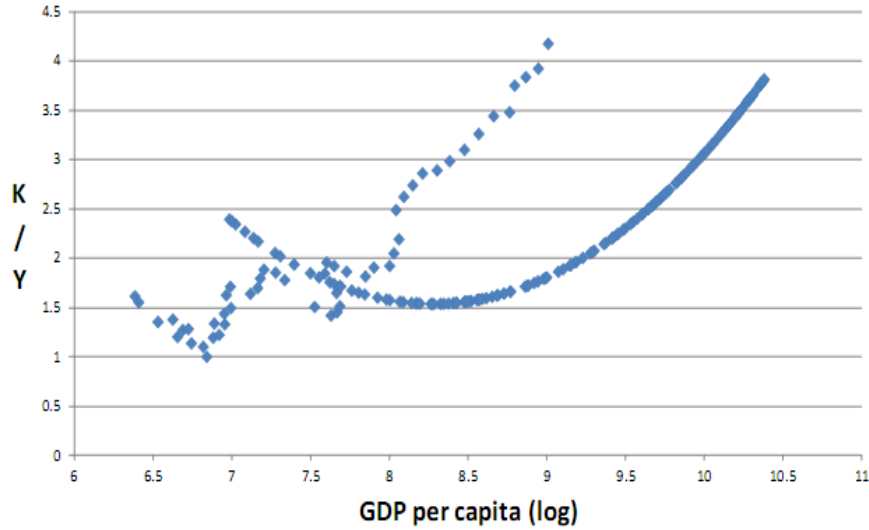
## Tăng trưởng của các nền kinh tế chủ chốt: Mỹ phục hồi, EU, Nhật Bản mong manh, Trung Quốc tiếp tục giảm tốc

Hình: Tăng trưởng tại các nền kinh tế chủ chốt, (% qoq)  
 Nguồn: VEPR (2015)



**VEPR**

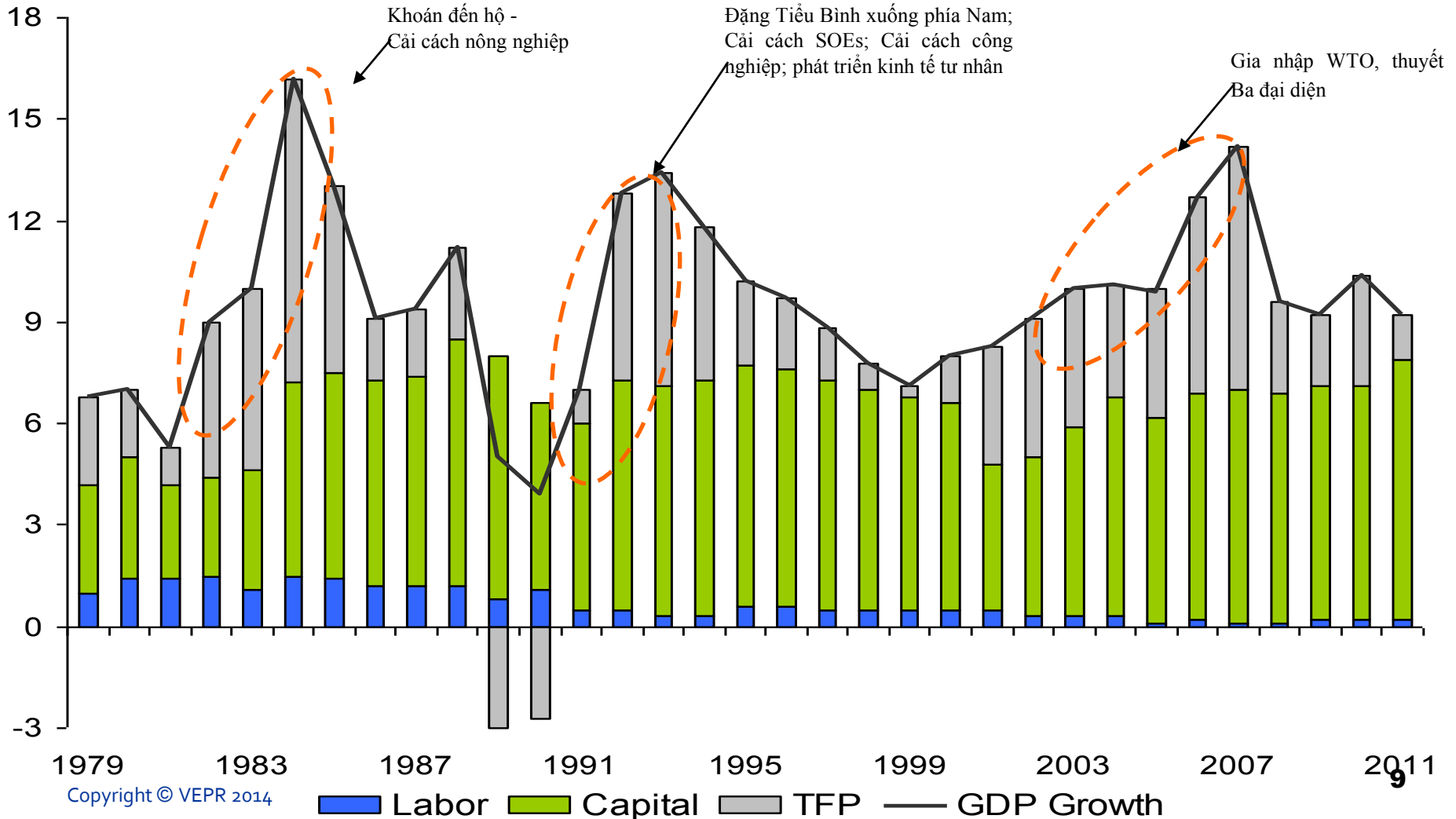
# Mô hình tăng trưởng đặc thù của Trung Quốc



# Tăng trưởng ngày càng dựa vào vốn, đóng góp của TFP suy giảm

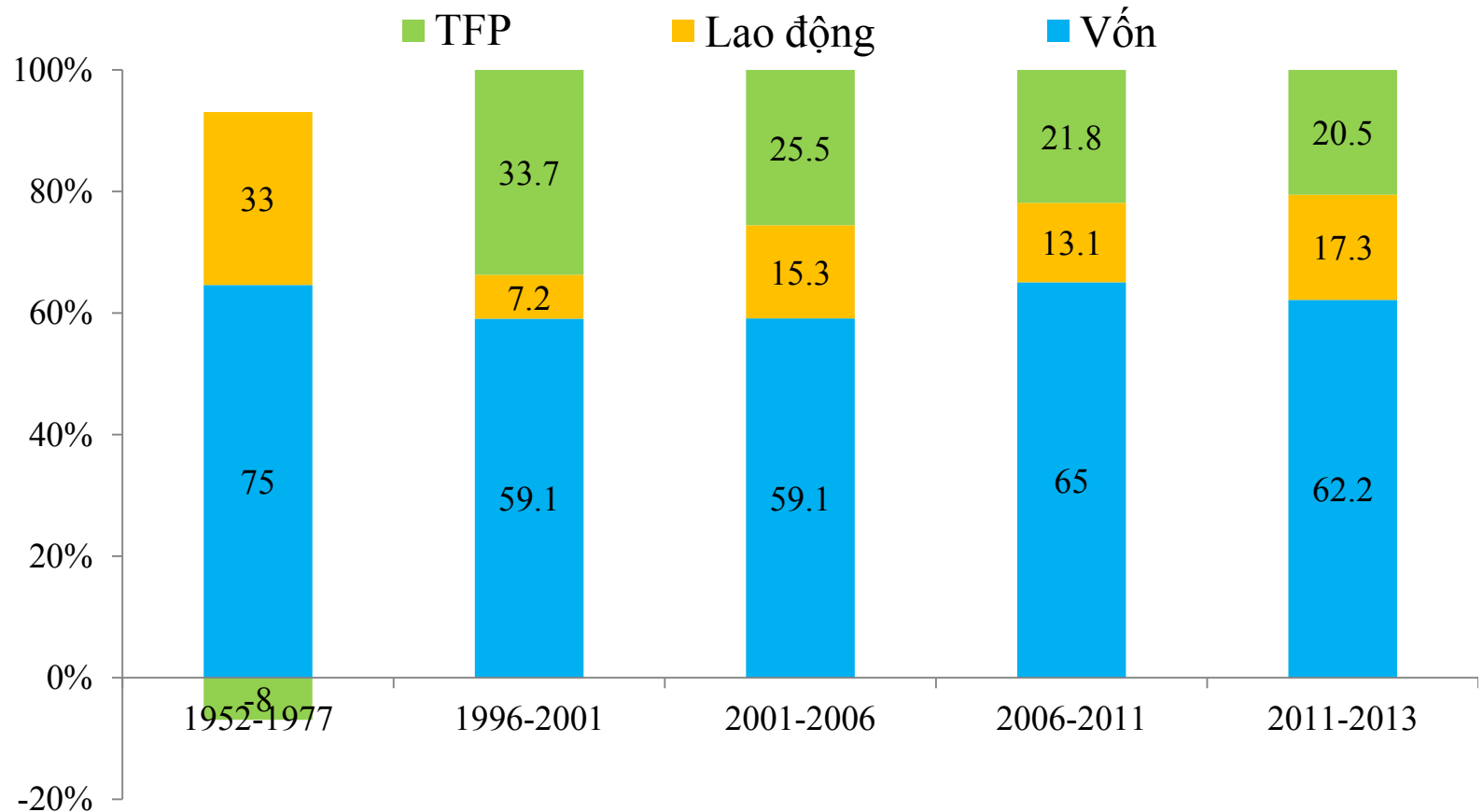
Hình: Đóng góp của các yếu tố vào tăng trưởng kinh tế Trung Quốc (1979 – 2011)

Nguồn: Tính toán theo số liệu IMF, NBS



# Đóng góp của TFP suy giảm khiến tăng trưởng suy giảm theo

Hình: Đóng góp cho tăng trưởng kinh tế theo giai đoạn  
 Nguồn: IMF, Nomura (2014, 2015)

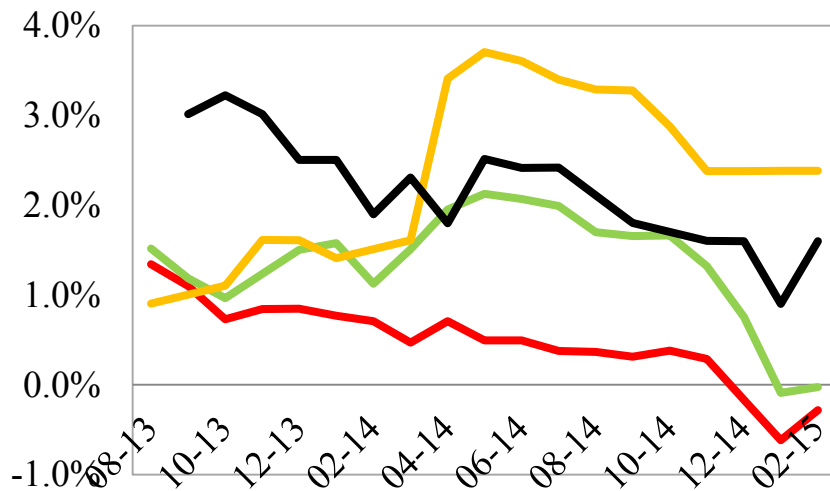


## TFP của công nghiệp suy giảm là lí do khiến TFP của nền kinh tế suy giảm

	Tăng trưởng toàn ngành	Vốn	Lao động	Tiêu hao năng lượng	TFP	Phân rã TFP		
						TC	SEC	FAEC
1981—1992	0.09	0.09	0.02	0.05	0.07	0.04	-0.02	0.05
	100.00	35.67	16.59	3.50	72.80	43.13	-25.91	55.58
1992—2001	0.13	0.08	-0.02	0.01	0.12	0.09	-0.01	0.04
	100.00	17.45	-11.70	0.21	92.80	70.53	-6.32	28.60
2001—2006	0.20	0.11	0.02	0.12	0.13	0.11	-0.01	0.04
	100.00	21.32	4.31	7.75	66.53	53.85	-5.69	18.37
1981—2006	0.13	0.09	0.01	0.05	0.10	0.07	-0.02	0.04
	100.00	24.36	2.57	3.88	77.42	56.30	-12.05	33.17

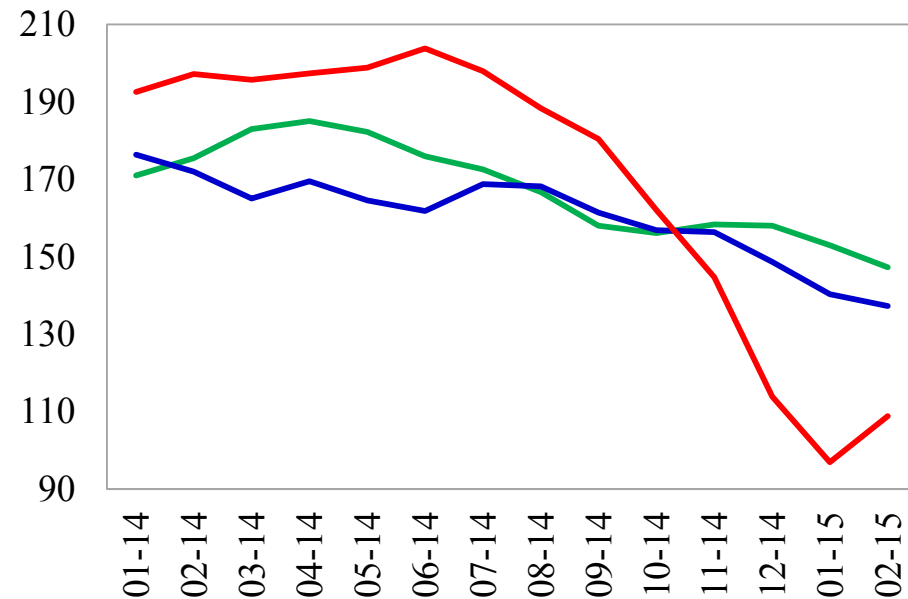
- Giai đoạn 10 năm 1992 – 2001, TFP công nghiệp có sự cải thiện lớn và là nguyên chủ yếu dẫn đến tăng trưởng của sản xuất công nghiệp nhưng điều này đã suy giảm vào giai đoạn 2001 – 2006
- Trong khi phân rã TFP, giai đoạn trước 1992 việc phân bổ lại nguồn lực đóng vai trò chính trong cải thiện TFP (FAEC)
- Nhưng trong giai đoạn TFP cải thiện mạnh nhất thì nguyên nhân là do cải thiện về hiệu suất tiến bộ kĩ thuật (TC – mua sắm thay mới máy móc thiết bị)

**Tỉ lệ lạm phát tại một số nền kinh tế chủ chốt**



- EA18, T2/15 : -0,282%
- Mỹ, T2/15 : -0,025%
- Nhật Bản, T2/15 : 2,383%
- Trung Quốc, T2/15 : 1,601%

**Chỉ số hàng hoá cơ bản**

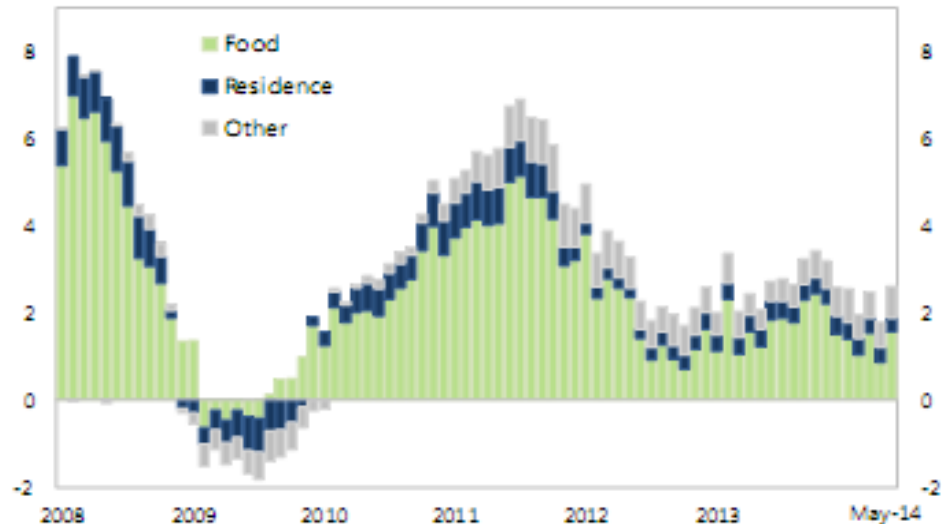
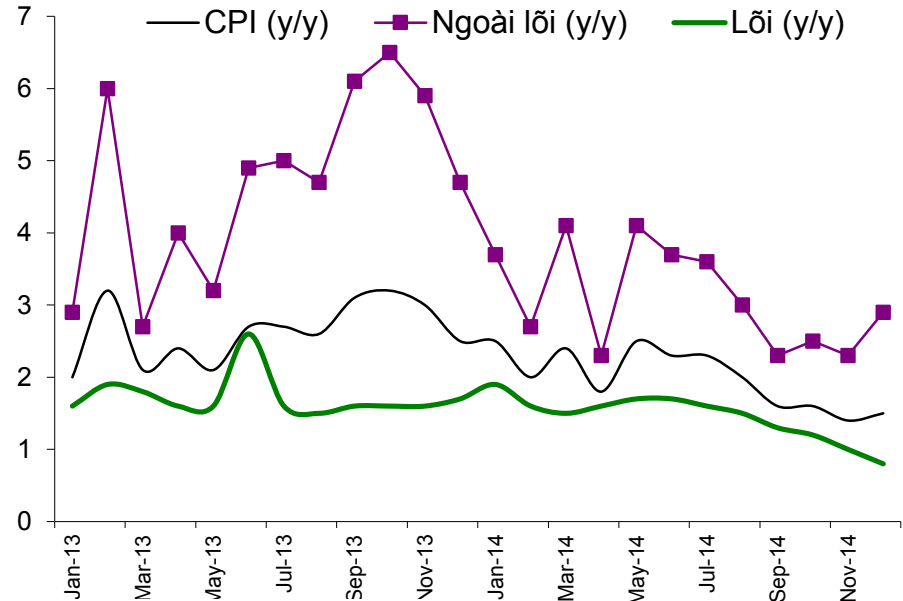
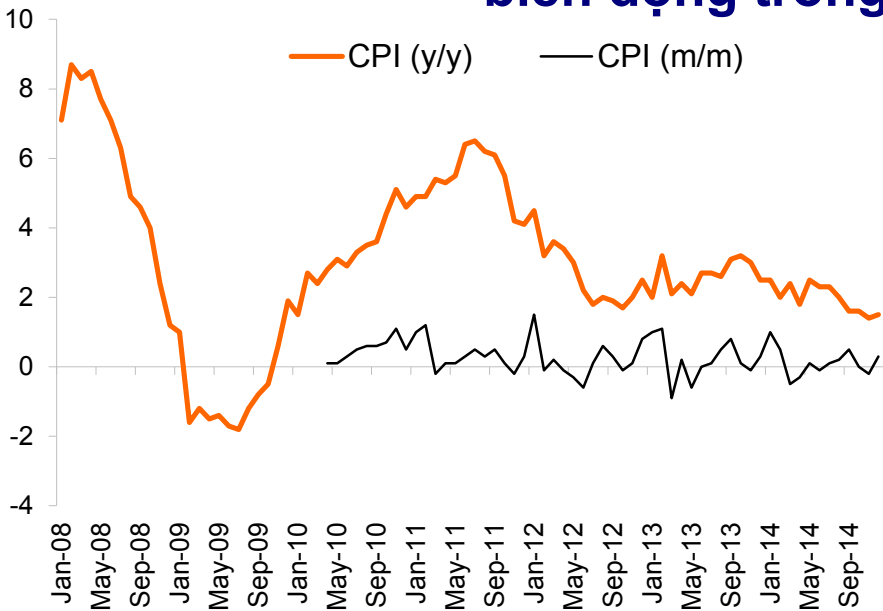


- Thức ăn, T2/2015 : 147,3
- Kim loại, T2/2015 : 137,3
- Dầu thô, T2/2015 : 108,8

- Được lợi từ giá dầu và giá lương thực thế giới giảm
- Lạm phát cả năm của Trung Quốc giống như các nền kinh tế chủ chốt khác: đối diện với nỗi lo giảm lạm phát

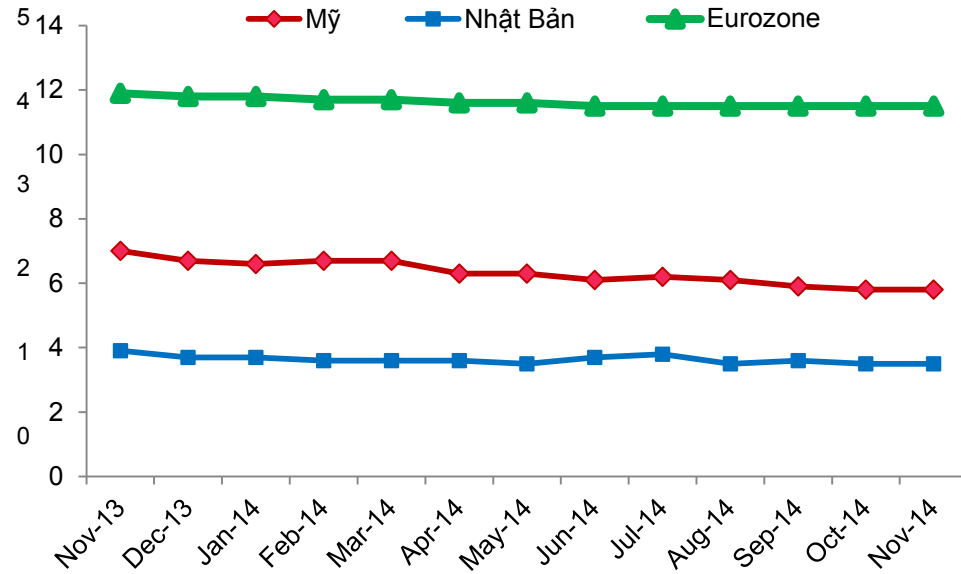
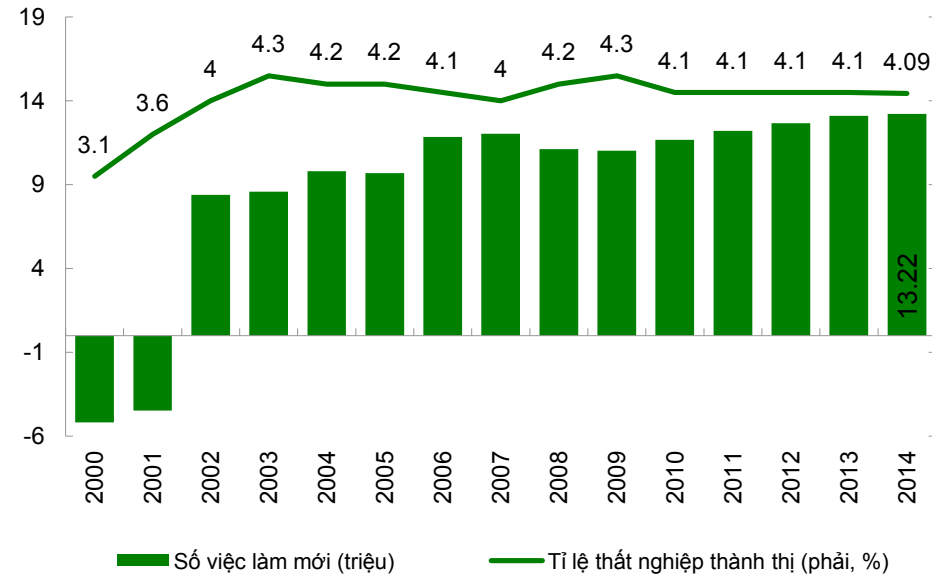
Nguồn: IMF

# Lạm phát lõi giảm, nếu giá lương thực và năng lượng thế giới ổn định lạm phát Trung Quốc ít có biến động trong năm tới





# Thị trường nhân tố - Việc làm và thất nghiệp

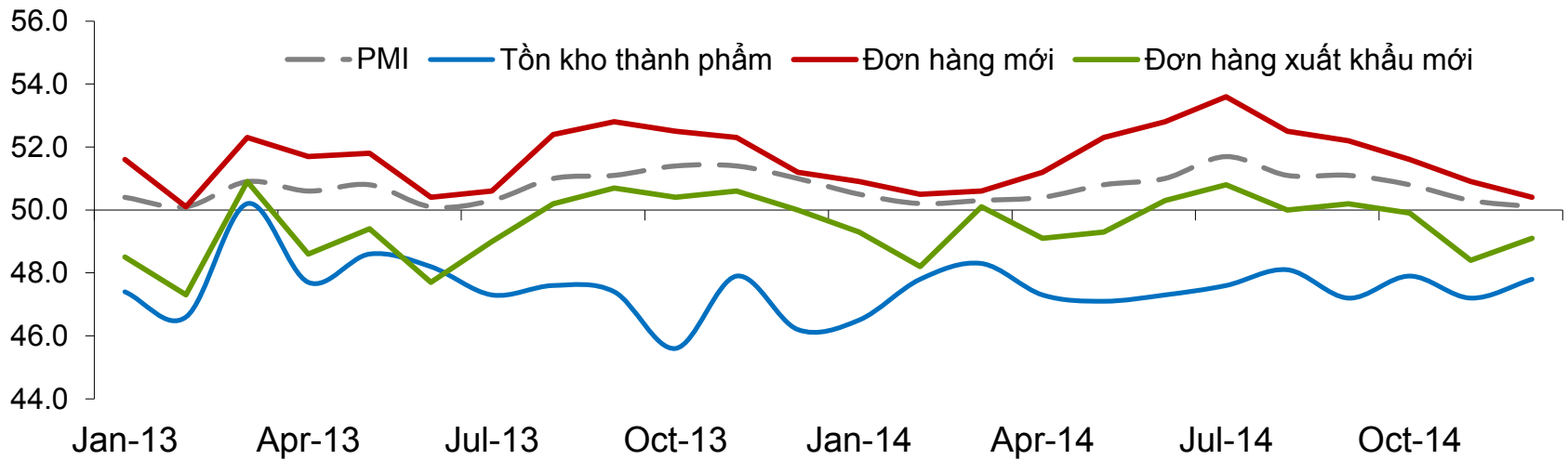
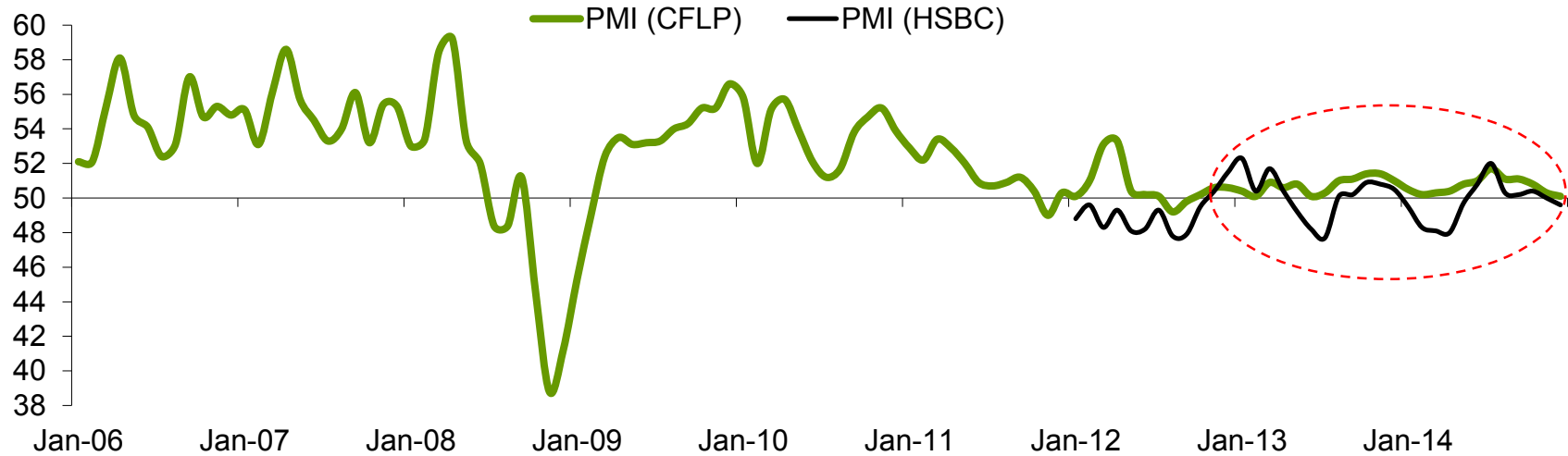


- Tăng trưởng suy giảm
- Sản xuất công nghiệp suy giảm
- Việc làm mới tạo ra nhiều nhất trong vài năm trở lại đây
- Tỉ lệ thất nghiệp tại thành thị không đổi so với mọi năm và ở mức lao động toàn dụng
- Số sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh tốt nghiệp: 7.13 triệu; số nông dân ra thành phố làm thuê: 5.01 triệu (273.95 triệu = 35.5% tổng lao động tại thành thị Trung Quốc); số người thất nghiệp có việc làm mới 5.4 triệu; số việc làm mới cho người khó kiếm việc 1.7 triệu → tổng số việc làm mới: 19.4. Số liệu thực tế: 13.22 → chỉ có 1.12 triệu sinh viên/học viên có việc làm; 6.18 triệu “thanh niên đợi việc”: 86.6% tổng số sv tốt nghiệp

# **KINH TẾ TRUNG QUỐC 2014**

## **CÁC THÀNH PHẦN TỔNG CUNG**

## Sản xuất công nghiệp: vẫn chưa khởi sắc

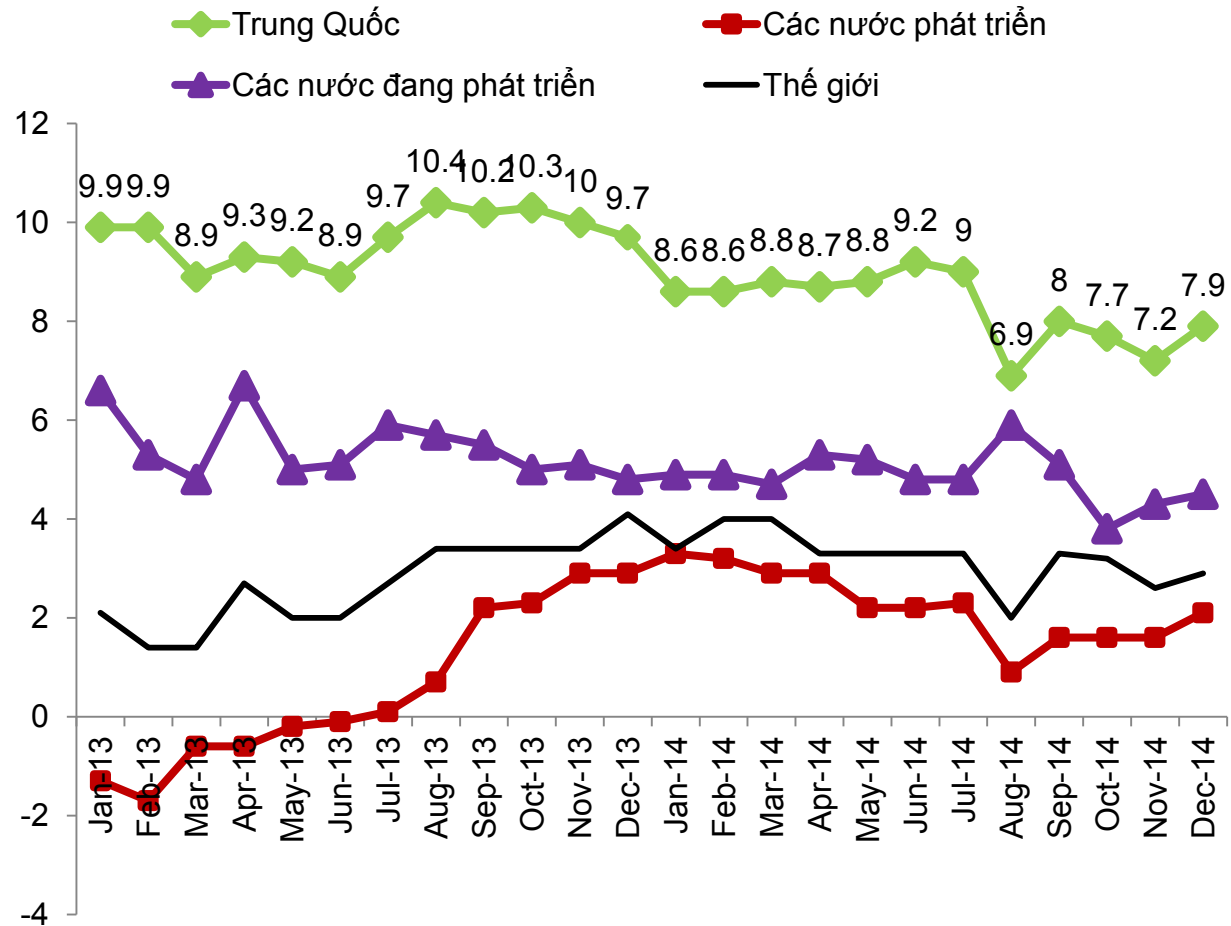


## Các chính sách ứng phó với tình hình nửa đầu năm 2014 – Trọng tâm là chính sách kích thích quy mô nhỏ, có định hướng

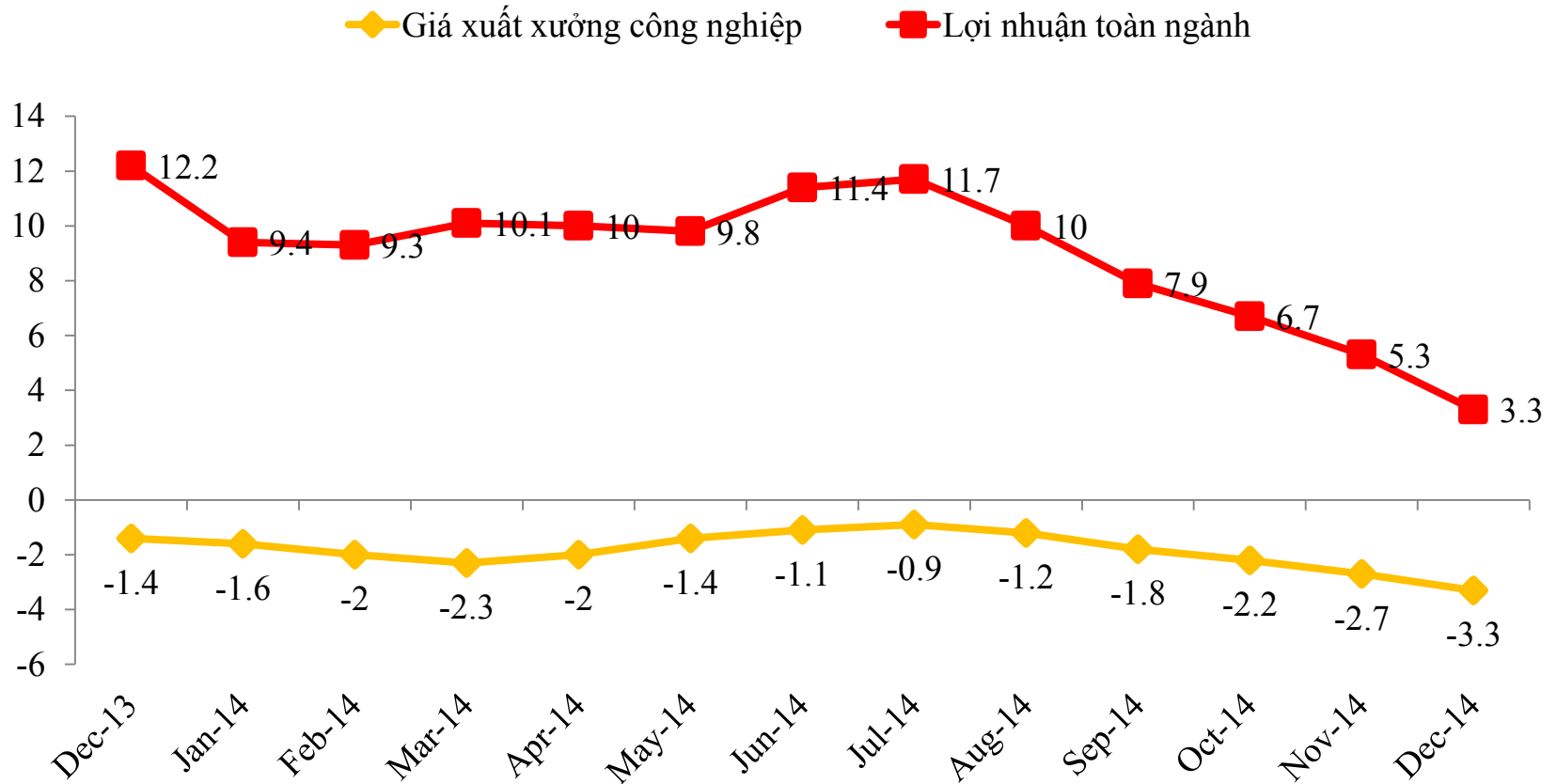
Nhóm chính sách	Chính sách cụ thể, thời gian ban hành, tên văn bản	Nội dung chính
Mở rộng đầu tư	Quy hoạch trung dài hạn về việc phát triển ngành lưu thông vật tư hàng hóa vành đai kinh tế Trường Giang, 11/6,	Phát triển hệ thống lưu thông hàng hóa đường biển, đường sắt, đường cao tốc chất lượng cao và mạng lưới sân bay của vành đai kinh tế Trường Giang
	Phát huy vai trò hỗ trợ của các hoạt động tài chính mang tính khai thác phát triển nhằm cải tạo các khu nhà cũ, 2/4	Cho phép địa phương phát hành trái phiếu đặc biệt huy động vốn để cải tạo các khu nhà cũ trong chương trình “100 triệu”. 2014 cải tạo 4,7 triệu căn nhà cũ, vốn đầu tư 1000 tỉ CNY.
	Cải cách thể chế huy động vốn của ngành đường sắt, xây dựng các quỹ phát triển đường sắt và đẩy nhanh xây dựng mạng lưới đường sắt tại miền Tây, miền Trung	Mỗi năm thu hút vốn đầu tư tư nhân 2-300 tỉ CNY, năm 2014 phát hành 150 tỉ CNY trái phiếu đường sắt, chính phủ đầu tư 800 tỉ CNY.
Ổn định ngoại thương	Tăng cường nhập khẩu, ổn định xuất khẩu, đẩy mạnh thanh toán bằng đồng CNY, 15/5	Tăng cường mức thanh toán bằng đồng CNY trong thương mại; chuẩn bị ban hành chính sách hoàn thuế xuất khẩu
	Cải thiện chất lượng ngoại thương, 30/4	Tăng cường xuất nhập khẩu thương mại dịch vụ; hỗ trợ nhập khẩu thiết bị có hàm lượng công nghệ cao, linh kiện then chốt; cải thiện thời gian thủ tục hải quan; tăng quy mô bảo lãnh tín dụng đối với hoạt động xuất khẩu
Hỗ trợ tín dụng cho nông thôn và SMEs	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hạ tỉ lệ dự trữ tiền gửi bắt buộc 0,5 điểm phần trăm đối với các NHTM trong hai lĩnh vực này, có hiệu lực từ 16/6</li> <li>NHTM cấp huyện và NH hợp tác nông thôn cũng được giảm tỉ lệ dự trữ bắt buộc 2 và 0,5 điểm phần trăm</li> </ul>	
Chính sách tài khóa	Mở rộng mức độ giảm thuế cho doanh nghiệp quy mô cực nhỏ và doanh nghiệp nhỏ	

## Sản xuất công nghiệp suy giảm mạnh dù giá dầu giảm

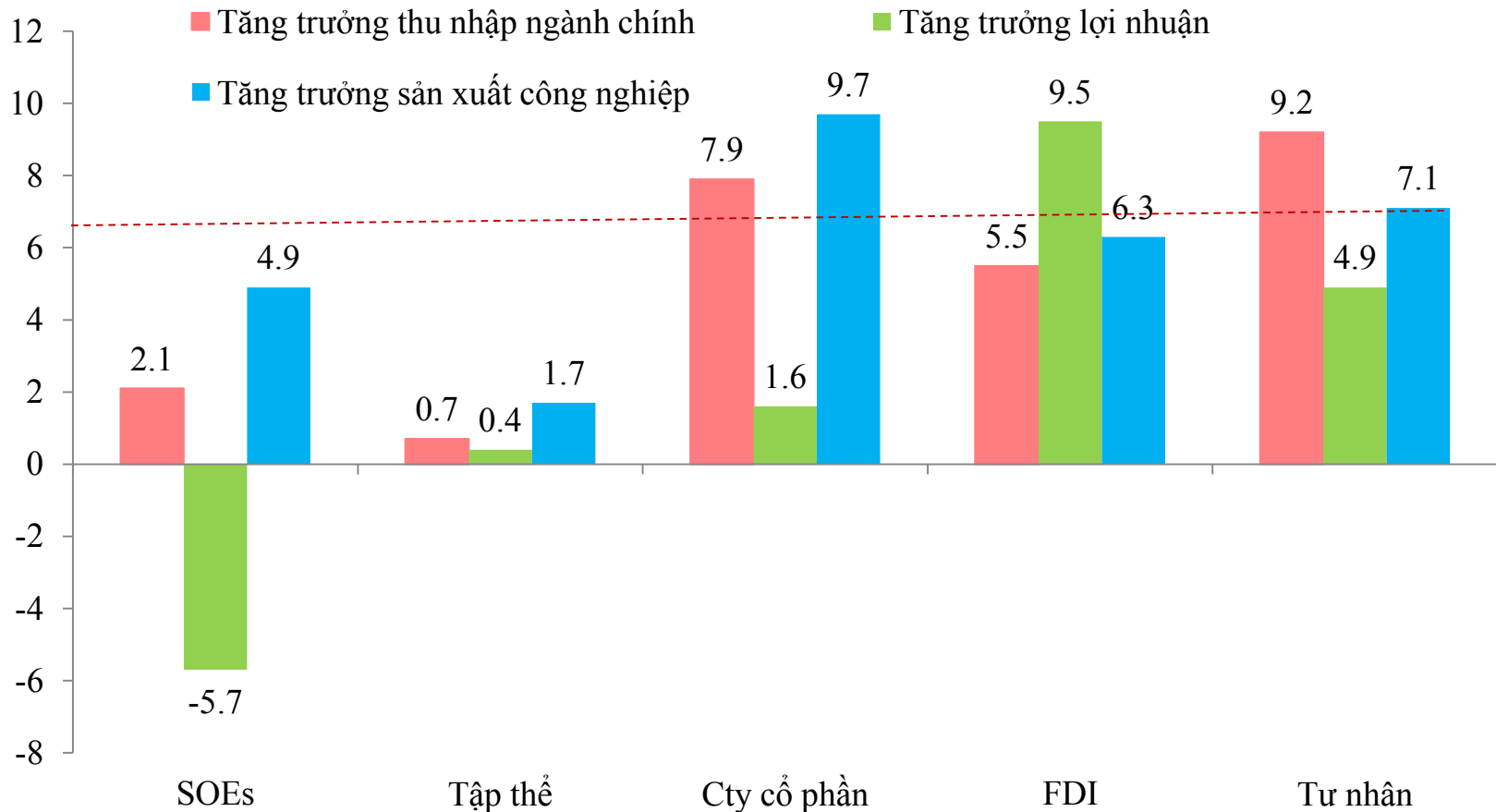
- Tăng trưởng sản xuất công nghiệp 8.3% (so với 9.7% của năm 2013)
- Chịu tác động của chính sách hướng ra xuất khẩu, tăng trưởng sản xuất công nghiệp Trung Quốc suy giảm cùng với giảm của cầu bên ngoài (các thị trường xuất khẩu chủ chốt chưa hồi phục, các thị trường mới nhu cầu có hạn) và tác động của đồng CNY tăng giá.
- Mặc dù đồng CNY năm vừa rồi đã giảm giá nhẹ so với đồng USD (-5%) nhưng do chính sách tỉ giá neo nên trong bối cảnh đồng USD tăng giá mạnh so với EUR và Yen nên xuất khẩu của Trung Quốc sang các thị trường EU và Nhật Bản chịu tác động lớn



## Nhưng sản xuất công nghiệp của Trung Quốc còn phải đối diện với vấn đề riêng: giá PPI và lợi nhuận đều sụt giảm mạnh



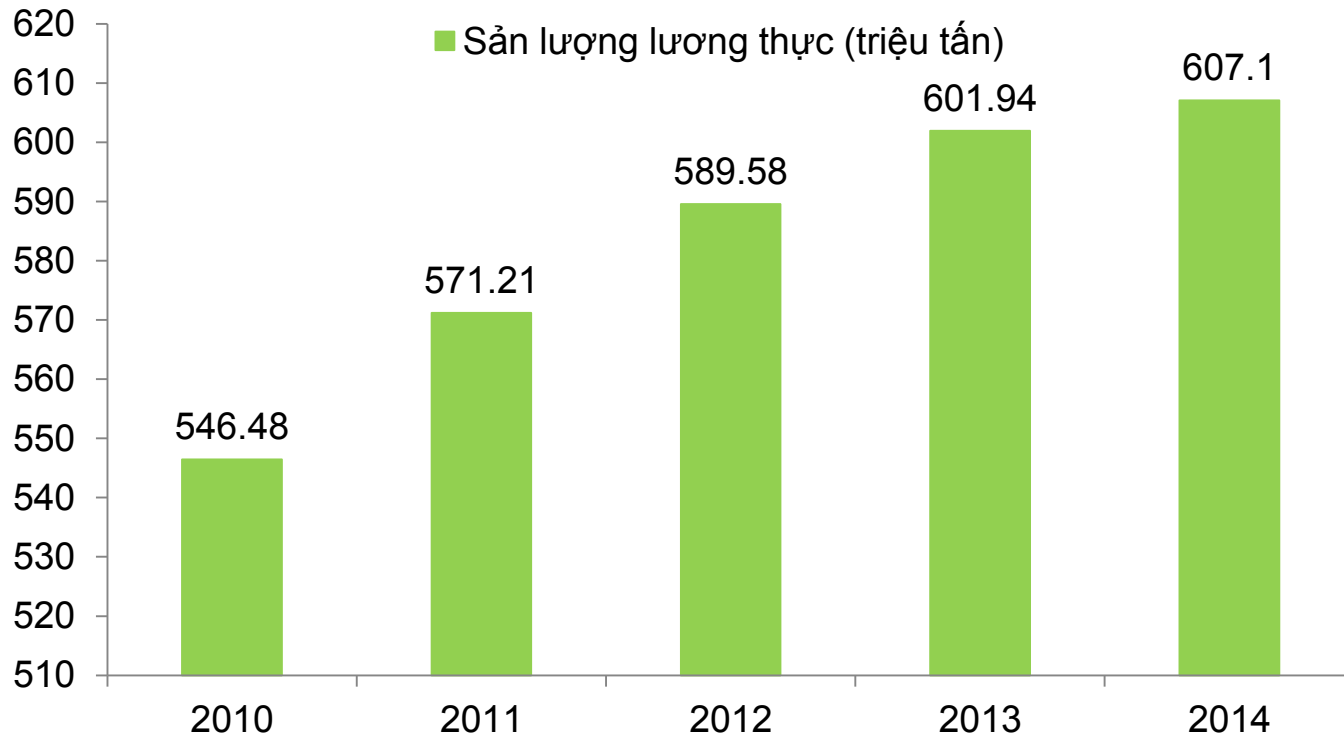
## Hiệu quả sản xuất công nghiệp theo chế độ sở hữu



→ Chỉ có cty cổ phần có tăng trưởng sản xuất cao hơn mức toàn ngành

→ Chỉ có doanh nghiệp tư nhân và FDI có lợi nhuận cao hơn mức của toàn ngành:  
vai trò của việc tham gia xuất khẩu

## Sản xuất nông nghiệp



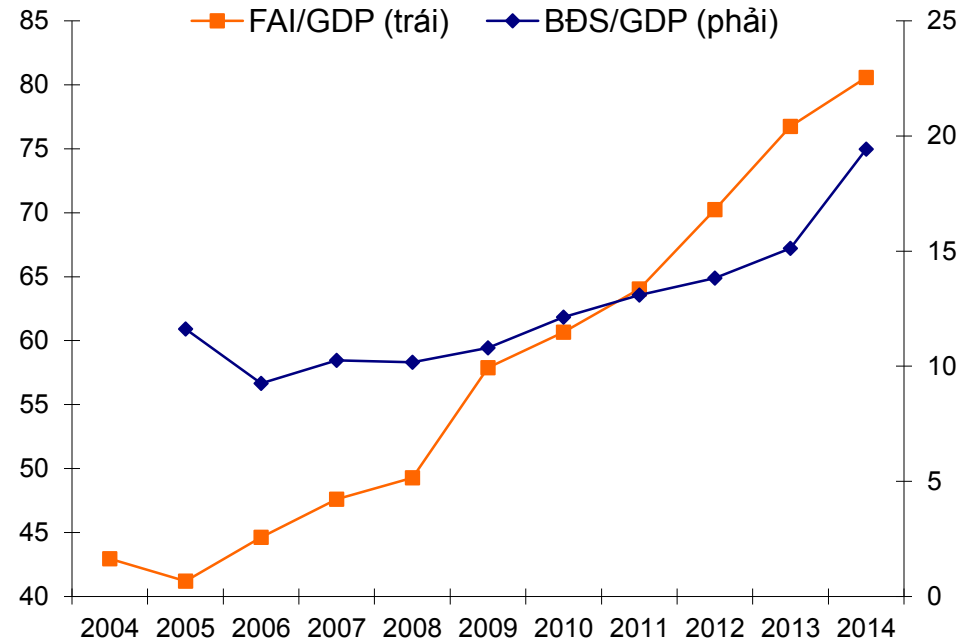
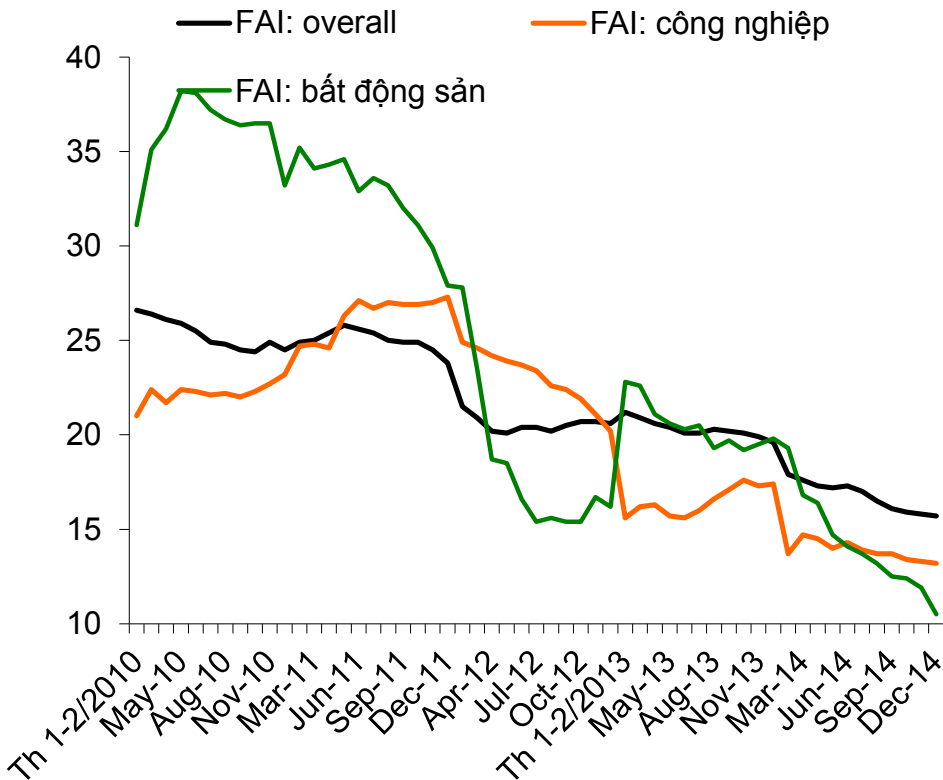
- Dân số 2014 1.367 tỉ người, tăng trưởng tự nhiên 5.21%
  - Sản lượng lương thực tăng trưởng 0.9%
- Các vấn đề về an ninh lương thực và nhu cầu nhập khẩu lương thực của Trung Quốc gia tăng



# **KINH TẾ TRUNG QUỐC 2014**

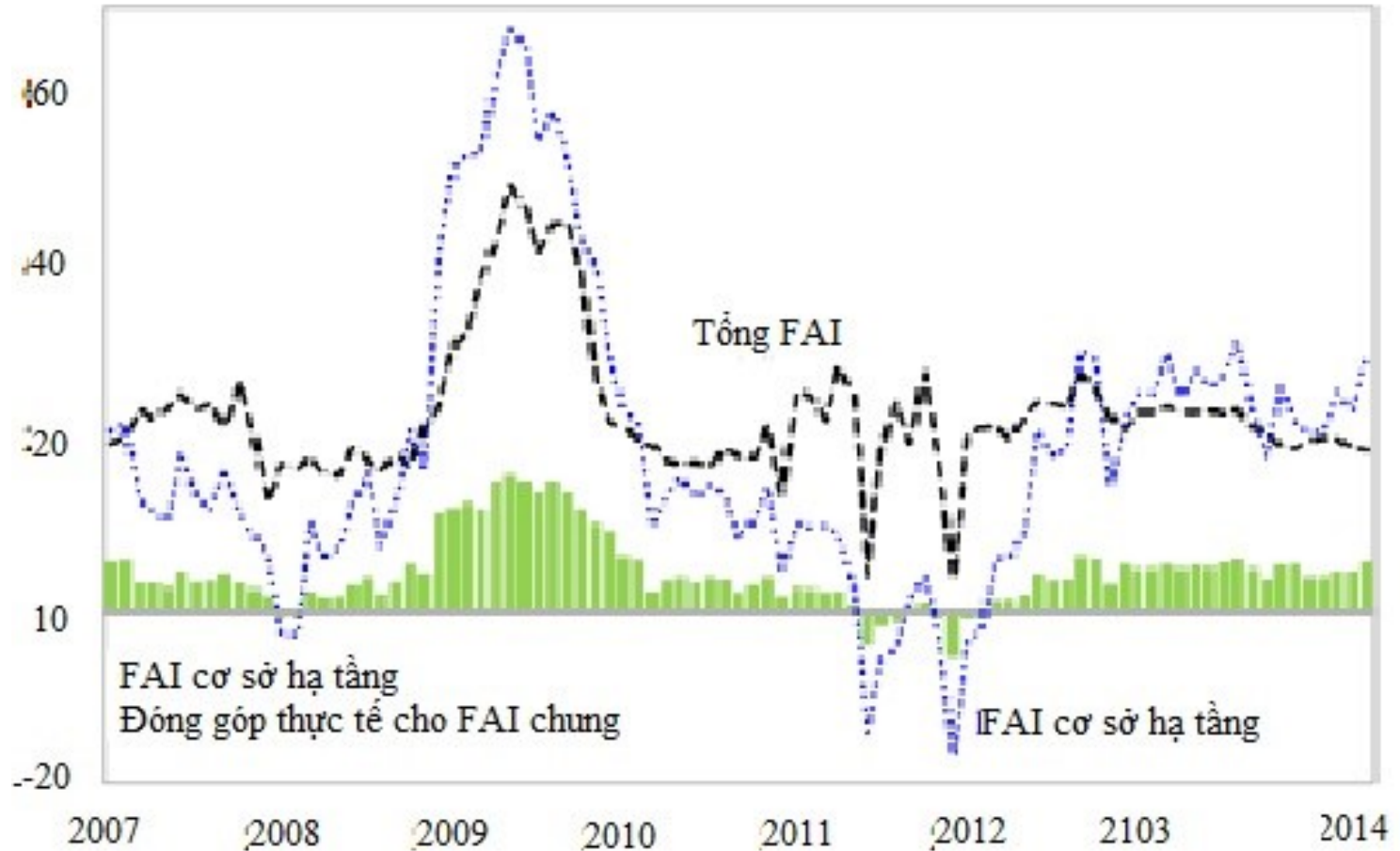
## **CÁC THÀNH PHẦN TỔNG CẦU**

# Các thành phần tổng cầu – Đầu tư TSCĐ tiếp tục giảm tốc

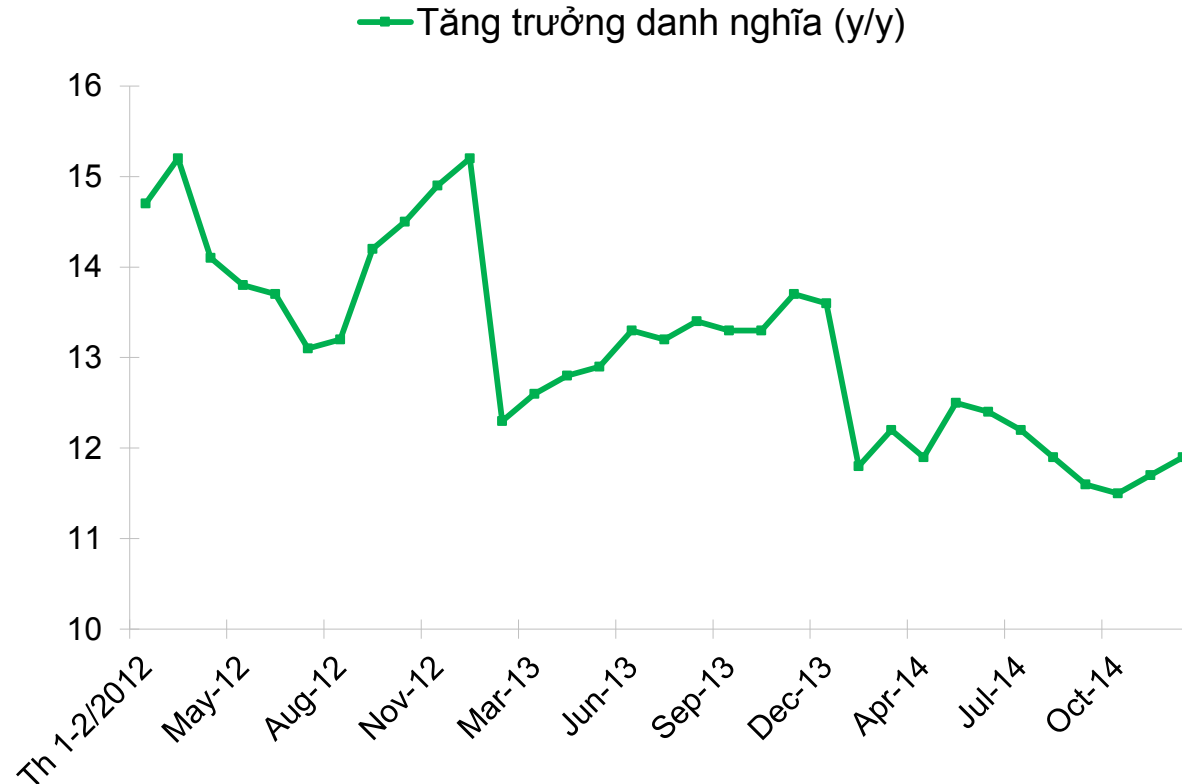


- Đầu tư TSCĐ cả năm 15.3% (thực tế 14.7%) so với 2013: 19.2% và 2012: 19.3% phản ánh khuynh hướng điều chỉnh chính sách vĩ mô của chính phủ mới
- Đầu tư BDS và sản xuất thực đều thấp hơn đầu tư chung toàn xã hội cho thấy cơ sở hạ tầng có thể đang là thành phần chính thúc đẩy tăng trưởng đầu tư của Trung Quốc

## Đầu tư cơ sở hạ tầng đóng vai trò quan trọng trong giai đoạn điều chỉnh cơ cấu kinh tế, giữ tăng trưởng

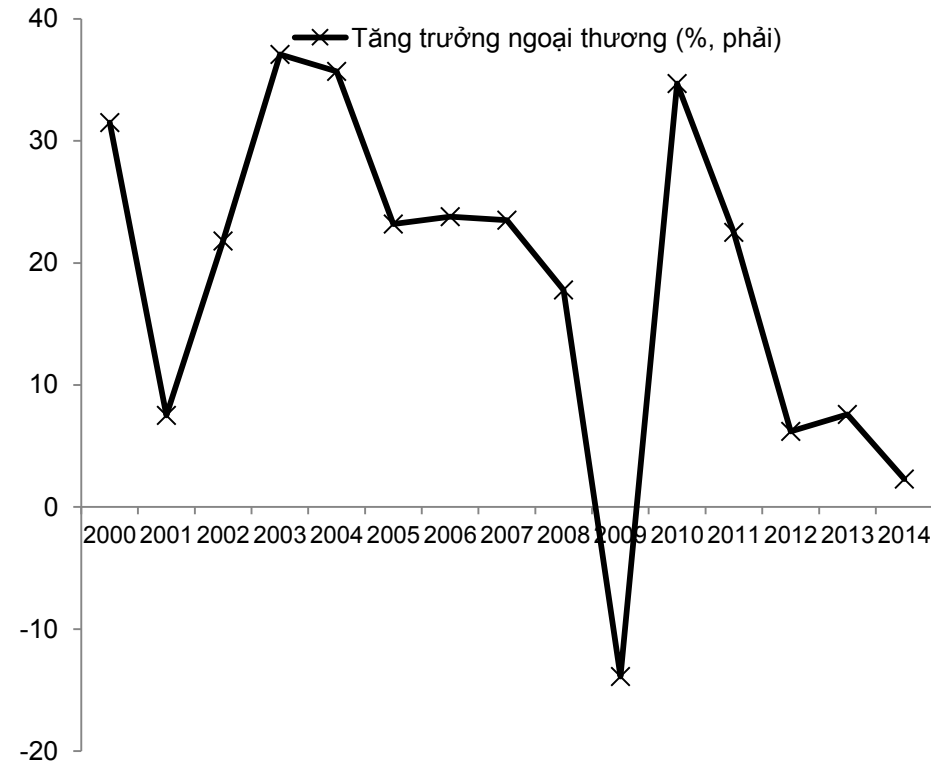
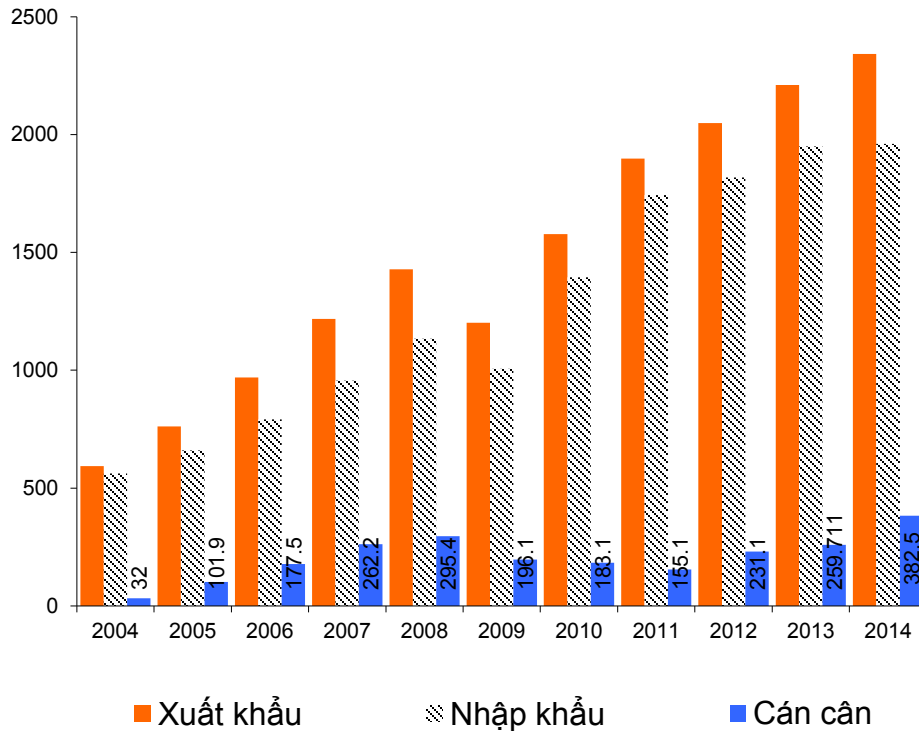


## Các thành phần tổng cầu – Bán lẻ toàn xã hội suy giảm, tiêu dùng tư nhân tiếp tục ở mức thấp



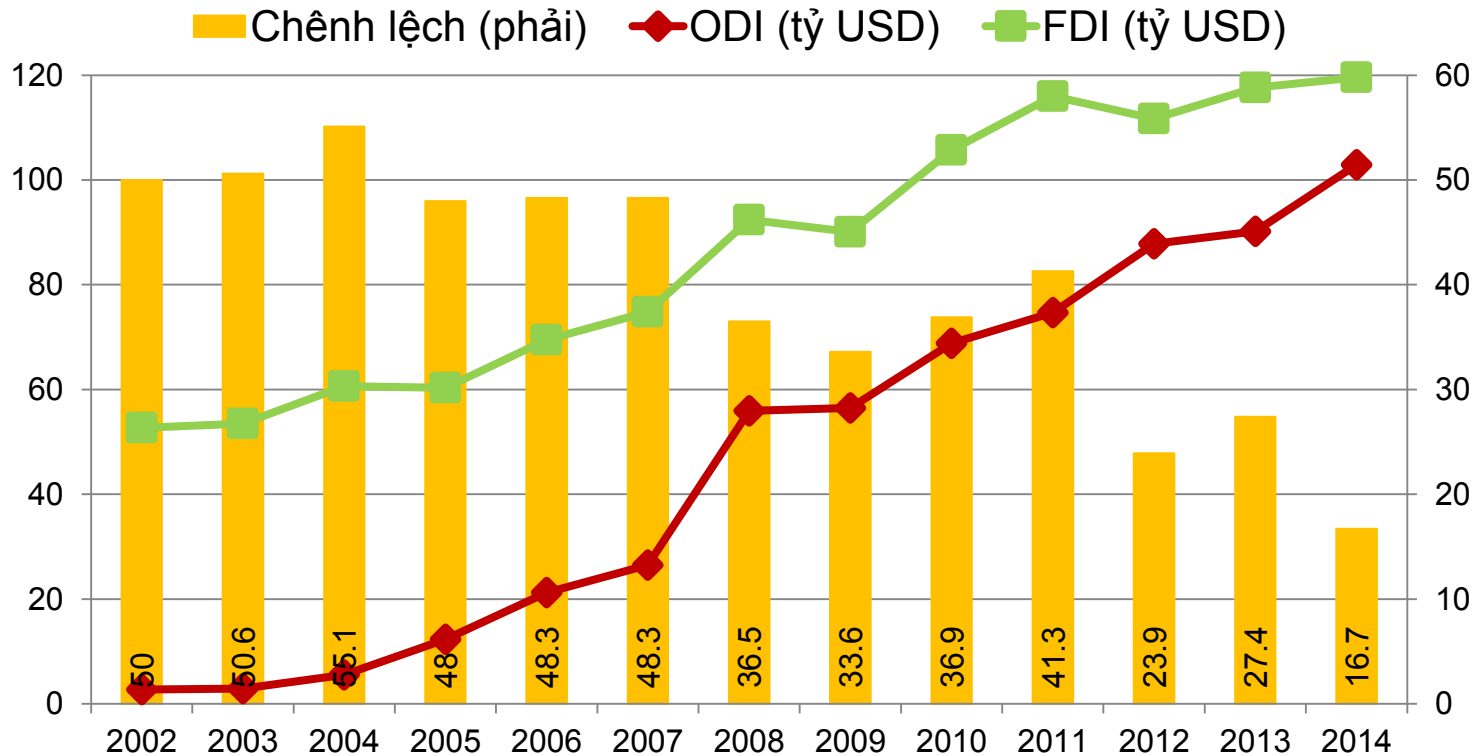
Bán lẻ toàn xã hội tăng trưởng danh nghĩa 12.0%, điều chỉnh theo lạm phát còn 10.9%

**Thặng dư thương mại tiếp tục gia tăng chủ yếu do suy giảm nhập khẩu ; xuất khẩu không đạt mục tiêu tăng trưởng 8% đề ra**

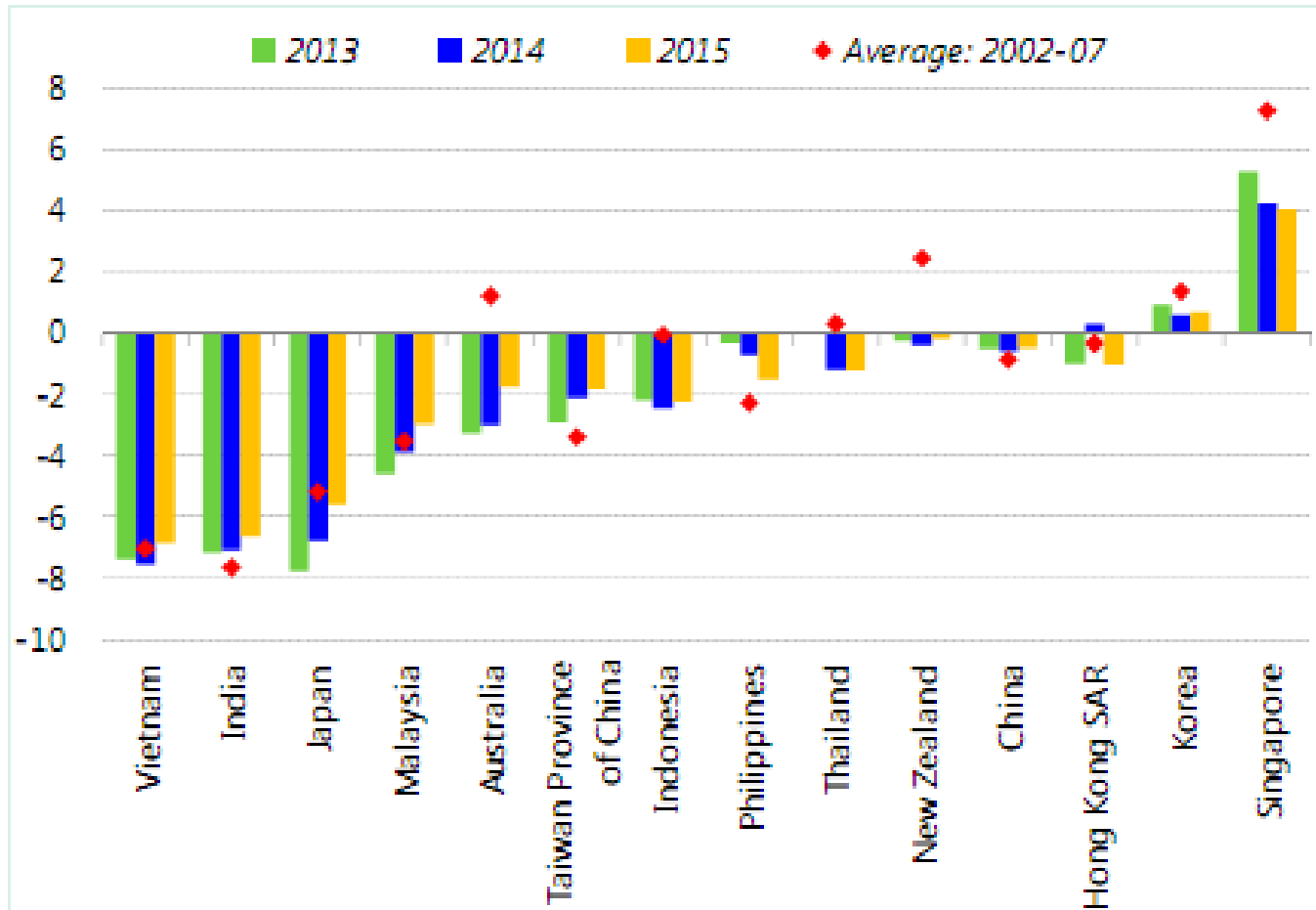


Xuất khẩu: tăng trưởng 4.9%; Nhập khẩu: giảm - 0.6%

# Thu hút vốn FDI dẫn đầu thế giới nhưng khoảng cách chênh lệch giữa dòng vốn ra và vốn vào đã được thu hẹp



## Cân bằng ngân sách đã hiệu chỉnh chu kỳ của một số nước: Thâm hụt ngân sách được điều chỉnh tăng để thực hiện một số cải cách quan trọng của 2015



Nguồn: IMF (2015)

# TRIỂN VỌNG KINH TẾ TRUNG QUỐC 2015

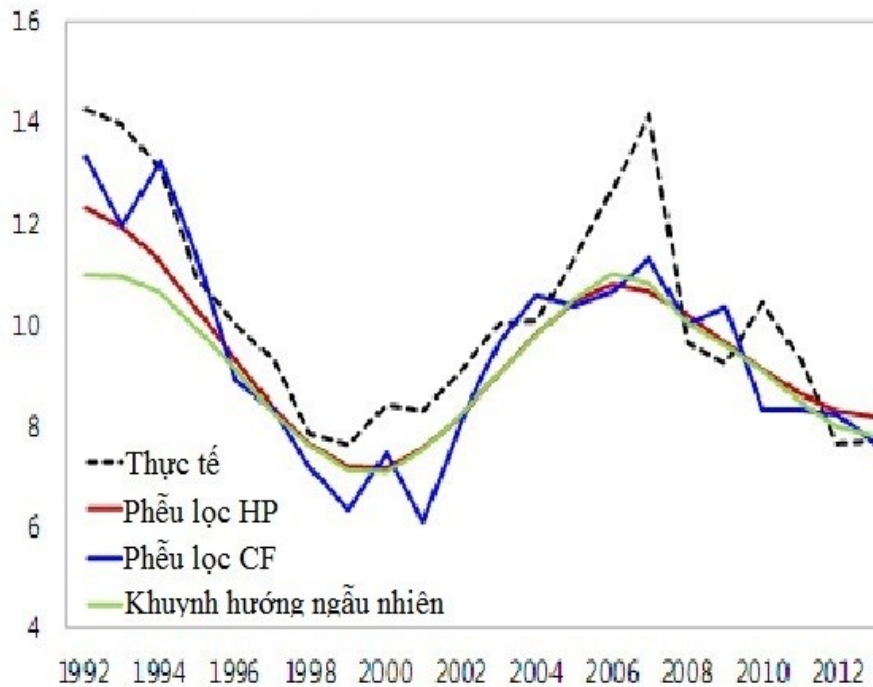
TĂNG TRƯỞNG CHẬM LẠI ĐỂ CẢI CÁCH



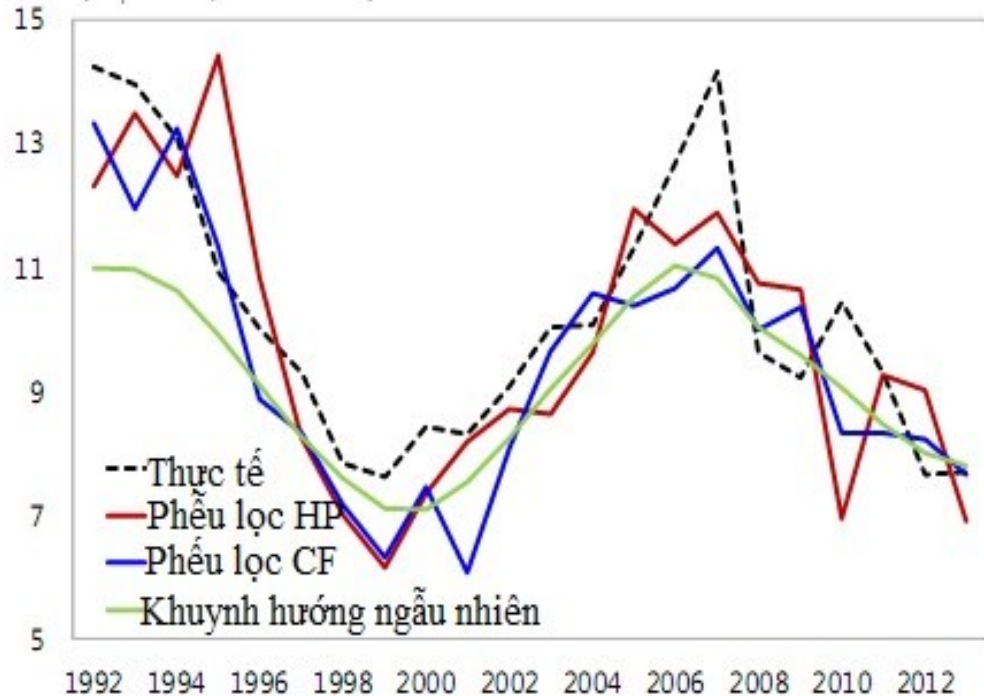
# Dự báo tăng trưởng Trung Quốc

Tăng trưởng thực tế và tiềm năng của Trung Quốc  
 Nguồn: CEIC, IMF

Đơn biến



Đa biến



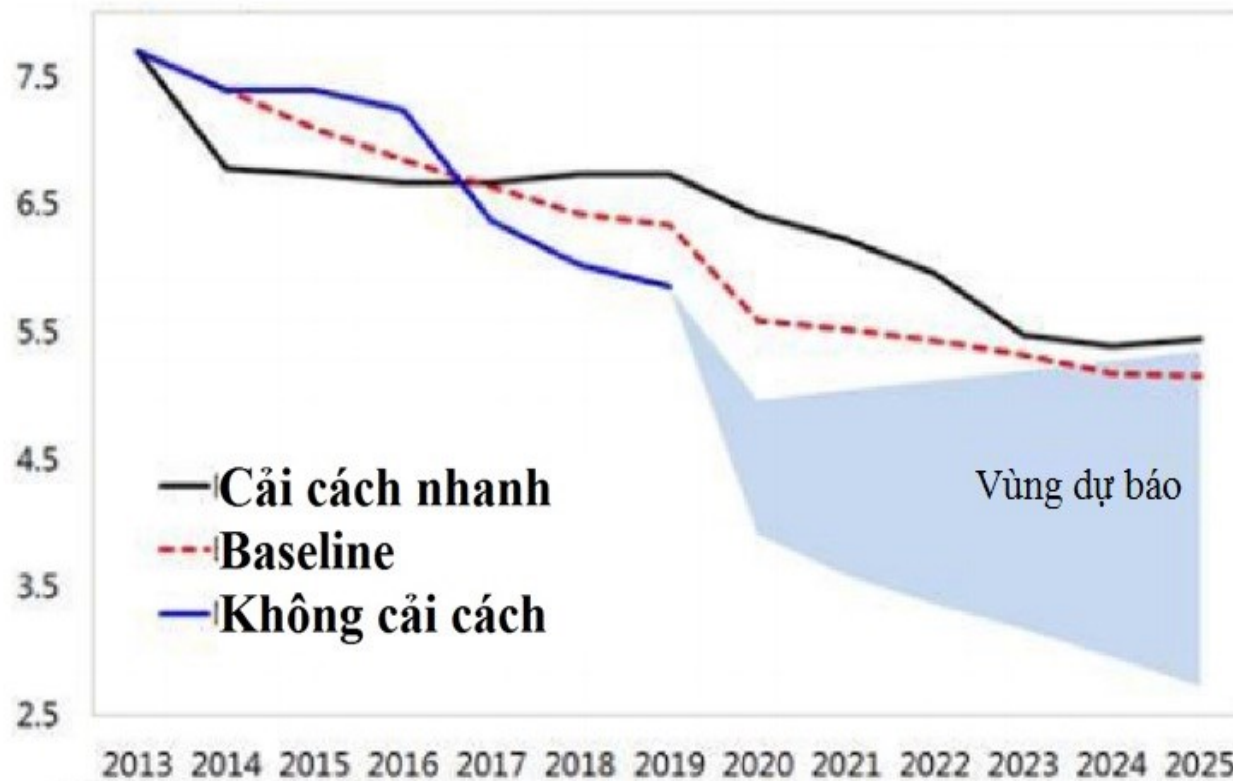
# Tăng trưởng kinh tế Trung Quốc được dự báo hội tụ dần về đường tăng trưởng chung của châu Á

Hình: Tăng trưởng: Thực tế vs. Dự báo  
 Nguồn: CEIC, IMF (2015)

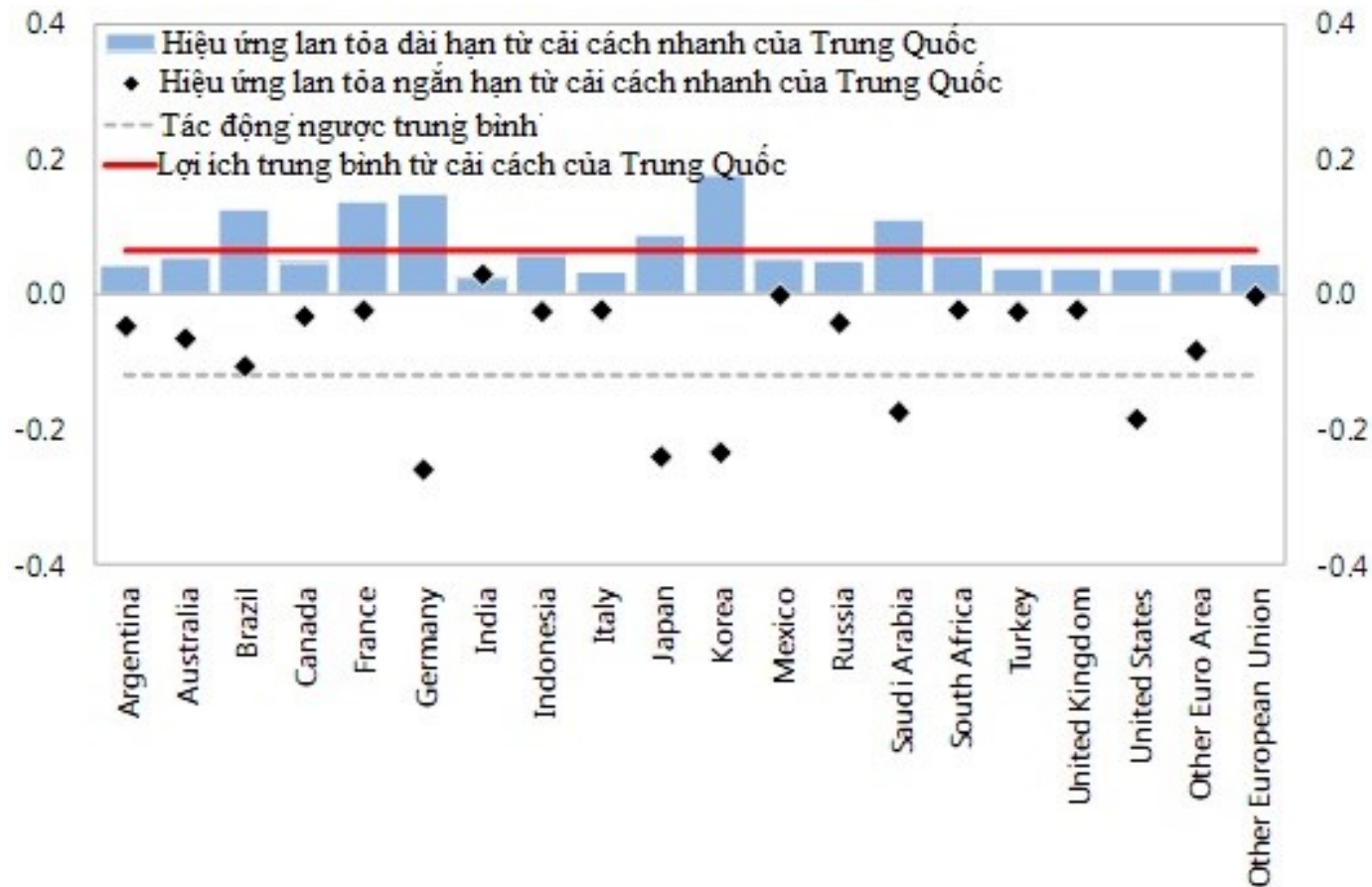


# Lựa chọn giữa tăng trưởng và cải cách

Hình: Tăng trưởng kinh tế Trung Quốc theo ba kịch bản  
 Nguồn: IMF (2015)



# Tác động của cải cách kinh tế Trung Quốc đối với thế giới



# **CÁC HOẠT ĐỘNG NGOẠI GIAO KINH TẾ 2014**

**LẤY KINH TẾ ĐỐI NGOẠI HỖ TRỢ KINH TẾ TRONG NƯỚC**

## Nhận thức của Trung Quốc về quan hệ quốc tế và vị thế của Trung Quốc

- **Nhận thức của Trung Quốc về tình hình quốc tế hiện nay**
- Tình thế nước đôi của châu Á → bài diễn văn của Tập Cận Bình tại Bắc Ngao 2015
- Hiệu quả của các mô hình hợp tác của Trung Quốc hiện nay
- Tính ưu-nhược của chính sách ngoại giao Trung Quốc (không can thiệp và không liên minh)
- Các xoay trục chính của thế giới
- Nhận thức về thời cơ chiến lược và tương quan sức mạnh quân sự → tư duy cường quốc hải dương

## Nhận thức của Trung Quốc về quan hệ quốc tế và vị thế của Trung Quốc (tiếp)

### Nhận thức chung:

1. Nhược điểm lớn nhất của Trung Quốc (về tổng thể và cụ thể): thiếu sức mạnh liên kết giữa các bộ phận
2. So với Mỹ, Trung Quốc không chỉ yếu hơn về sức mạnh mềm (soft power) mà còn thua kém cả về sức mạnh cấu trúc
3. Sức mạnh lớn nhất vẫn là có một đồng tiền quốc tế mạnh (sự cáo chung của chủ nghĩa trọng thương → lý thuyết “vượt lên trên tính bổ sung của thương mại”)

# Nhận thức của Trung Quốc về quan hệ quốc tế và vị thế của Trung Quốc (tiếp)

## ■ 3 nhóm sáng kiến mới của Trung Quốc kể từ APEC 2014

- Chia sẻ cộng đồng, xây dựng giá trị Trung Quốc
- Xử lý các tranh chấp
- Tăng cường kết nối kinh tế và tìm động năng mới cho tăng trưởng

## ■ 3 mục tiêu chiến lược

- Thế giới đa cực, cân bằng quyền lực với Mỹ - phương Tây → vai trò lãnh đạo của Trung Quốc tại khu vực → theo đuổi học thuyết quốc gia lãnh đạo
- Đa dạng hóa quá trình toàn cầu hóa, kể cả toàn cầu hóa về thương mại và tài chính tiền tệ
- Làm dịu căng thẳng về ngoại giao thông qua cuộc tấn công quyền rũ mới về kinh tế

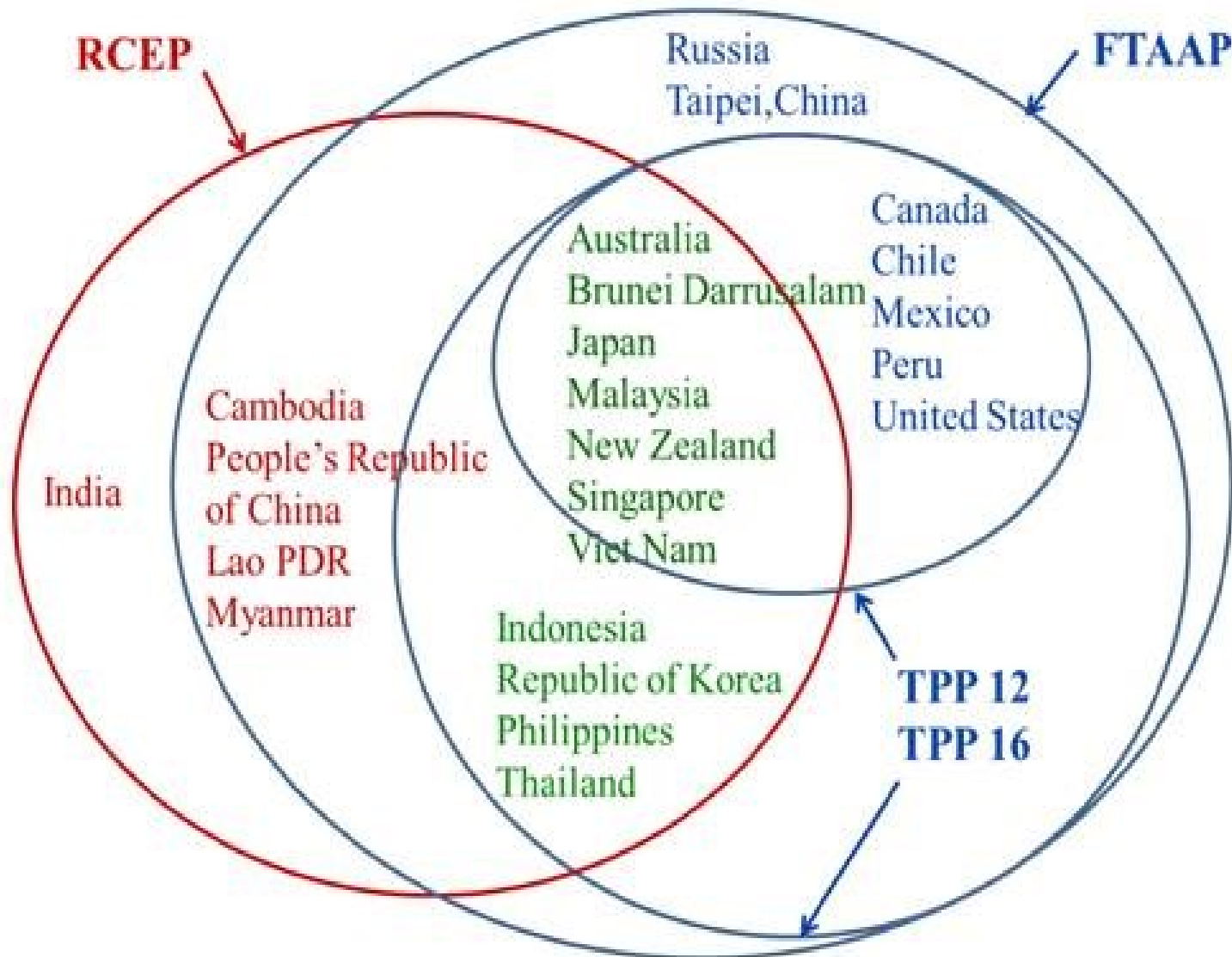


## Nhận thức của Trung Quốc về quan hệ quốc tế và vị thế của Trung Quốc (tiếp)

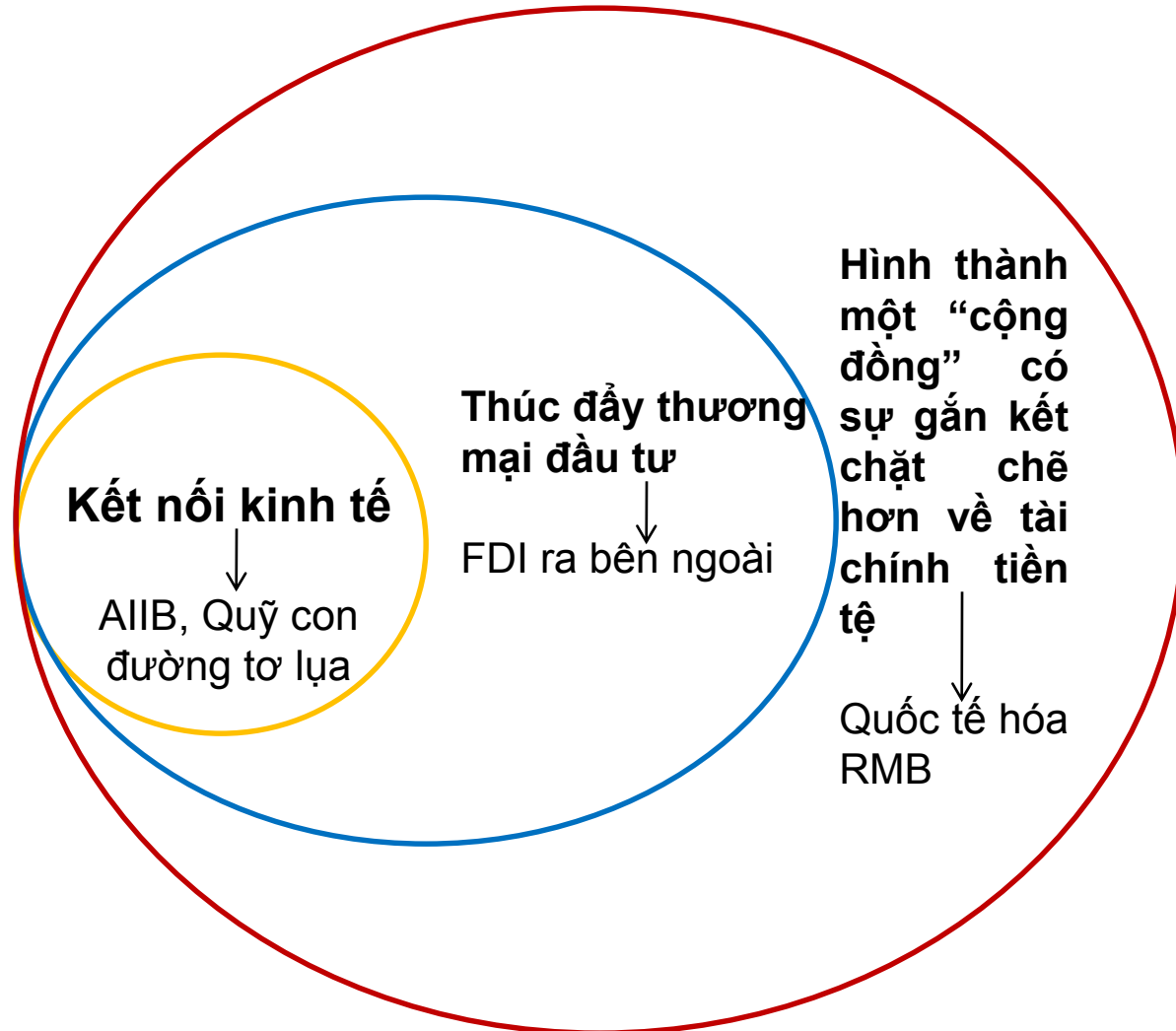
### ■ Nhận định về kinh tế trong nước

- Kinh tế Trung Quốc đã chuyển từ tăng trưởng cao sang tăng trưởng trung bình cao
- Để cải thiện chất lượng tăng trưởng cần từ bỏ tư duy tăng trưởng cũ (tài khóa và địa phương)
- Trung Quốc đứng trước sự lựa chọn: tăng trưởng hay cải cách

# Các quan hệ lớn, các định chế đang hình thành tại Châu Á - TBD



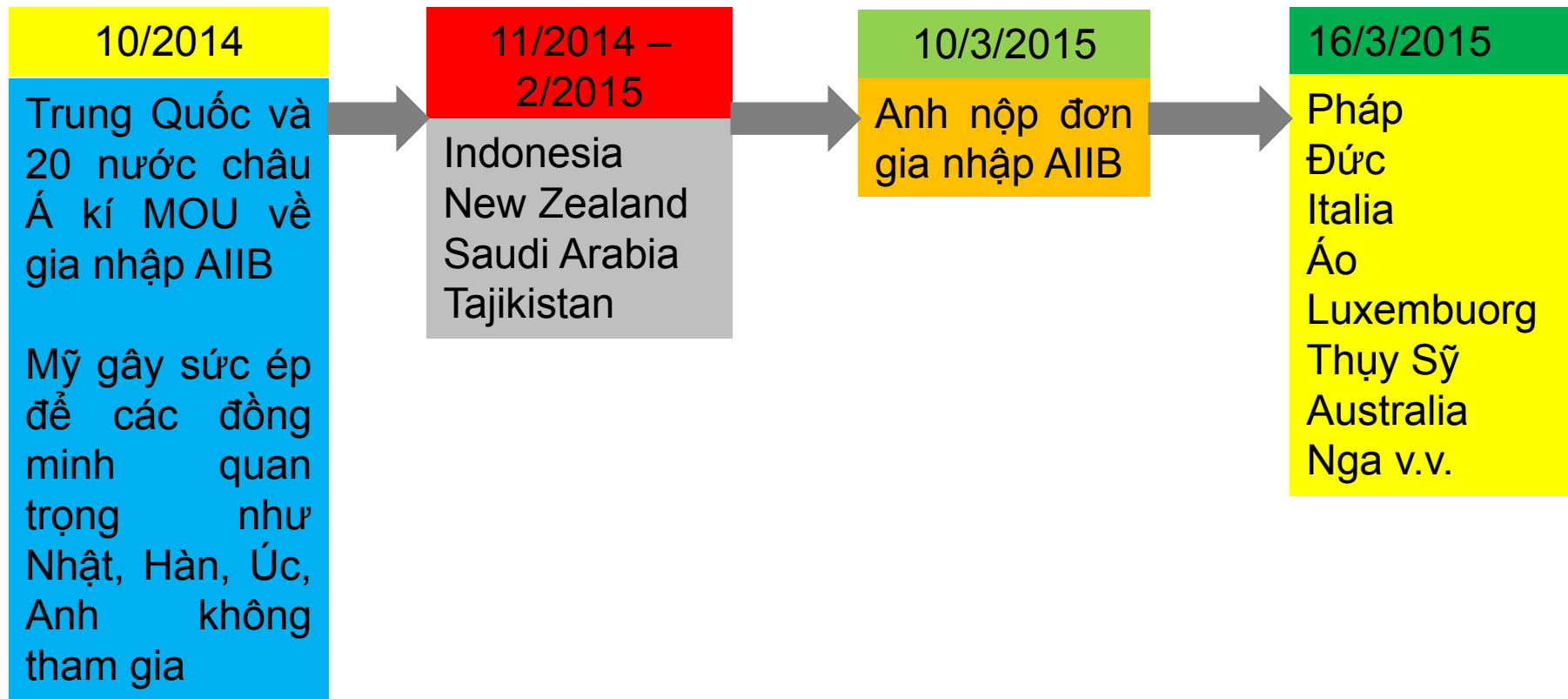
# Những mục tiêu kinh tế của Trung Quốc - 3 tầng nấc của sự hợp tác



## Các hoạt động kinh tế đối ngoại nổi bật của Trung Quốc năm 2014 – 3/2015

<b>Nhóm sáng kiến về kết nối kinh tế</b>	Thành lập Ngân hàng của BRICs (New Development Bank)
	Thành lập Ngân hàng của SCO (Development Bank of the Shanghai Co-operation Organisation)
	Thành lập AIIB
	“Một đường một dải” (one belt one road)
	Quỹ Con đường tơ lụa
<b>Nhóm sáng kiến về thúc đẩy thương mại và đầu tư</b>	RCEP
	Các vòng đàm phán thương mại tự do song phương (FTAs Hàn Quốc)
	Thúc đẩy đầu tư FDI tại EU, châu Phi và trở lại Mỹ Latin
<b>Sáng kiến về tài chính tiền tệ</b>	Khu thương mại tự do Thượng Hải, Thiên Tân, Quảng Đông, Phúc Kiến
	Quốc tế hóa RMB

# Nhóm sáng kiến về kết nối: AIIB đã có 37 quốc gia xin gia nhập



## Nhóm sáng kiến về kết nối: AIIB - Lí do châu Âu sốt sắng với kế hoạch này

- Cho phép các quốc gia này tham gia vào quá trình hoạch định chính sách ngay từ đầu tại một trong những định chế tài chính quan trọng trong tương lai.
- London và Frankfurt đang cố gắng cạnh tranh với nhau nhằm trở thành thị trường tài chính hàng đầu cho dòng tiền đến từ Trung Quốc;
- London hiện mới chỉ chiếm 6% tổng giao dịch đồng CNY tại các thị trường hải ngoại (Hongkong 60%, Singapore 7%)
- AIIB trong dài hạn có thể góp phần đảm bảo ổn định tại Châu Á, tăng cường hợp tác giữa các quốc gia thành viên tại khu vực vốn thiếu vắng các khuôn khổ thể chế mạnh. Đó là chưa kể AIIB về mặt ngắn và trung hạn vẫn chưa có khả năng thay thế hoàn toàn WB.
- Tham gia AIIB sẽ đem lại cơ hội đầu tư vào cơ sở hạ tầng lớn cho các công ty của châu Âu và quá trình này thuận lợi hơn nhiều so với làm ăn tại châu Âu

## AIB: Các lợi ích căn bản của Trung Quốc

- Tạo ra một cơ chế có thể giúp Trung Quốc tăng cường đầu tư vào các quốc gia láng giềng nghèo khó hơn, mà không bị mang tiếng là “thực dân”; qua đó tạo ra thị trường tiềm năng cho hàng hoá xuất khẩu của Trung Quốc; giải quyết vấn đề dư thừa sản lượng; giải quyết vấn đề dư thừa vốn; giải quyết việc làm
- Tăng cường ảnh hưởng của Trung Quốc và “quyền lực mềm” của nước này. Gia tăng ảnh hưởng của đồng CNY để cạnh tranh với USD và Yên Nhật tại khu vực.
- Sử dụng AIB và Quỹ con đường tơ lụa trị giá 40 tỷ USD làm đối trọng với ADB và WB tại khu vực.
- Thay đổi hình ảnh về một nước Trung Quốc chỉ mạnh về thương mại nhưng yếu kém về tài chính tiền tệ (căn bệnh Nhật Bản)

## Vấn đề của AIIB đối với Trung Quốc

- Sự đồng thuận của nội bộ Trung Quốc về cách thức vai trò, mục tiêu của AIIB vẫn chưa cao
- Ngày 23/3 tờ báo của Mỹ đưa tin một quan chức tham gia đàm phán AIIB cho biết Trung Quốc sẵn sàng từ bỏ quyền veto trong AIIB để tăng tính đa dạng của định chế này cũng như giảm bớt sự nghi ngờ của các nước tham gia, tạo điều kiện để Mỹ cũng gia nhập. Tuy nhiên, ngay lập tức, ngày 25/3 phát ngôn viên của Bắc Kinh – bà Hoa Xuân Oánh – đã tuyên bố Bắc Kinh không có ý định từ bỏ quyền veto
- Cơ chế bỏ phiếu trong AIIB sẽ như thế nào? Trung Quốc đã giảm từ 60% xuống 30%
- Cơ chế quản trị của AIIB sẽ như thế nào? → Một định chế tài chính quốc tế đa phương hay một mô hình định chế tài chính của Trung Quốc → Mô hình Ban quản trị, Ban giám đốc và một Chủ tịch/Ban quản lí

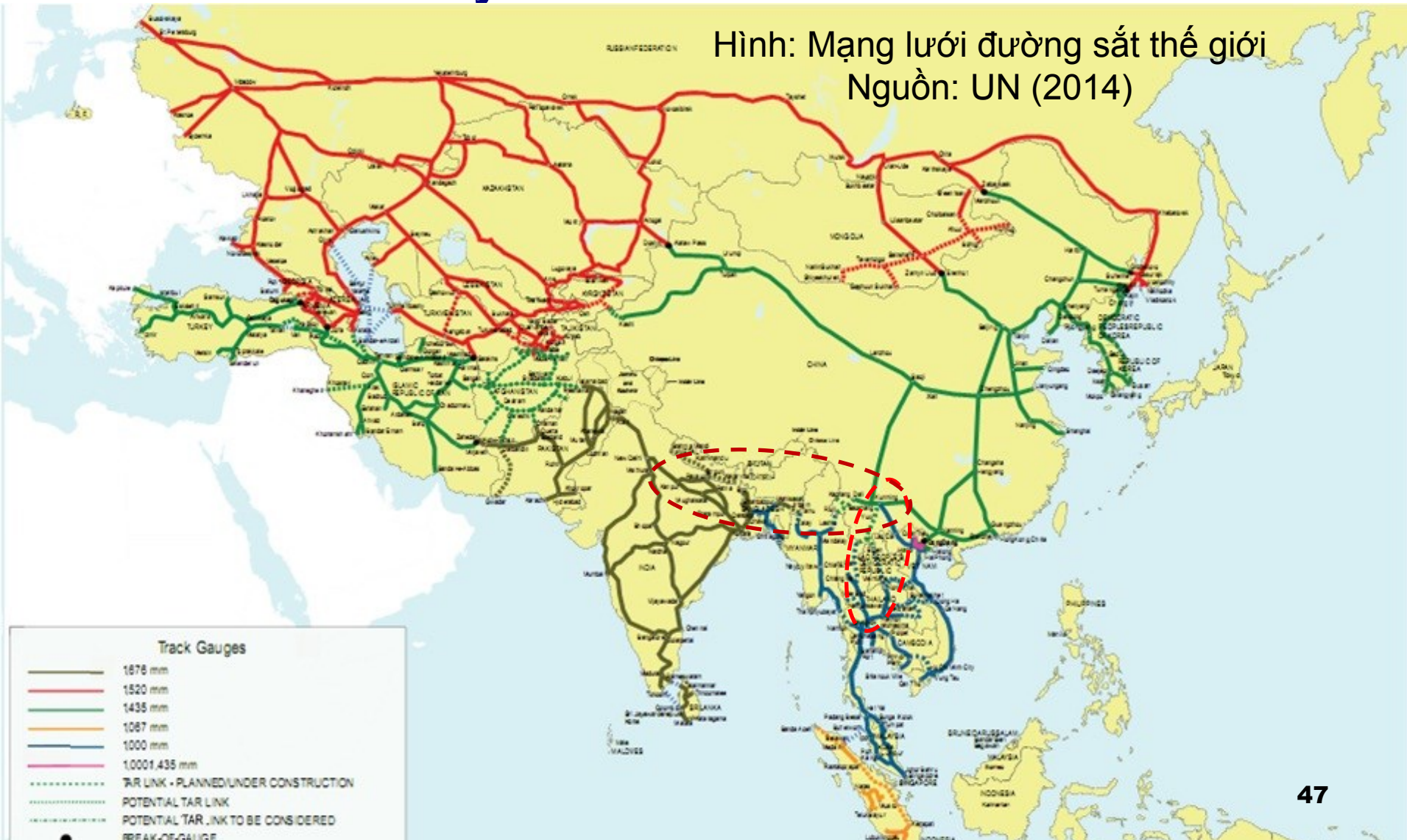


## Vấn đề của AIIB đối với Trung Quốc

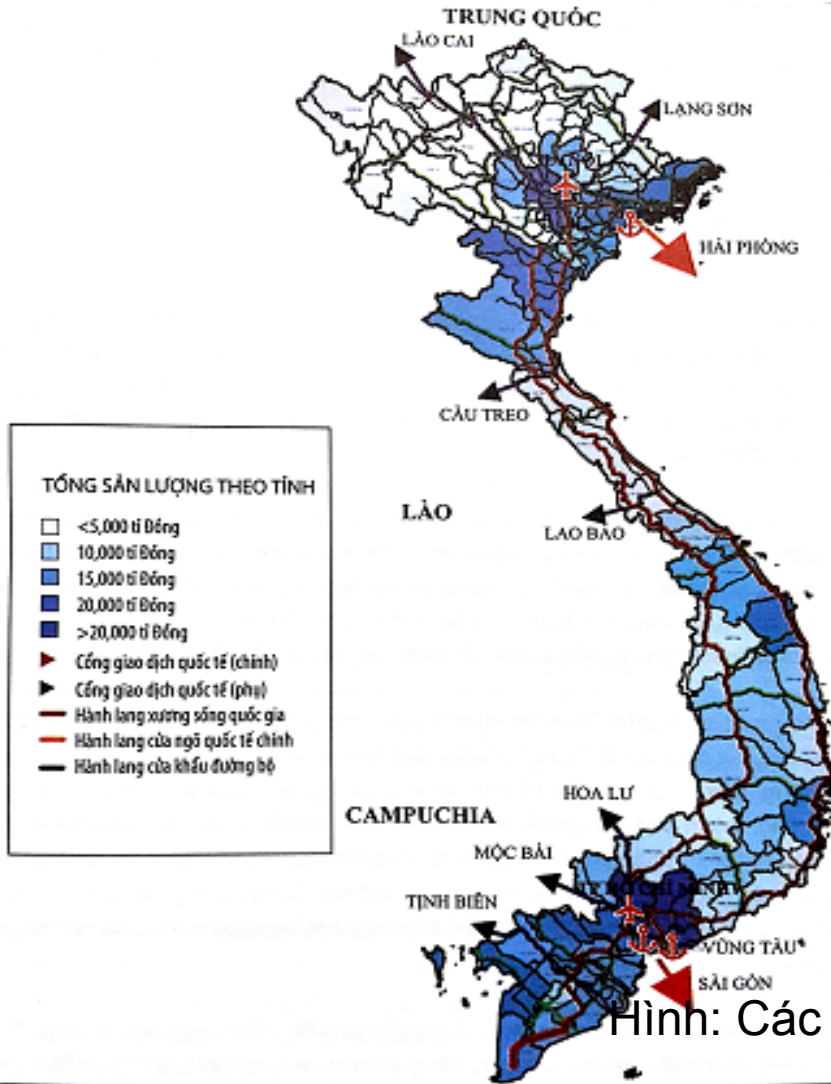
- Sức mạnh cứng và sức mạnh mềm của AIIB: sức mạnh cứng là phân bổ cổ phần và quyền bỏ phiếu. Sức mạnh mềm: điều phối lợi ích của các nước tham gia, tầm nhìn, tri thức, kinh nghiệm quản lí v.v.
- Quy phạm và hiệu quả: tính minh bạch của AIIB
- Sự tham gia của các bên (châu Âu) sẽ dẫn đến một tình thế lưỡng nan cho Trung Quốc: gia tăng tính minh bạch và nâng cao chất lượng quản trị đồng thời với việc làm suy giảm vai trò lãnh đạo hoặc chi phối của Trung Quốc theo các mục tiêu đã định của nước này
- Trung Quốc không phải chưa từng thất bại trong các dự án đầu tư của mình ở nước ngoài
- Mô hình gây quỹ của AIIB chưa rõ ràng: Trung Quốc có thể sử dụng dự trữ ngoại tệ hoặc phát hành trái phiếu đặc biệt, nhưng các quốc gia khác không có sự linh hoạt này để góp vốn

# Kết nối cơ sở hạ tầng theo trục Á – Âu; trục Đông Bắc Á – Đông Nam Á; trục Đông Á – Nam Á – Tây Á

Hình: Mạng lưới đường sắt thế giới  
Nguồn: UN (2014)



# Trung tâm phát triển, hành lang giao thông và luồng thương mại Việt Nam



Hình: Các tuyến đường giao thông chính và huyết mạch kinh tế hình chữ Y của Việt Nam

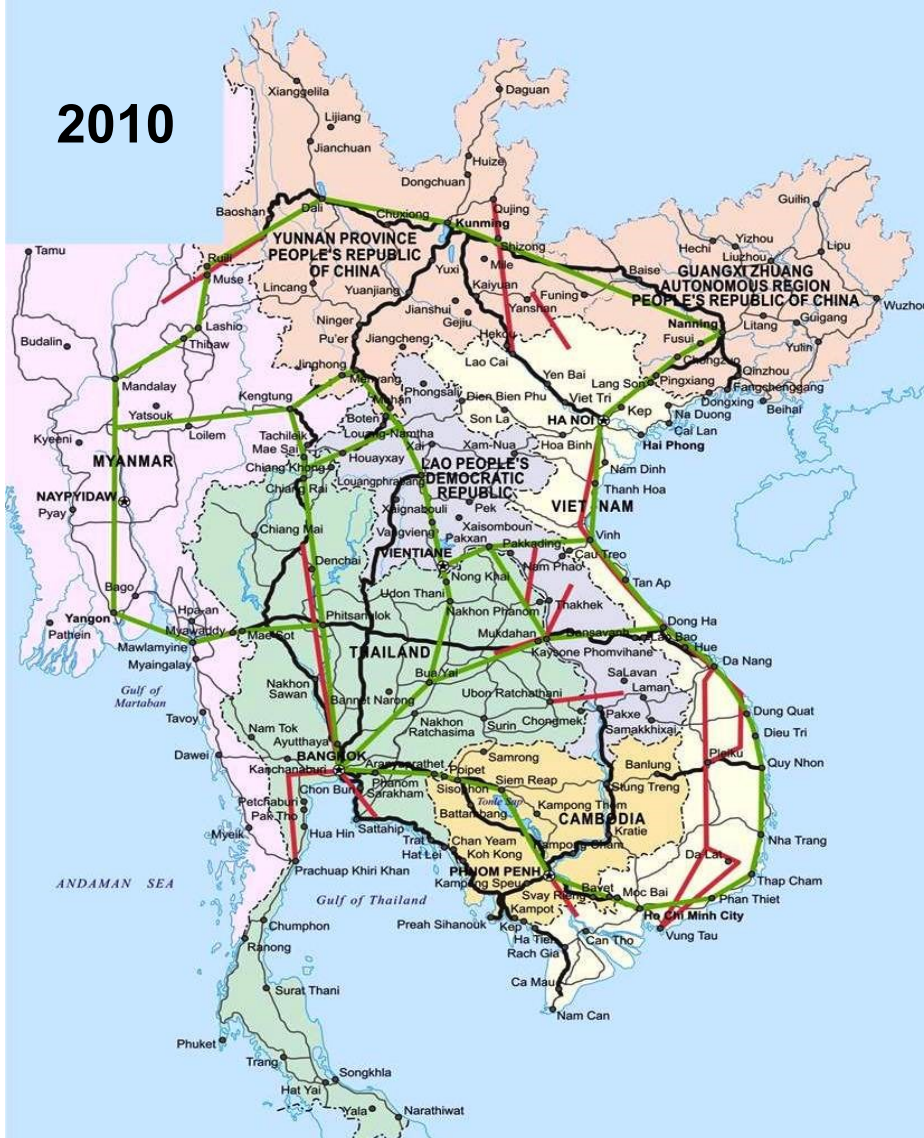
Nguồn: WB (2014)

# Kết nối cơ sở hạ tầng Trung Quốc – ASEAN 1992 vs. 2010

1992



2010

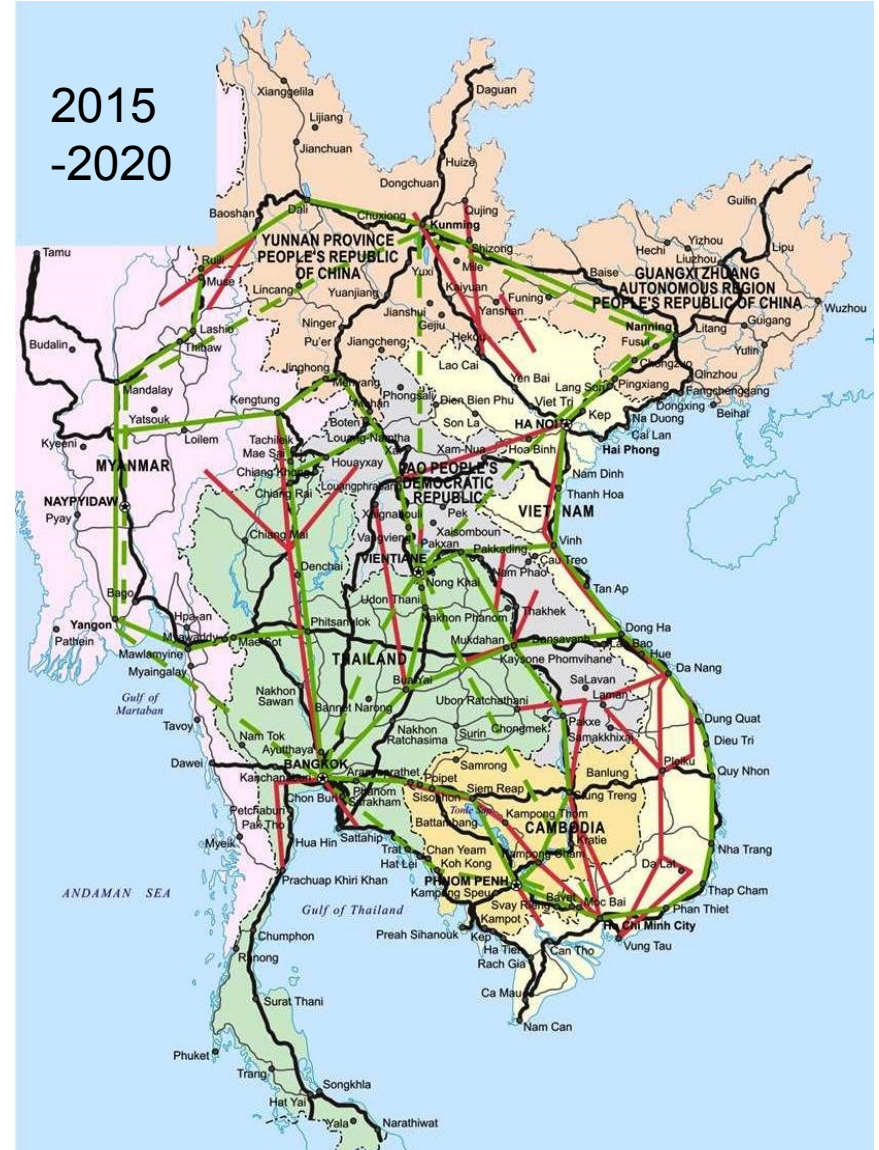


# Kết nối cơ sở hạ tầng Trung Quốc – ASEAN tầm nhìn 2020

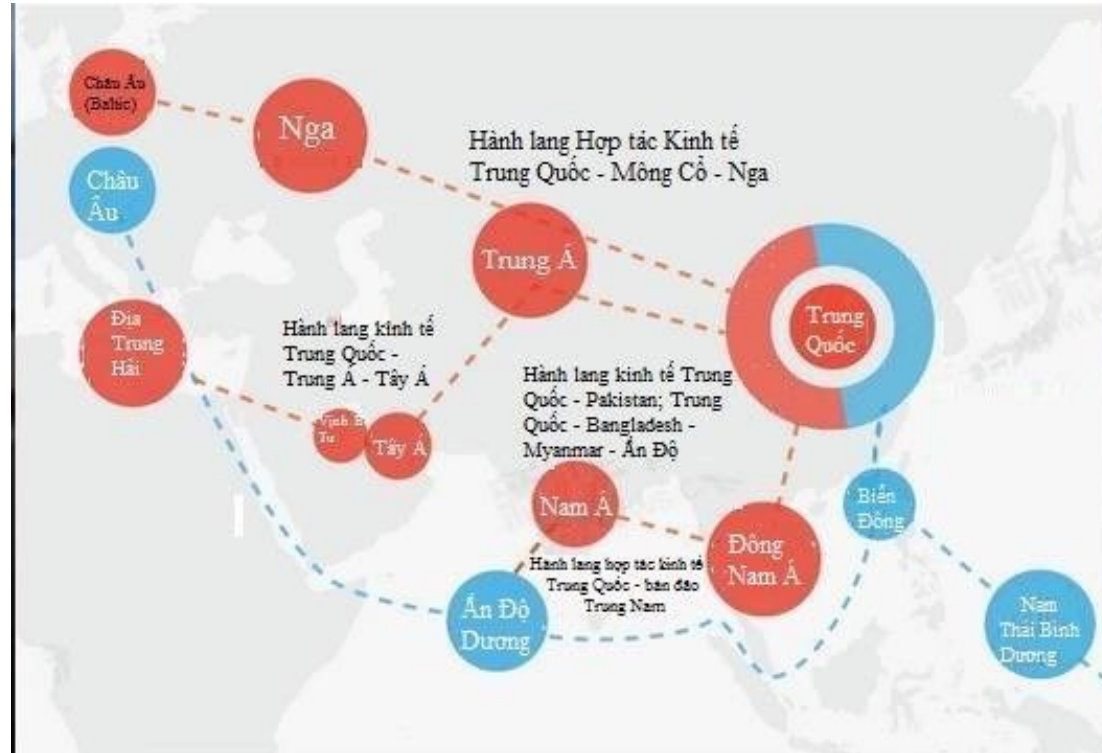
2010



2015  
-2020

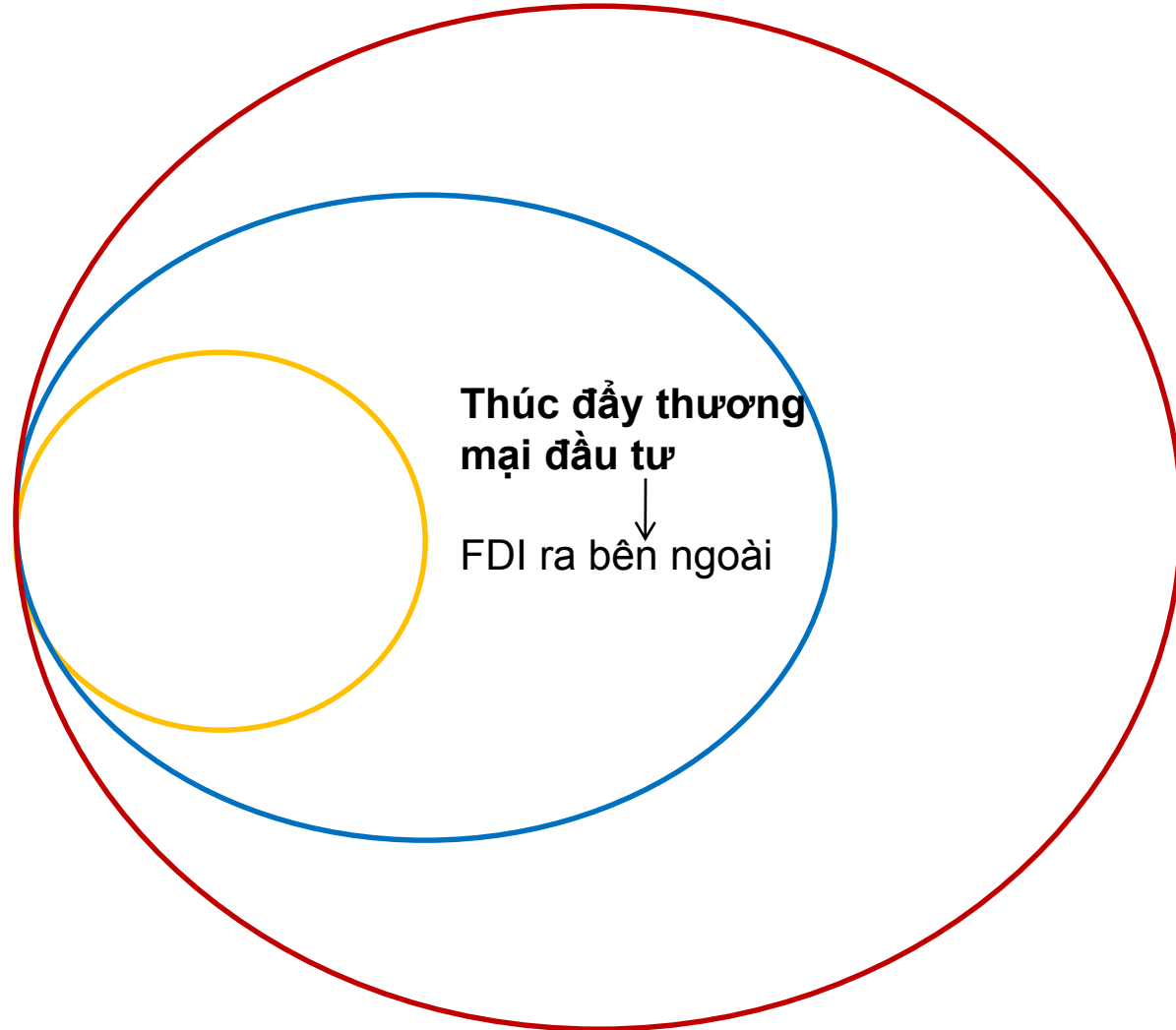


# Lý thuyết Đòn bẩy (cơ sở hạ tầng)



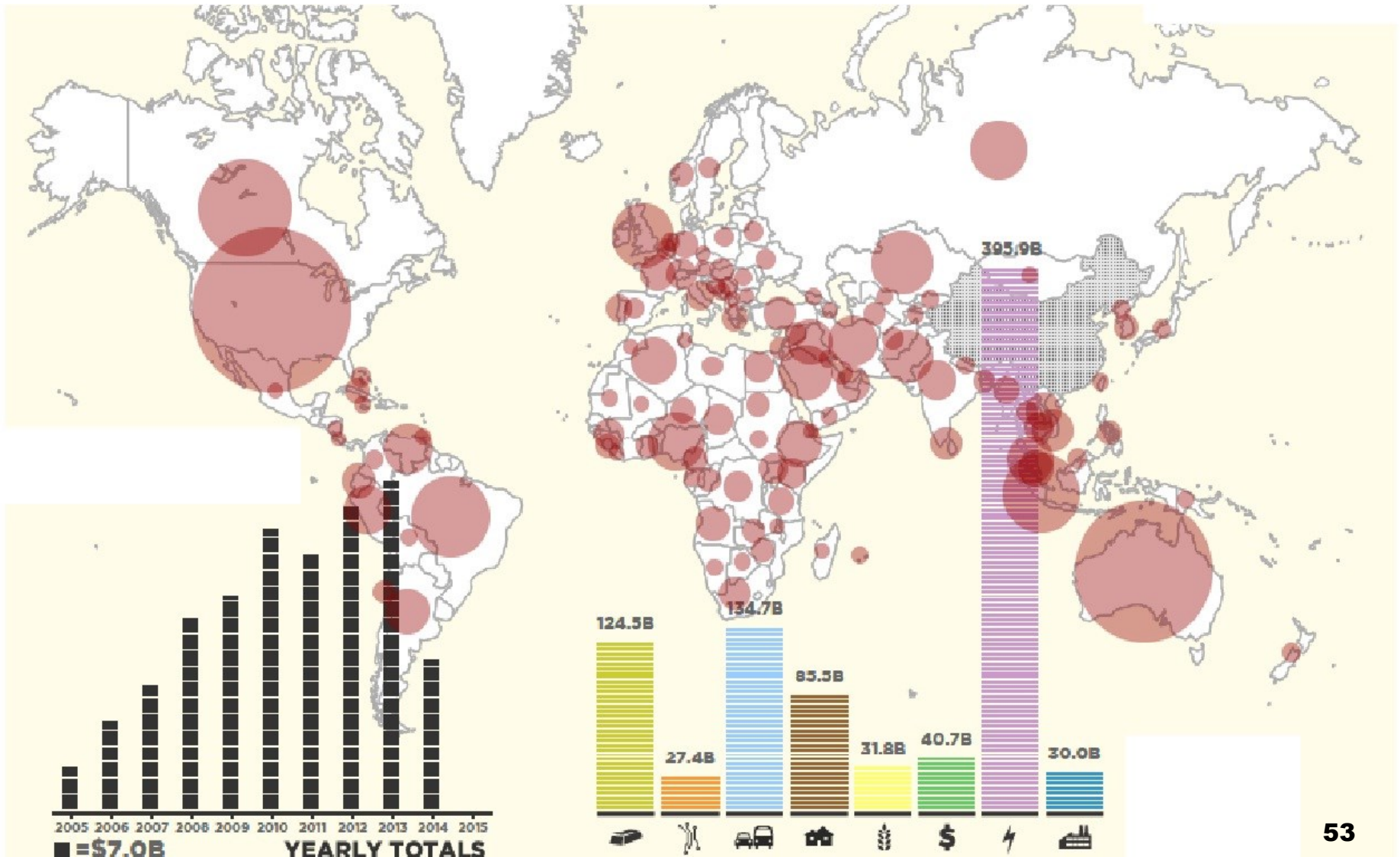
- Cơ sở hạ tầng (Infrastructure)
- Bất cân xứng (Asymmetry)
- Quyền lực (Power)

# Những mục tiêu kinh tế của Trung Quốc - 3 tầng nấc của sự hợp tác



**VEPR**

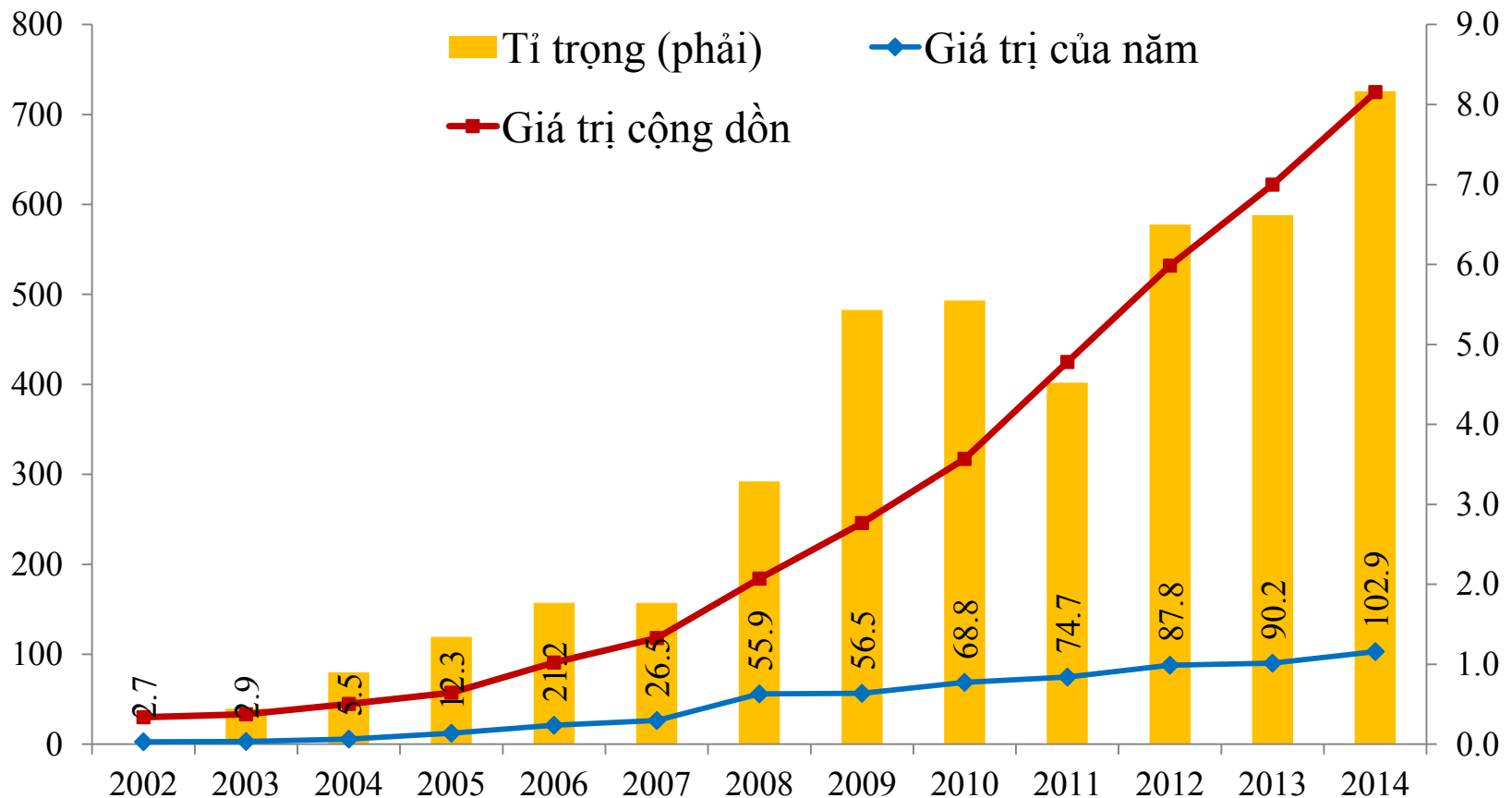
# Dòng tiền Trung Quốc đi tìm kiếm thị trường đầu tư



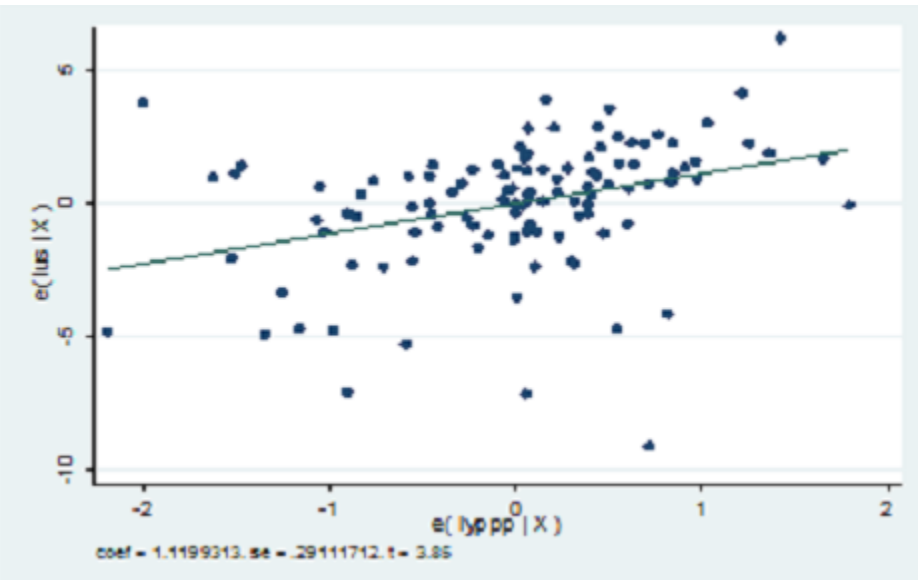


## FDI của Trung Quốc tại hải ngoại

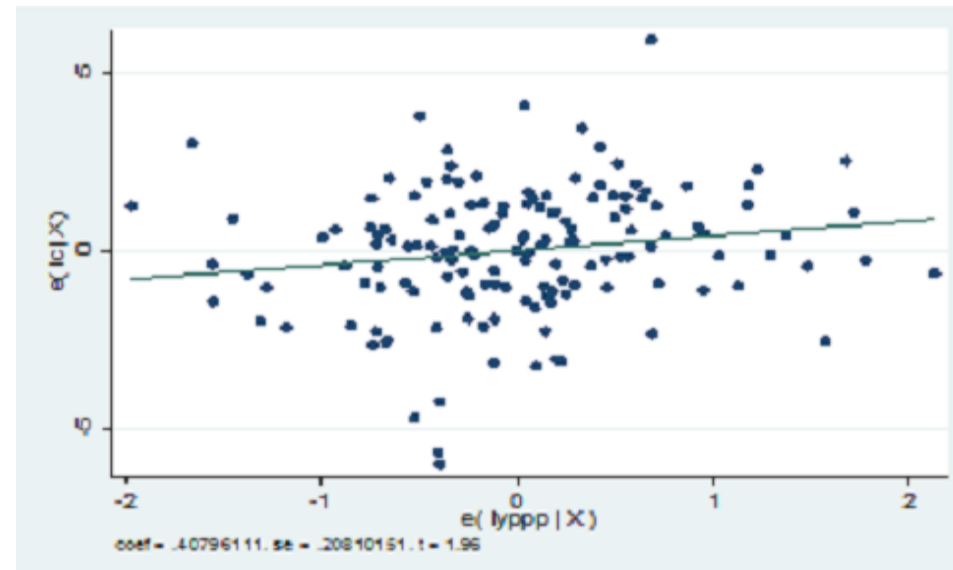
Đầu tư của Trung Quốc ra nước ngoài và tỉ trọng trong tổng FDI thế giới (tỷ USD, %)  
 Nguồn: Tính toán theo số liệu SAFE các năm



# Mức độ quan tâm tới quy mô thị trường

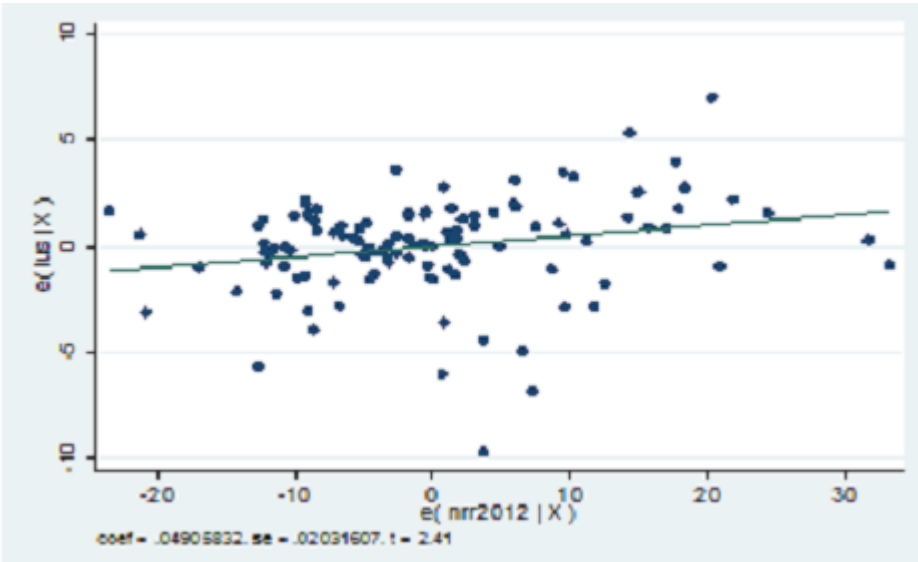


Công ty Mỹ

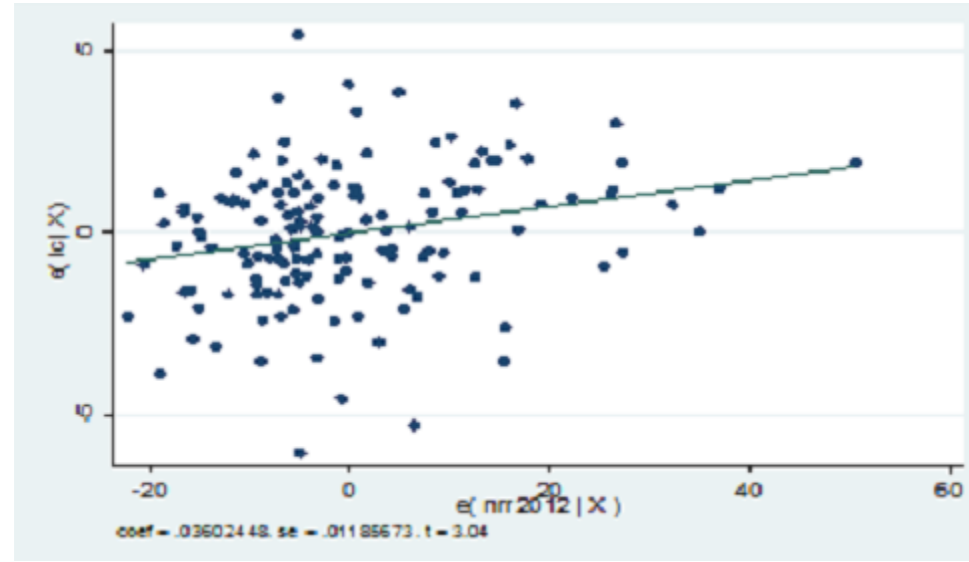


Công ty Trung Quốc

# Mức độ quan tâm đến nguồn lợi tài nguyên

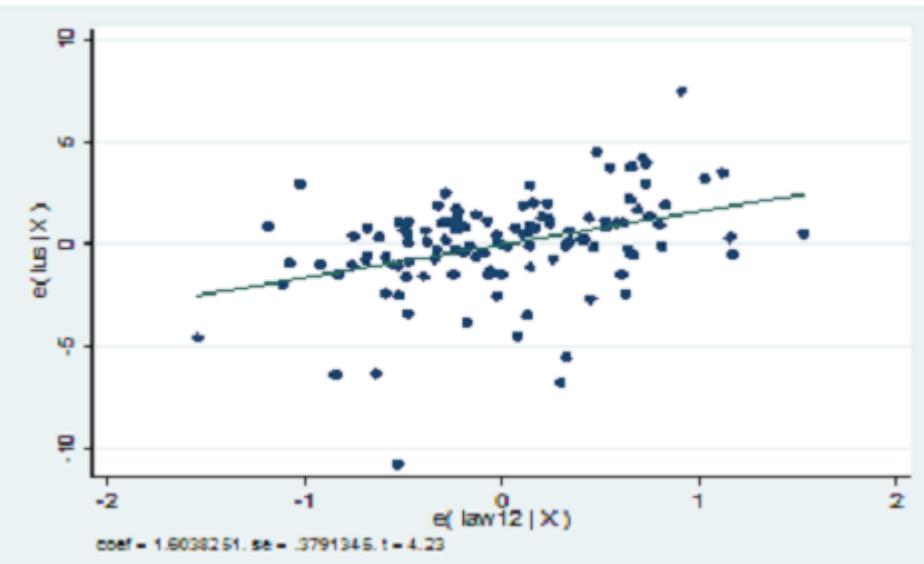


Công ty Mỹ

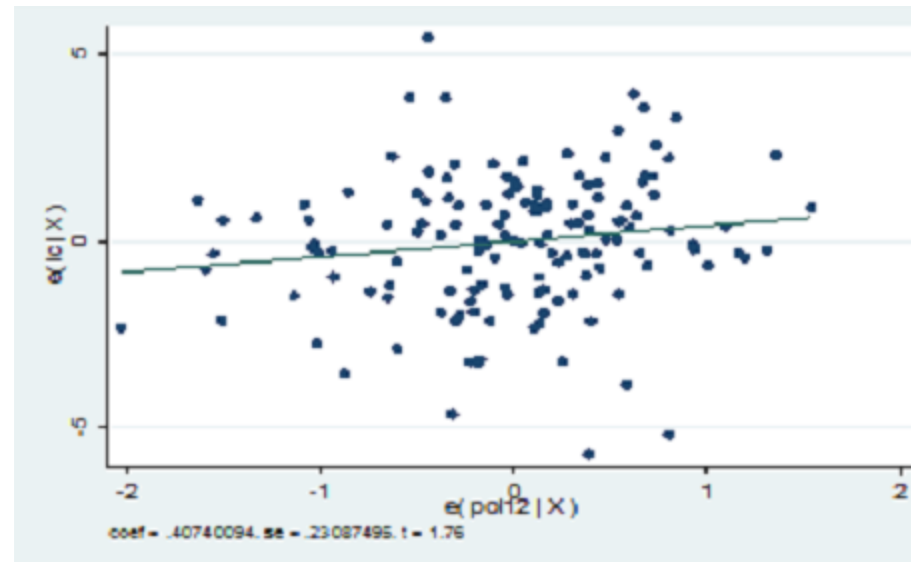


Công ty Trung Quốc

## Quan tâm tới tính chất của thị trường

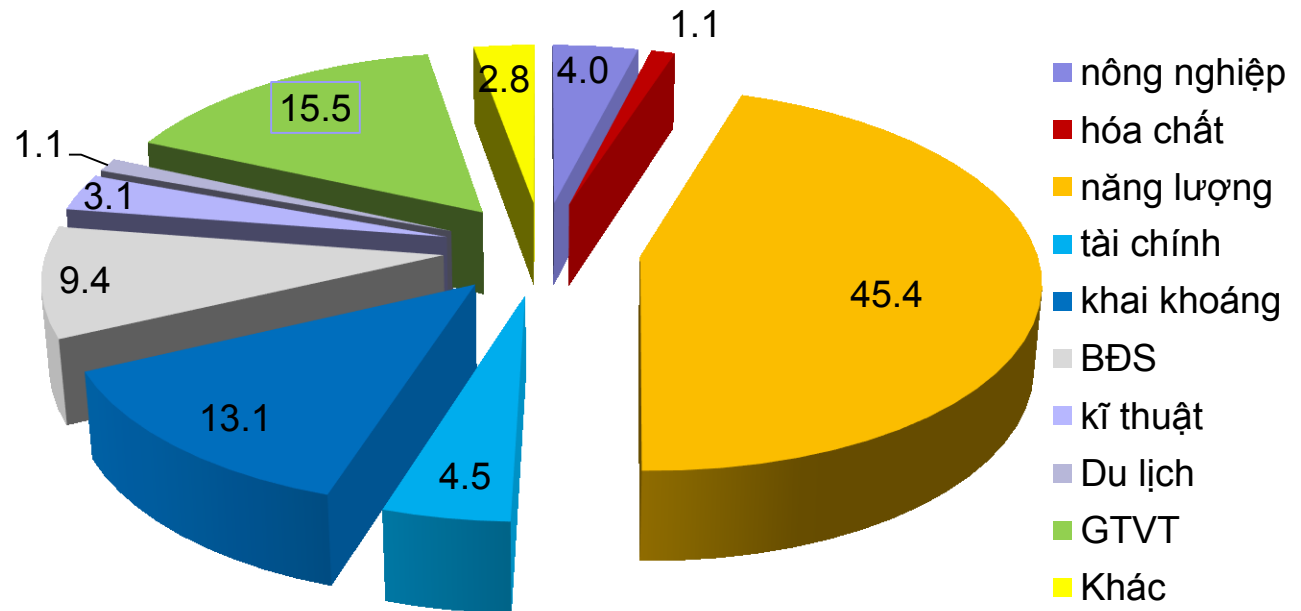


DN Mỹ quan tâm đến các thị trường có mức độ bảo vệ sở hữu trí tuệ cao



DN Trung Quốc quan tâm đến các thị trường có mức độ ổn định cao về chính trị

Hình: Vốn FDI Trung Quốc theo ngành 2005 – 2014  
 Nguồn: Tính toán theo số liệu The Heritage Foundation

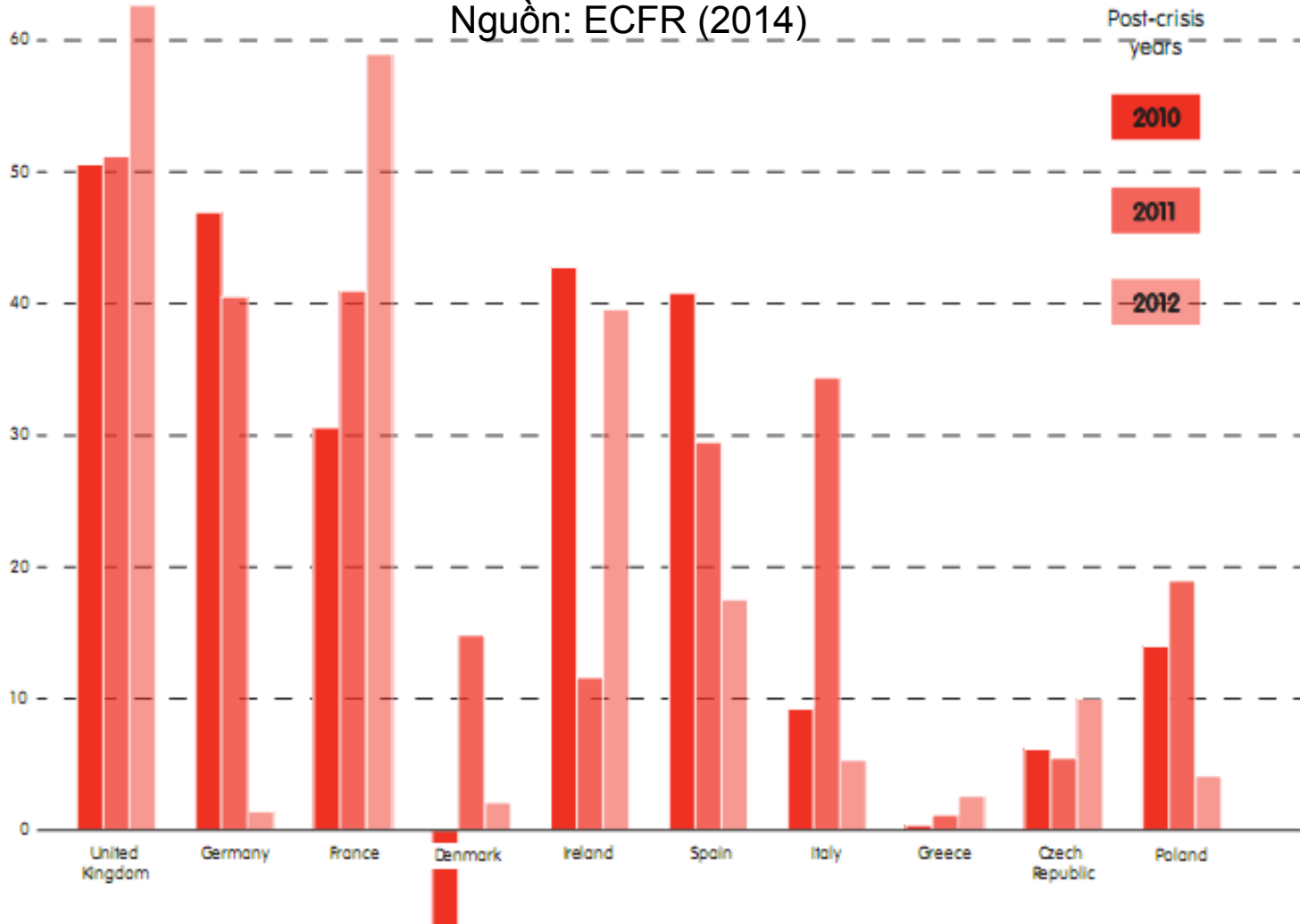


- Đến 2014 Trung Quốc đã đầu tư ra bên ngoài khoảng 750 tỷ USD
- Gần 50% vốn FDI của Trung Quốc tập trung vào năng lượng; tiếp đó là GTVT 15,5% và khai khoáng 13,3%
- Các thị trường thu hút FDI (không tính Hong Kong) chủ yếu vẫn là EU và Bắc Mỹ
- Năm 2014 ghi nhận FDI của Trung Quốc vào châu Âu tăng tới 170% trong khi vốn FDI của Trung Quốc vào Mỹ tăng 30%

# FDI của Trung Quốc vào EU

FDI của Trung Quốc vào EU sau khủng hoảng 2010 (tỷ USD)

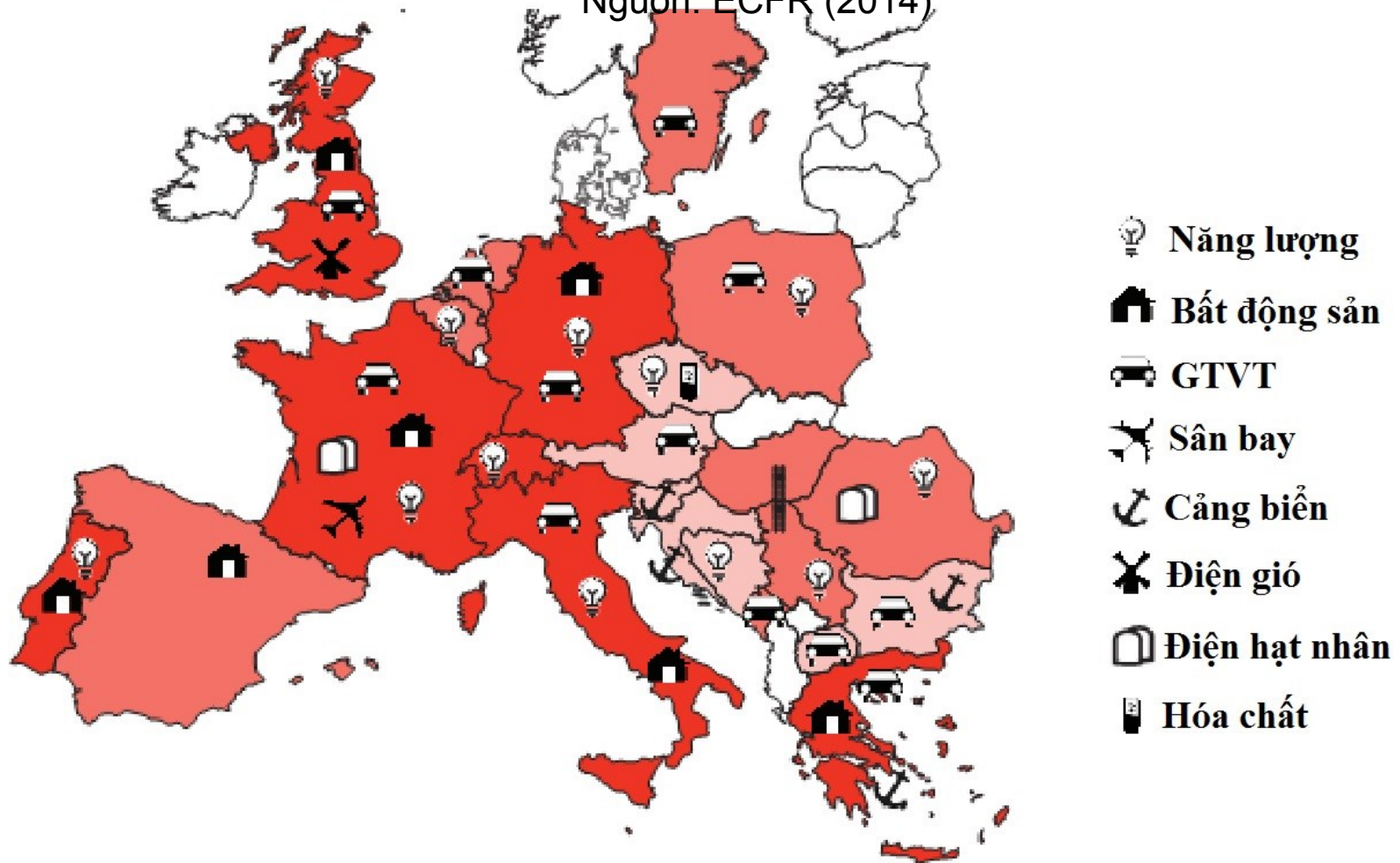
Nguồn: ECFR (2014)



## FDI của Trung Quốc vào EU (tiếp)

FDI của Trung Quốc vào EU sau khủng hoảng 2010 phân theo ngành

Nguồn: ECFR (2014)



- Cơ chế ISDS (Thực hiện tranh chấp giữa nhà đầu tư với nước sở tại)
  - Các nước thường có xu hướng kí kết FTAs trong đó có nội dung mở cửa thị trường đầu tư hơn là kí hiệp định tự do hóa đầu tư đơn phương
  - EU muốn đưa ISDS vào đàm phán TTIP nhưng với Trung Quốc có thể sẽ phải sử dụng một cơ chế đường vòng: EU sẽ tiếp cận đến việc tự do hóa việc tiếp cận thị trường Trung Quốc mà không cần đến các hiệp định
  - BIT giữa Trung Quốc với các nước đang chuyển sang mô hình “negative list” nhưng do mức độ phát triển của hệ thống tư pháp Trung Quốc còn thấp nên việc sử dụng cơ chế ISDS có thể gây khó khăn cho các chính phủ EU hơn là hỗ trợ doanh nghiệp các nước này tại thị trường Trung Quốc



## Vấn đề vốn FDI Trung Quốc gây ra cho EU

- **Mức độ tiếp cận thị trường và các vấn đề bảo hộ**
- Khuynh hướng “bài ngoại” lan rộng tại Trung Quốc dưới danh nghĩa chống độc quyền
- Các lĩnh vực kinh doanh quan trọng như dược phẩm, internet, bán lẻ, kinh doanh trên mạng được gia tăng mức độ bảo hộ để hình thành nên các hãng lớn của Trung Quốc
- Năm 2013: 77% công ty châu Âu gặp phải vấn đề bảo hộ sở hữu trí tuệ tại Trung Quốc hay các đối xử bất bình đẳng dành cho SOEs của Trung Quốc
- 66% SMEs của châu Âu phàn nàn rằng vấn đề tiếp cận tài chính là thách thức lớn nhất khi làm ăn tại Trung Quốc

## Vấn đề vốn FDI Trung Quốc gây ra cho EU

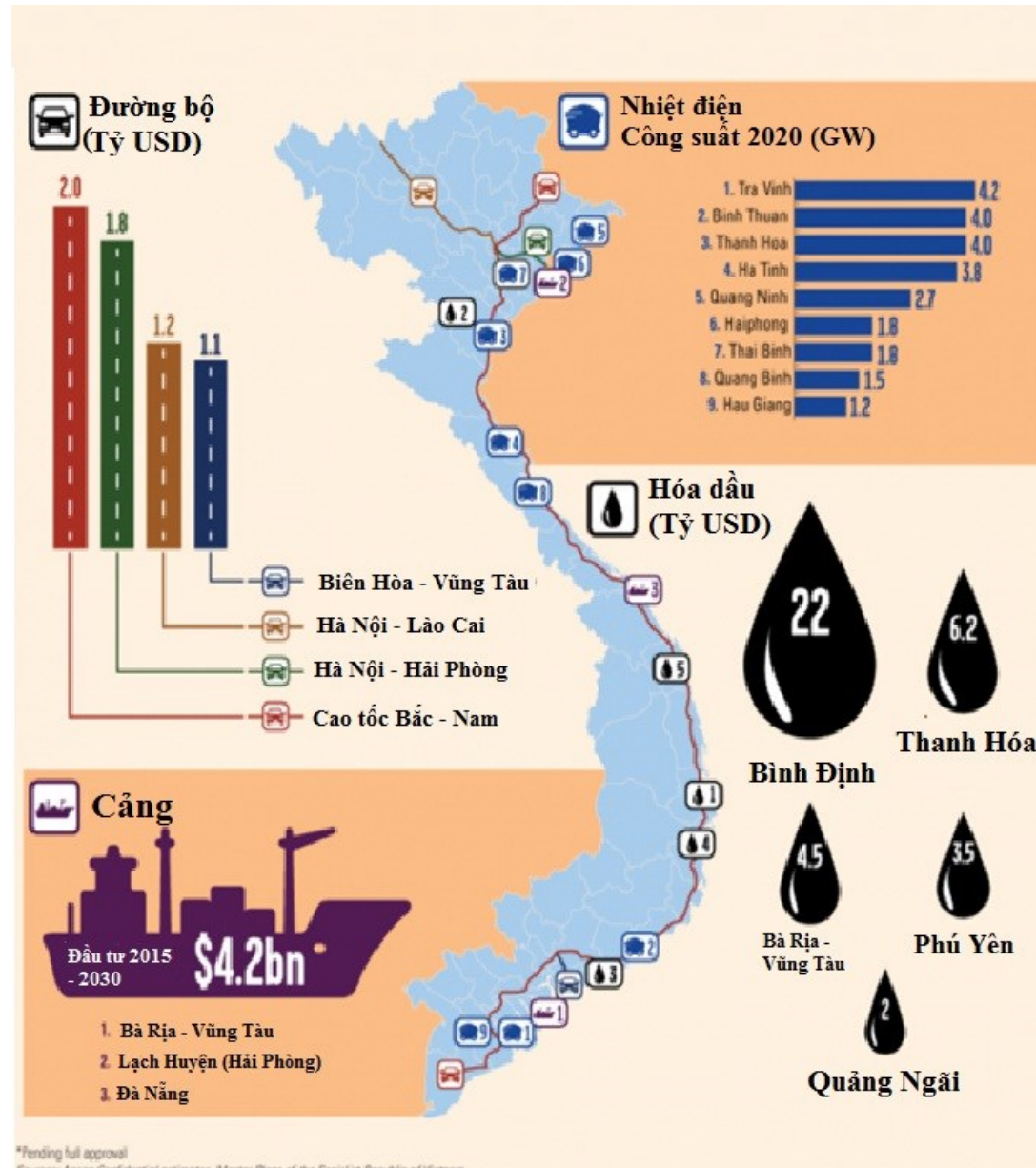
- Sự xuất hiện của SOEs Trung Quốc trong việc đầu tư ra nước ngoài và các vấn đề liên quan
  - 2011: SOEs: 66.2%
  - Đến cuối 2013, tổng FDI của Trung Quốc vào khoảng 550 tỷ USD, trong đó 55.2% là SOEs và 44.8% là NSEs
  - Năm 2013: 92.7 tỷ USD, trong đó 43.9% là SOEs; 42.2% là Cty TNHH; 6.2% là cty cổ phần hữu hạn; 2.2% là các cty hợp doanh; 2% là doanh nghiệp tư nhân

# Vốn FDI của Trung Quốc tại Việt Nam

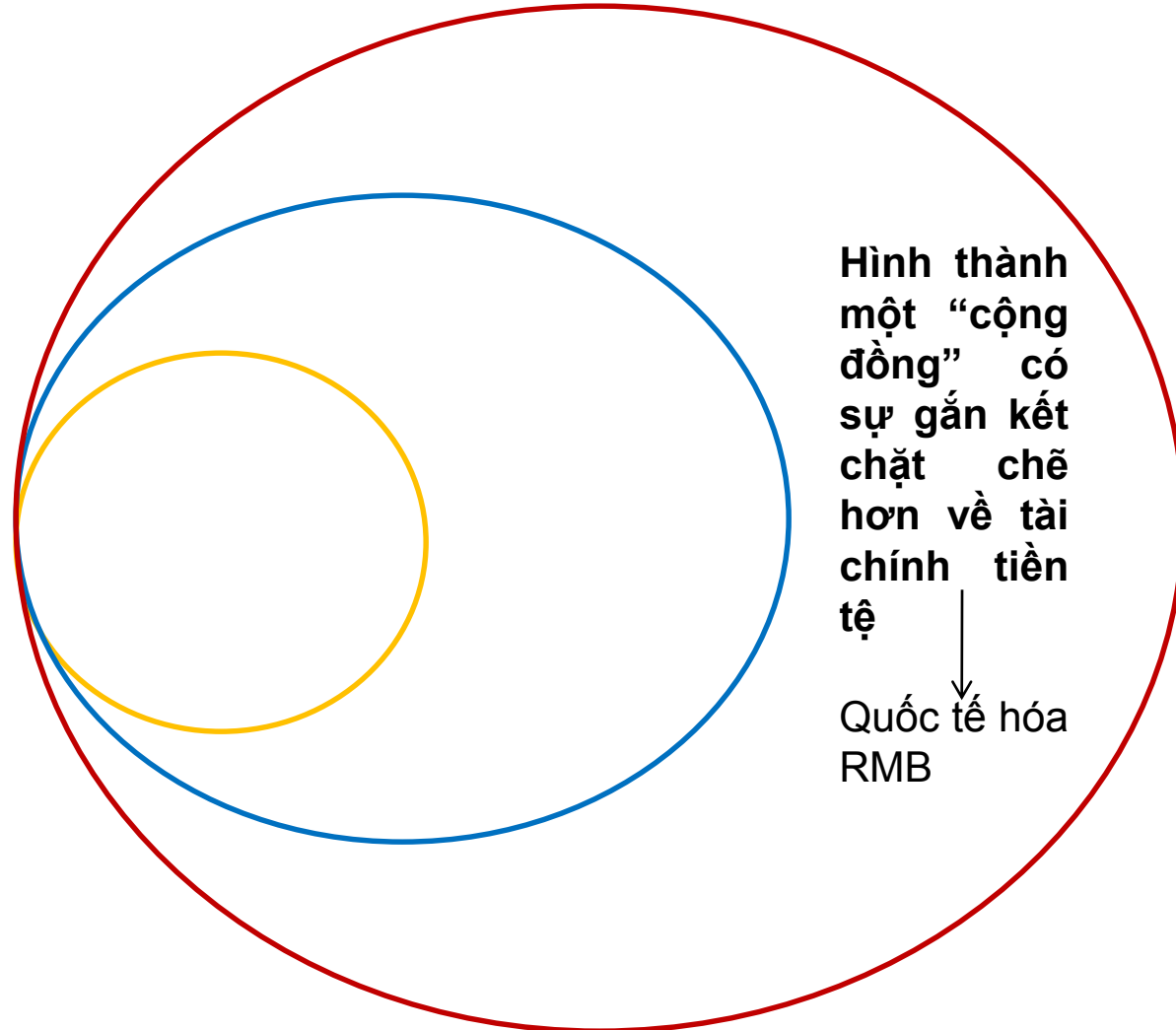
Hình: Các dự án đầu tư Trung Quốc đang triển khai tại Việt Nam

Nguồn: VCES tổng hợp

Đường bộ: 6.1 tỷ USD  
 Nhiệt điện: 25 tỷ USD  
 Hóa dầu: 38.2 tỷ USD  
 Cảng biển: 4.2 tỷ USD



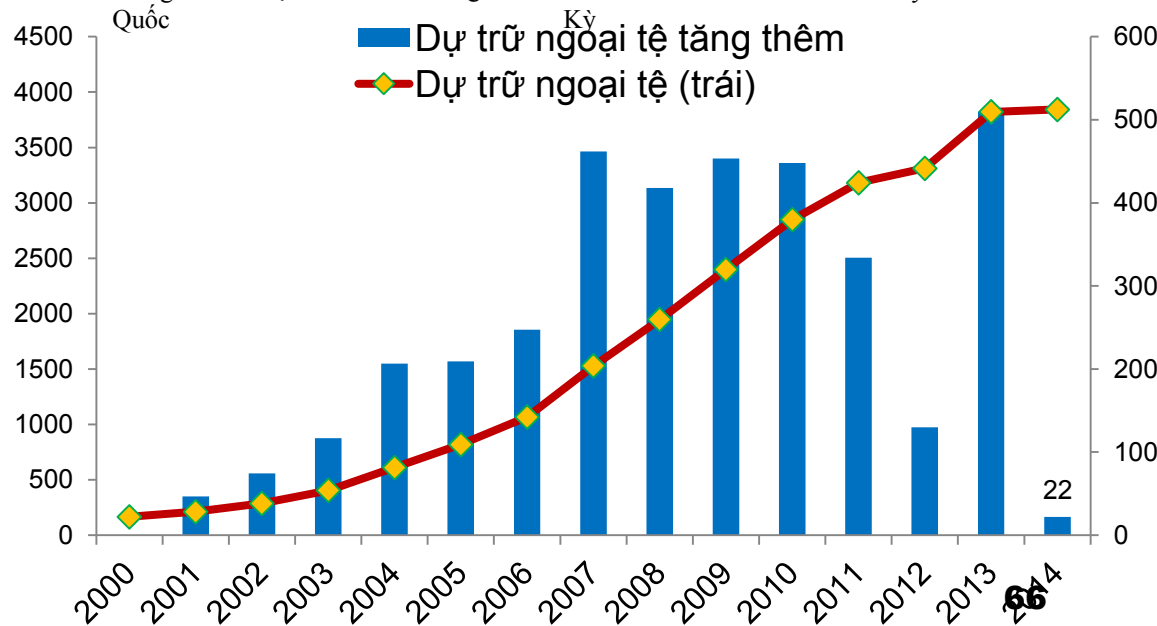
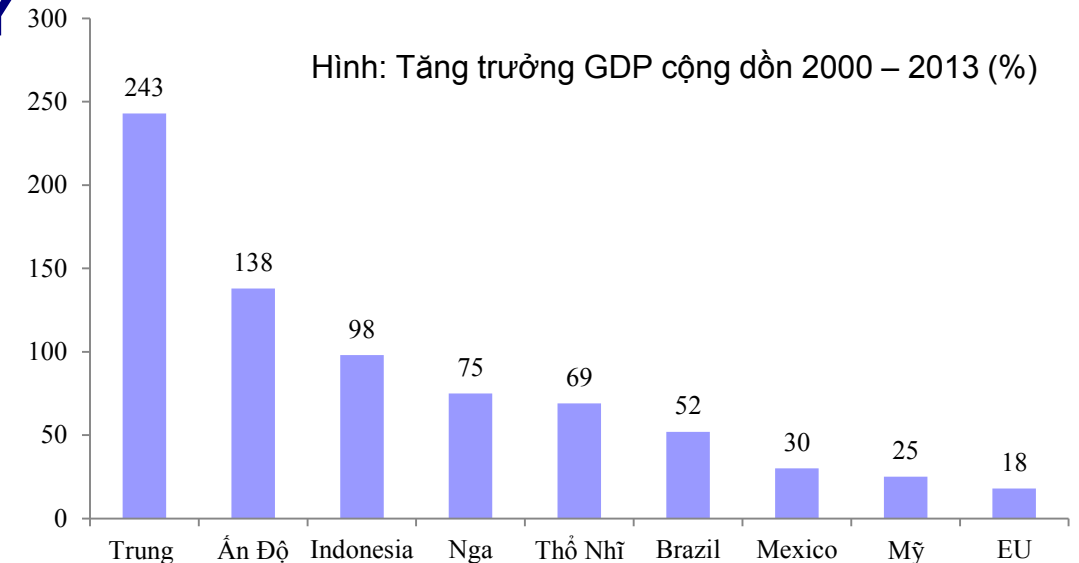
# Những mục tiêu kinh tế của Trung Quốc - 3 tầng nấc của sự hợp tác



# Cơ sở để Trung Quốc thúc đẩy quốc tế hóa đồng CNY

- Khủng hoảng 2008, 2010
- Trung Quốc không hài lòng với “dự án toàn cầu hóa” của Mỹ
- Những vấn đề nội tại của tăng trưởng kinh tế Trung Quốc

Hình: Tăng trưởng GDP cộng dồn 2000 – 2013 (%)



## Quốc tế hóa CNY – Trung Quốc đã làm gì?

### **Giai đoạn 4: Quốc tế hóa**

Tự do hóa tài khoản vãng lai và vốn

Giai đoạn 3: Thực hiện thanh toán thương mại bằng đồng CNY trong thương mại vùng biên

Năm 2009: thiết lập cơ chế thanh toán thương mại biên mậu bằng đồng CNY

### **Giai đoạn 2: Hình thành thị trường trái phiếu CNY hải ngoại**

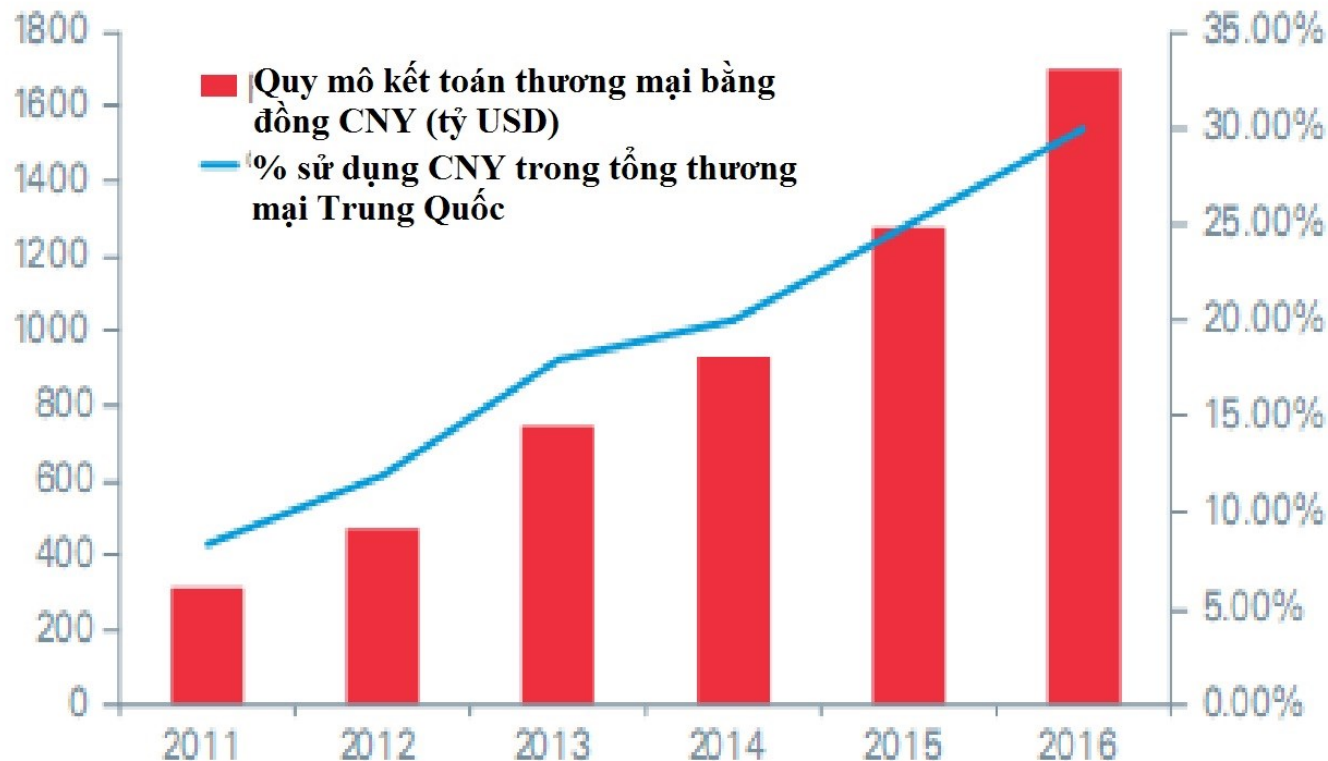
Năm 2007 các tổ chức tài chính tín dụng Trung Quốc phát hành trái phiếu có bảo lãnh tại Hong Kong

### **Giai đoạn 1: Dịch vụ bán lẻ đồng CNY tại ngân hàng**

Năm 2004: giới thiệu nghiệp vụ kinh doanh đồng CNY

## Thúc đẩy quốc tế hóa CNY qua thanh toán thương mại quốc tế

Hình: Quy mô thanh toán thương mại bằng đồng CNY (Tỷ USD)

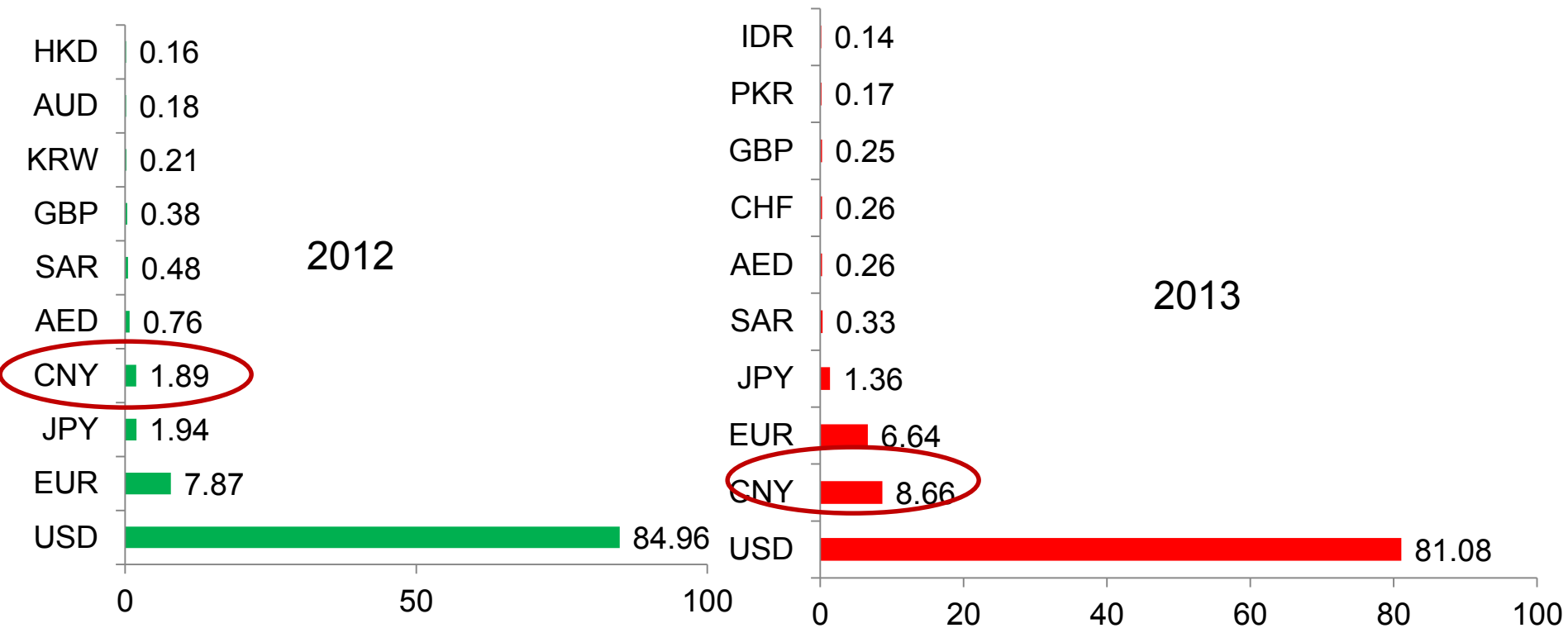


Khoảng 6000 tỷ CNY (20% tổng giá trị thương mại) đã được sử dụng trong thanh toán thương mại của Trung Quốc. Dự báo con số này có thể sẽ tăng lên đến 30% vào năm 2016.

# Thúc đẩy quốc tế hóa CNY qua thanh toán thương mại quốc tế

Hình: Tỷ trọng các đồng tiền trong giao dịch thương mại thế giới (%)

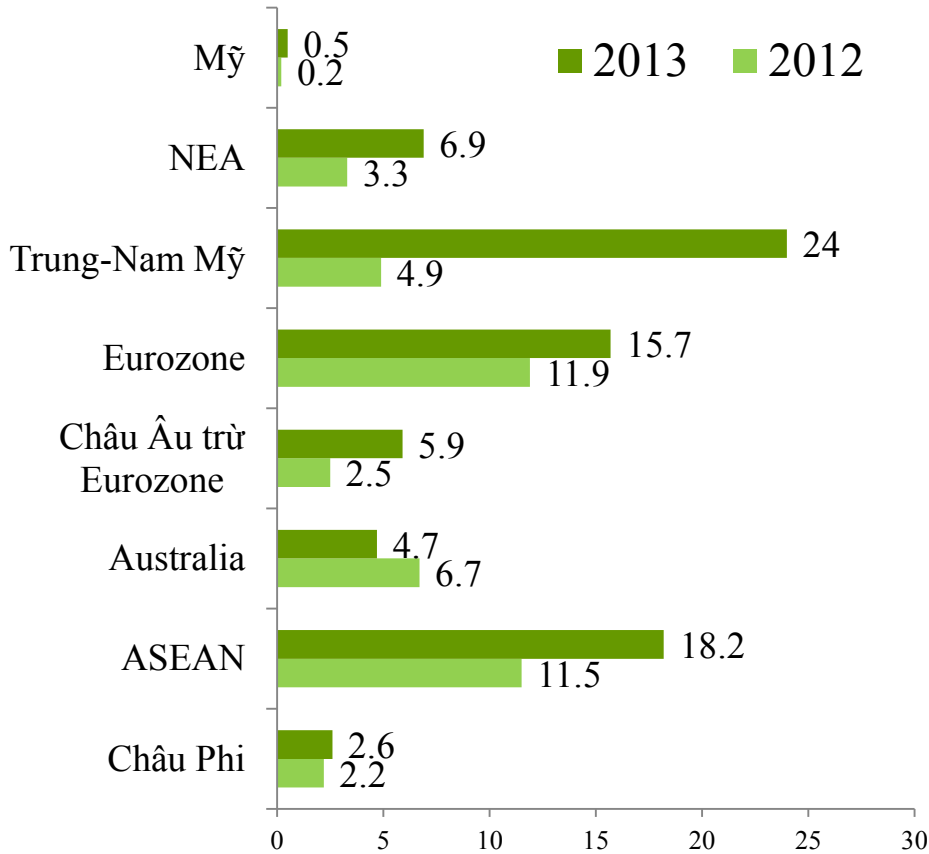
Nguồn: SWIFT; Deutsche Bank



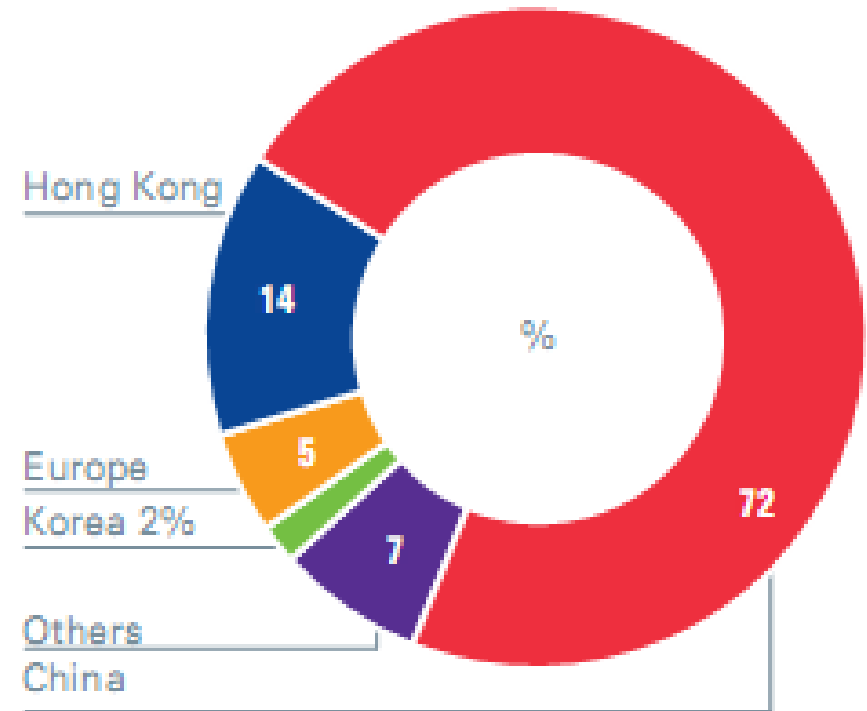


# Thúc đẩy quốc tế hóa CNY qua thanh toán thương mại quốc tế

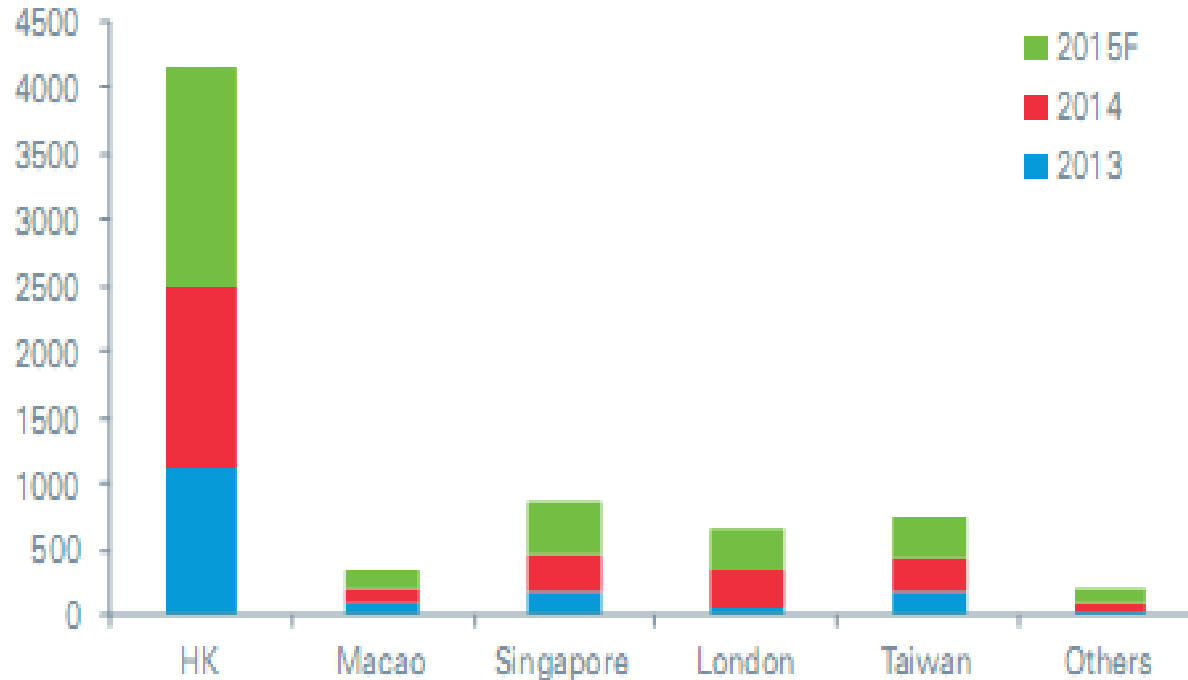
Hình: Sử dụng đồng CNY trong giao dịch thương mại với Trung Quốc/Hong Kong



Hình: Top 5 thị trường sử dụng đồng CNY trong giao dịch thương mại  
 Nguồn: Deutsche Bank



# Thúc đẩy quốc tế hóa CNY qua phát hành trái phiếu



Hình: Phát hành trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi bằng đồng CNY tại các thị trường hải ngoại  
 Nguồn: Deutsche Bank

# Thúc đẩy quốc tế hóa CNY qua chức năng tiền tệ dự trữ

Trong việc thúc đẩy chức năng dự trữ của đồng CNY, chính phủ Trung Quốc đã cấp phép cho các ngân hàng được đầu tư trái phiếu liên ngân hàng với quy mô lên tới 600 tỷ CNY (khoảng 100 tỷ USD), trong đó 50 tỷ USD được phân phối cho các ngân hàng trung ương hoặc các quỹ đầu tư quốc gia của các nước



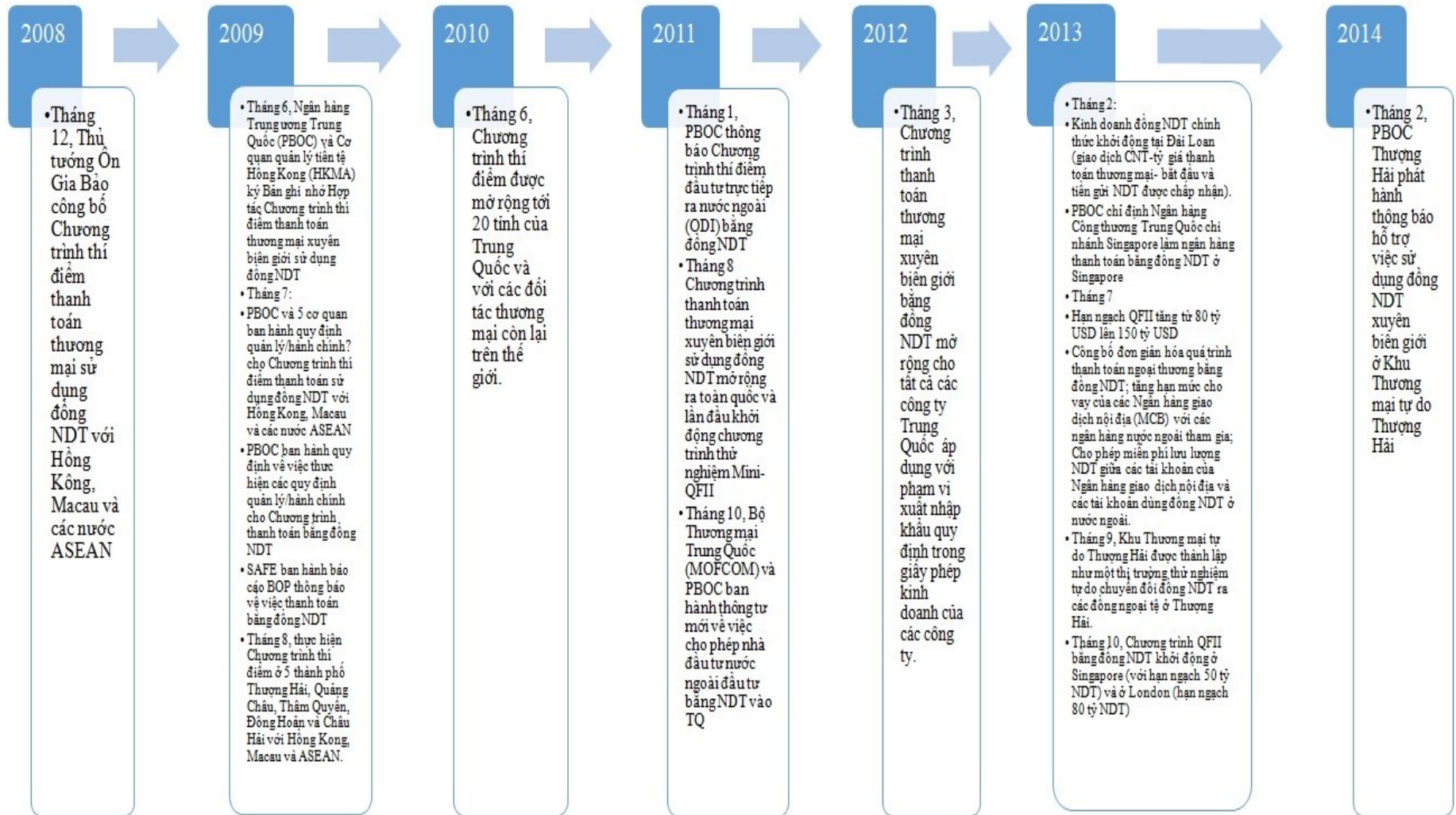
- 23 quốc gia, 3568 tỷ CNY
- Các quốc gia/tổ chức đã hoán đổi tiền tệ thực tế với Trung Quốc

Thương mại: 3200 tỷ CNY

Đầu tư: 650 tỷ CNY

Trái phiếu: 750 tỷ

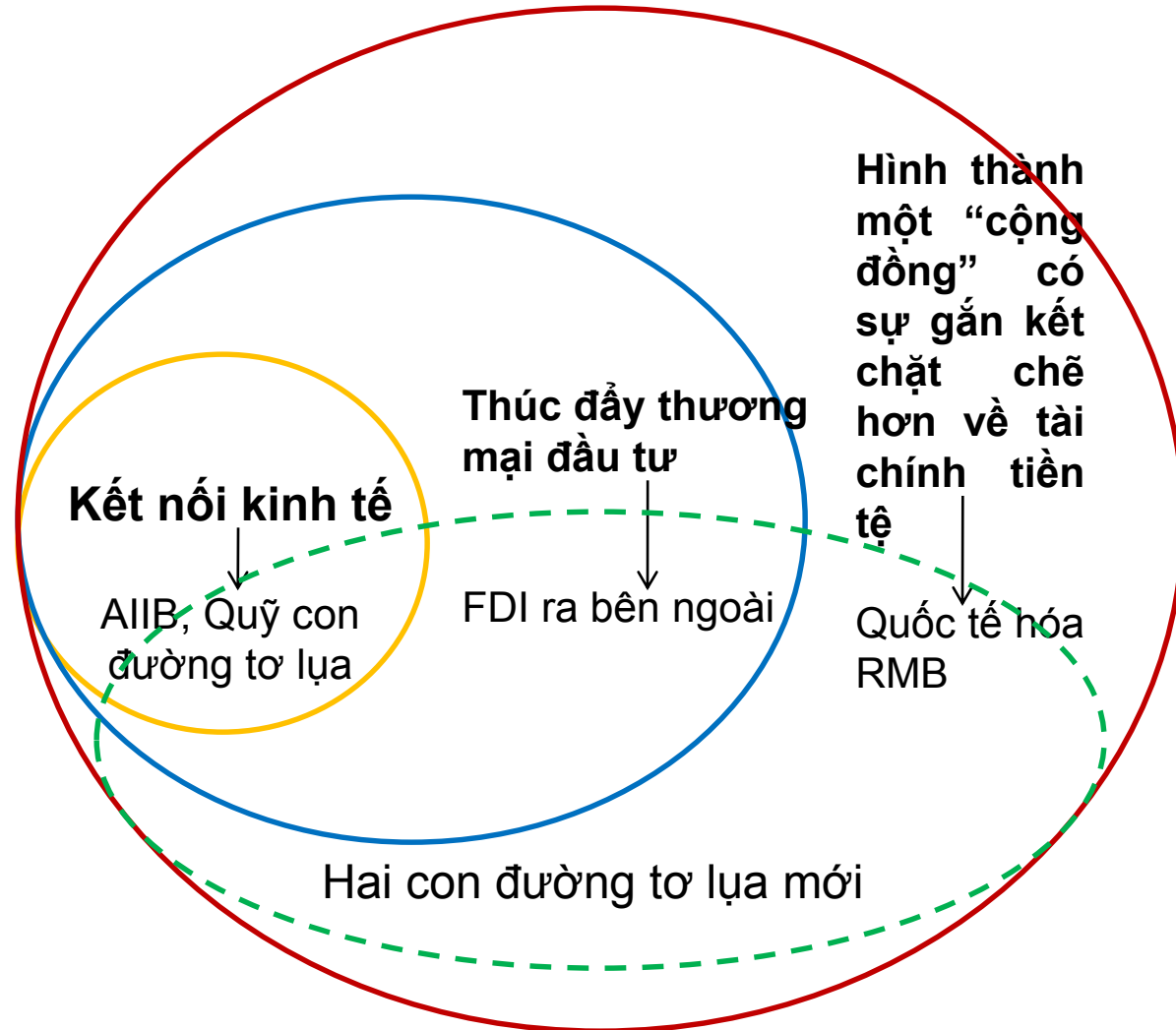
# VEPR Vai trò của thị trường CNY hải ngoại



# Sự đặc thù của quốc tế hóa đồng CNY – Tài khoản vốn chưa tự do hóa → vai trò của thị trường hải ngoại

	Hồng Kông	Singapore	Đài Loan	London	Luxembourg
Nghiệp vụ NHTM và bán lẻ	√	√	√	Hữu hạn	Hữu hạn
Nghiệp vụ ngoại tệ	√	√		√	
Nghiệp vụ thúc đẩy thương mại đồng CNY	√	√	√		√
Các sản phẩm CNY tại hải ngoại	Thị trường chứng khoán sơ/thứ cấp	Các sản phẩm thị trường tài chính rộng rãi	Các sản phẩm thị trường tài chính hữu hạn	Các sản phẩm thị trường tài chính hữu hạn	Nghiệp vụ đăng kí của quỹ đầu tư
Đã kí hiệp định hoán đổi tiền tệ hay chưa	√	√		√	√ (ECB)
Ưu thế chủ yếu	Cửa ngõ truyền thống để vào thị trường Trung Quốc	Trung tâm tài chính tiền tệ của ASEAN	Có quan hệ thương mại mật thiết	Bao trùm múi giờ châu Âu	
	Tài chính và thương mại gắn bó mật thiết	Cơ sở hạ tầng và nền tảng tài chính tiền tệ hiện có rất kiện toàn		Trung tâm ngoại hối hàng đầu thế giới	
	Cơ sở hạ tầng và nền tảng tài chính tiền tệ hiện có rất kiện toàn	Điểm tập kết của các trung tâm tài chính và hàng hóa cơ bản của khu vực			
	Năng lực quản lí tài sản cao	Trung tâm ngoại hối lớn thứ 3 thế giới			
	Số lượng nhà đầu tư lớn				
Thị trường chủ yếu	Các thị trường theo múi giờ Trung Quốc	Thị trường theo múi giờ Đông Nam Á	Lưu thông đồng CNY giữa hai bờ eo biển	Trung tâm tài chính toàn cầu	Trung tâm quản lí quỹ lớn nhất châu Âu
	Dự án thí điểm/các sản phẩm mới	Trung tâm hàng hóa cơ bản		Giao dịch ngoại hối toàn cầu	
	Thị trường trái phiếu dim-sum	Nghiệp vụ ngân hàng tư nhân		Quản lí tài sản	

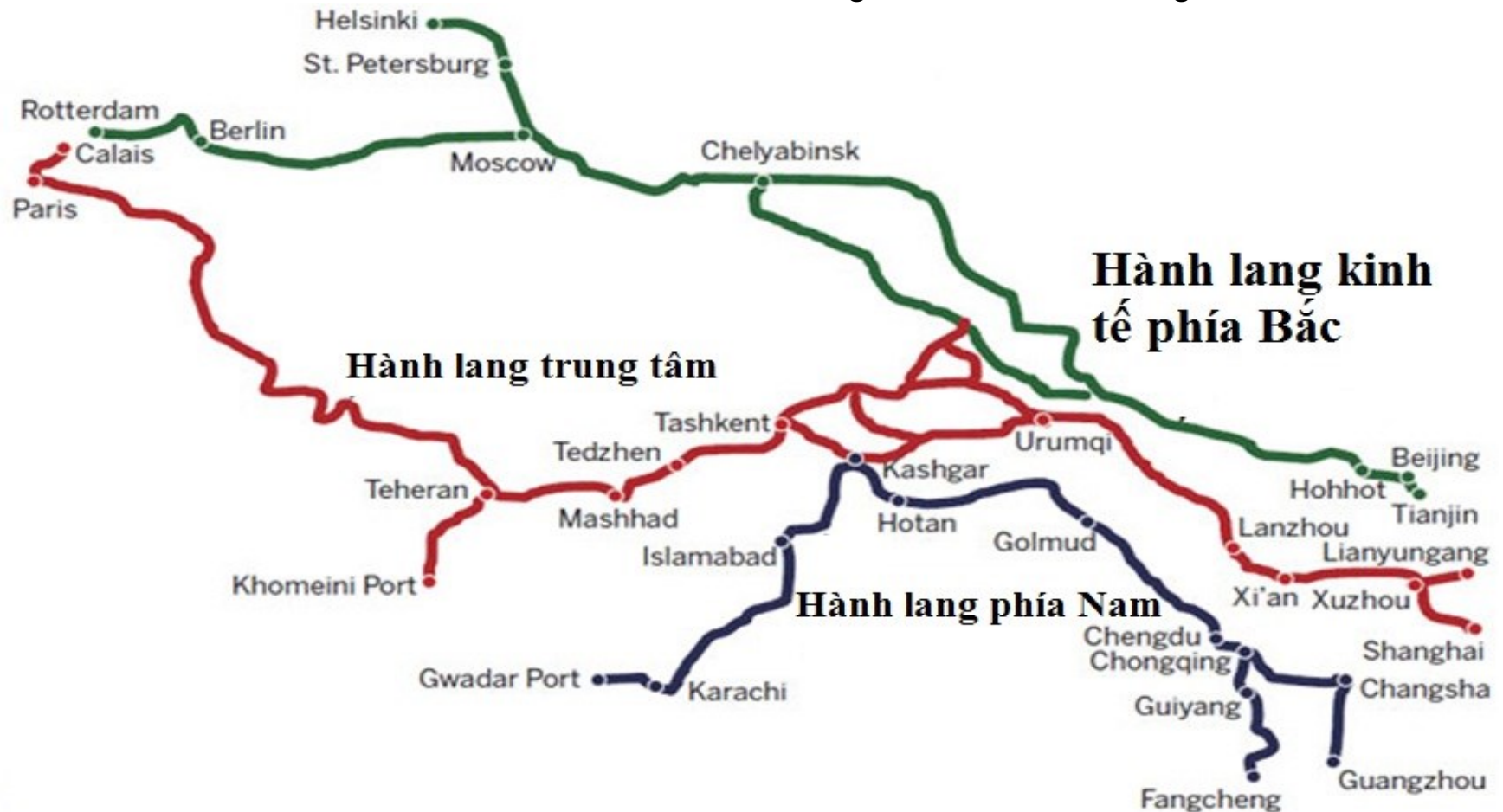
# Những mục tiêu kinh tế của Trung Quốc - 3 tầng nấc của sự hợp tác





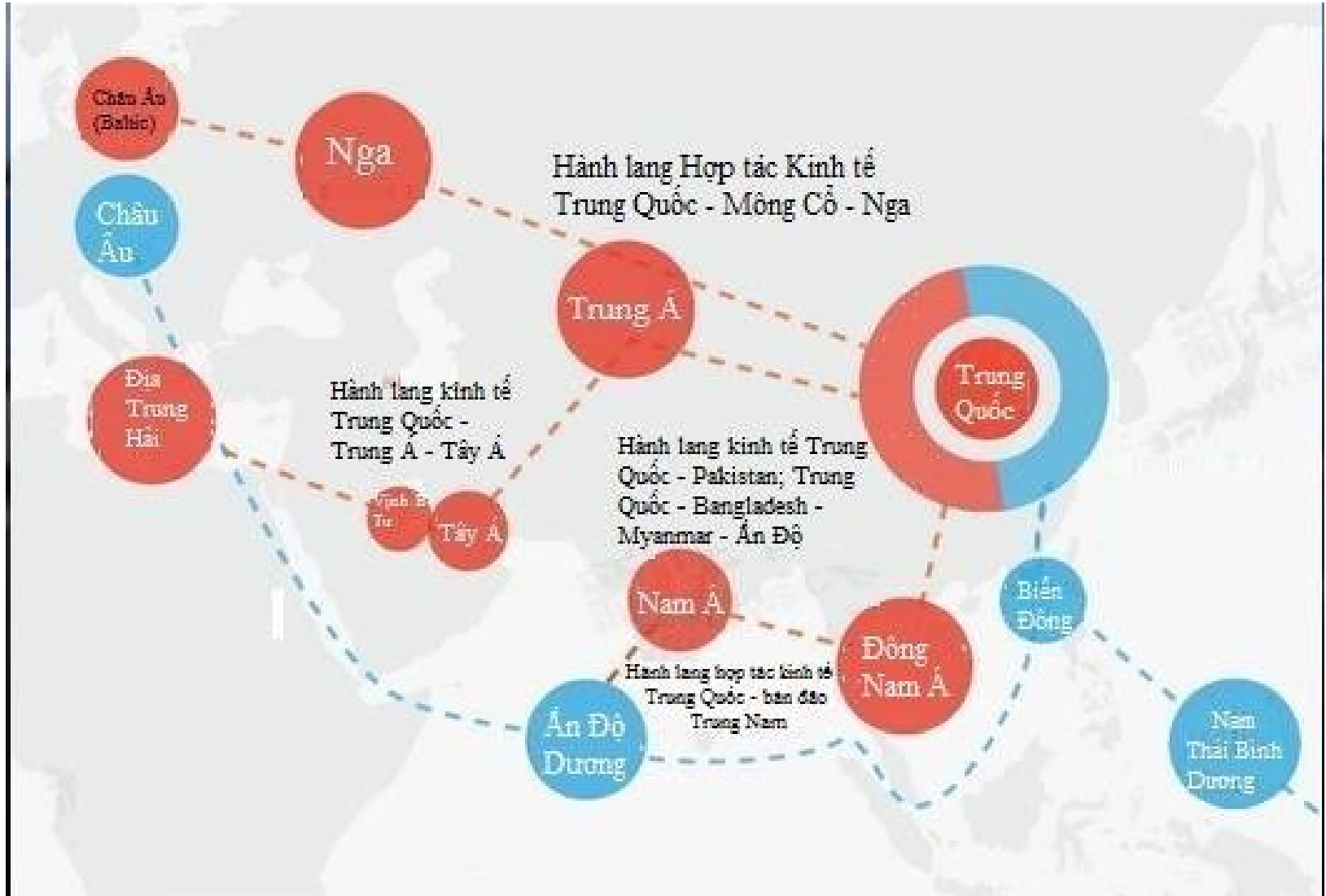
## Ba hành lang kinh tế của Vành đai kinh tế con đường tơ lụa mới

Hình: 3 hành lang kinh tế quan trọng của Trung Quốc trong kế hoạch “1 đường 1 dải”





# Ba hành lang kinh tế của Vành đai kinh tế con đường tơ lụa mới



# VEPR

# Kết nối cơ sở hạ tầng cho phát triển của một châu Á mới



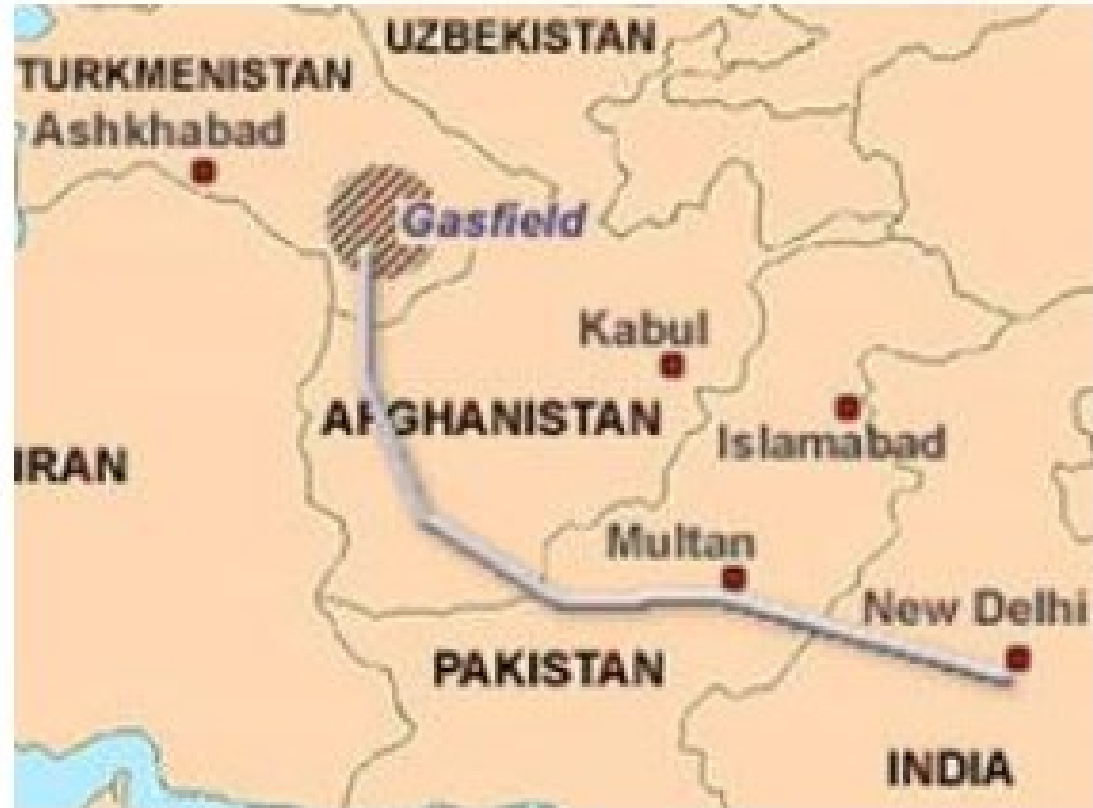
The gauges involved and the presentation of them on the map do not imply the approval of any particular gauge as the sole of the standard of the railway lines concerning the Asia-Europe cross-country, territory, city or region of its outfalls, or concerning the distribution of its routes or standards.

# Con đường tơ lụa mới – Cuộc đua mới tại chiến trường mới

- Mỹ
  - Con đường tơ lụa mới của Mỹ
  - Mạng lưới phân phối phía Bắc

## Con đường tơ lụa mới của Mỹ

- 2010 – 2012: 520 triệu USD đầu tư cho Trung Á nhằm cải thiện tình hình an ninh, vận hành hệ thống pháp luật
- 380 triệu USD cho hỗ trợ phát triển
- 1992 – 2012: 3.9 tỷ USD hỗ trợ cho phát triển giáo dục và y tế
- Tuyến ống dẫn khí dài 1734 km do ADB cung cấp tài chính dẫn khí từ Turkmenistan đến Ấn Độ dự kiến khởi công 2017 – 2018
- Dự án CASA-1000 nhằm xây dựng mạng lưới thủy điện để cung cấp năng lượng cho Afghanistan và Pakistan từ Kyrgyzstan và Tajikistan



Kyrgyzstan and Tajikistan to Afghanistan and Pakistan.

Bảng: Năng lượng Trung Á  
Nguồn: EIA U.S.

Country	Oil (billion barrels)	Gas (trillion cubic feet)	Oil Global Rank	Gas Global Rank
Kazakhstan	30	85	13	14
Turkmenistan	0.6	265	42	6
Uzbekistan	0.59	65	43	19
Kyrgyzstan	0.04	0.2	74	82
Tajikistan	0.01	0.2	80	82

# Con đường tơ lụa mới của Mỹ vs. Trung Quốc



# Cảm ơn lắng nghe!

Q&A